



CÔNG TY CỔ PHẦN BỘT GIẶT LIX



2022 : BÁO CÁO
: THƯỜNG NIÊN

THÔNGIỆP CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



“Với truyền thống hơn 50 năm hoạt động, Công ty cổ phần Bột giặt LIX luôn nỗ lực để trở thành một trong những nhà sản xuất và cung ứng hàng đầu về bột giặt, chất tẩy rửa lông và mỹ phẩm. Với triết lý kinh doanh, lấy khách hàng làm trung tâm, tôn trọng đạo đức kinh doanh, chúng tôi đã không ngừng nghiên cứu, phát triển và cung cấp cho khách hàng những sản phẩm chất lượng tốt nhất”

Kính gửi Quý Cổ đông, Quý Khách hàng, Đối tác và toàn thể Cán bộ công nhân viên,

Năm 2022, kinh tế trong nước dần phục hồi sau giai đoạn giãn cách xã hội do ảnh hưởng dịch bệnh Covid-19. Trong tình trạng bất ổn định toàn cầu gia tăng liên quan đến xung đột chính trị giữa Nga - Ukraine, giá cả hàng hóa thế giới tăng cao và sự gián đoạn chuỗi cung ứng do tình trạng phong tỏa để kiểm soát dịch Covid-19 tại Trung Quốc làm cho giá cả nguyên liệu tăng cao, sức ép cạnh tranh ngày càng gay gắt của các doanh nghiệp cùng ngành và suy giảm tiêu dùng của người dân do ảnh hưởng bởi lạm phát đã tác động trực tiếp đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Trong bối cảnh khó khăn chung của nền kinh tế, Công ty đã phải đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức. Tuy nhiên, với sự nỗ lực vượt bậc của Ban lãnh đạo, toàn thể Cán bộ công nhân viên cùng với các khách hàng, đối tác, Lixco đã vượt qua giai đoạn khó khăn và đạt kết quả khả quan, đáng khích lệ. Năm 2022, tổng doanh thu của Công ty đạt 2.849 tỷ đồng, đạt 98,27% so với kế hoạch được Đại hội đồng cổ đông thông qua. Đồng thời, lợi nhuận trước thuế đạt 262 tỷ đồng, vượt kế hoạch với tỷ lệ hoàn thành đạt 116,79%. Đây là những kết quả thể hiện sự nỗ lực và cống hiến của tập thể Lixco.

Chặng đường phía trước sẽ còn nhiều khó khăn, thách thức nhưng với sự chung sức, đồng lòng, tinh thần trách nhiệm, tính sáng tạo của tập thể Ban lãnh đạo cùng toàn thể Cán bộ công nhân viên của Lixco, Tôi hoàn toàn tin tưởng Công ty sẽ hoàn thành các mục tiêu chiến lược đã đề ra, tiếp tục tạo dựng nên một thương hiệu LIX uy tín, vững mạnh trên thị trường, đồng thời mang đến những giá trị thiết thực cho tất cả Quý cổ đông, Quý đối tác, Cán bộ công nhân viên và toàn xã hội.

Thay mặt Ban lãnh đạo Công ty, Tôi xin trân trọng cảm ơn sự tin tưởng, hợp tác của Quý cổ đông, Quý đối tác cùng toàn thể Cán bộ công nhân viên Công ty đối với Lixco trong hơn 50 năm qua và kính mong tiếp tục nhận được sự ủng hộ, đồng hành của Quý vị để Lixco ngày càng phát triển bền vững, đóng góp nhiều lợi ích hơn nữa cho cộng đồng và xã hội.

Trân trọng,

Chủ tịch Hội đồng quản trị

PHẠM QUỐC ĐẠI



MỤC LỤC

1

GIỚI THIỆU LIXCO

Thông tin khái quát	12
Sự kiện nổi bật năm 2022	14
Quá trình hình thành và phát triển	18
Ngành nghề và địa bàn kinh doanh	22
Các sản phẩm nổi bật	24
Thông tin về mô hình quản trị và bộ máy quản lý	34
Định hướng phát triển trong tương lai	38
Các yếu tố rủi ro	46

2

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2022	52
Tổ chức và nhân sự	54
Tình hình đầu tư	63
Tình hình tài chính	64
Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu	70
Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty	72

3

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh	80
Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý	85
Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2023	85

4

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty	90
Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng giám đốc Công ty	91
Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị	91

5

QUẢN TRỊ CÔNG TY

Hội đồng quản trị	94
Ban kiểm soát	100
Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và Ban kiểm soát	105

6

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Báo cáo của Ban Tổng giám đốc	108
Báo cáo kiểm toán độc lập	110
Báo cáo tài chính được kiểm toán	111



TÂM NHÌN, SỨ MỆNH

LIXCO – CHĂM SÓC GIA ĐÌNH VIỆT

“Lixco sẵn sàng và mong muốn trở thành một đối tác đáng tin cậy của mọi gia đình. Chúng tôi luôn hiểu rằng gia đình là giá trị quan trọng nhất trong cuộc sống và sẽ mang đến cho gia đình bạn sự tiện lợi và hỗ trợ tốt nhất. Chúng tôi cam kết đồng hành cùng bạn vượt qua những thử thách trong cuộc sống và mong muốn trở thành người bạn đồng hành đáng tin cậy đối với gia đình bạn.”



Tâm nhìn

Trở thành công ty hàng đầu trong lĩnh vực sản xuất và kinh doanh các sản phẩm chăm sóc gia đình tại Việt Nam bằng chiến lược phát triển bền vững, trên cơ sở xây dựng hệ thống phân phối vững chắc, tiên phong đầu tư đổi mới công nghệ.



Sứ mệnh

Cung cấp những sản phẩm chất lượng cao với giá thành hợp lý cho người tiêu dùng, mang lại giá trị gia tăng cao nhất cho khách hàng, cổ đông, nhân viên và cộng đồng.



Triết lý kinh doanh

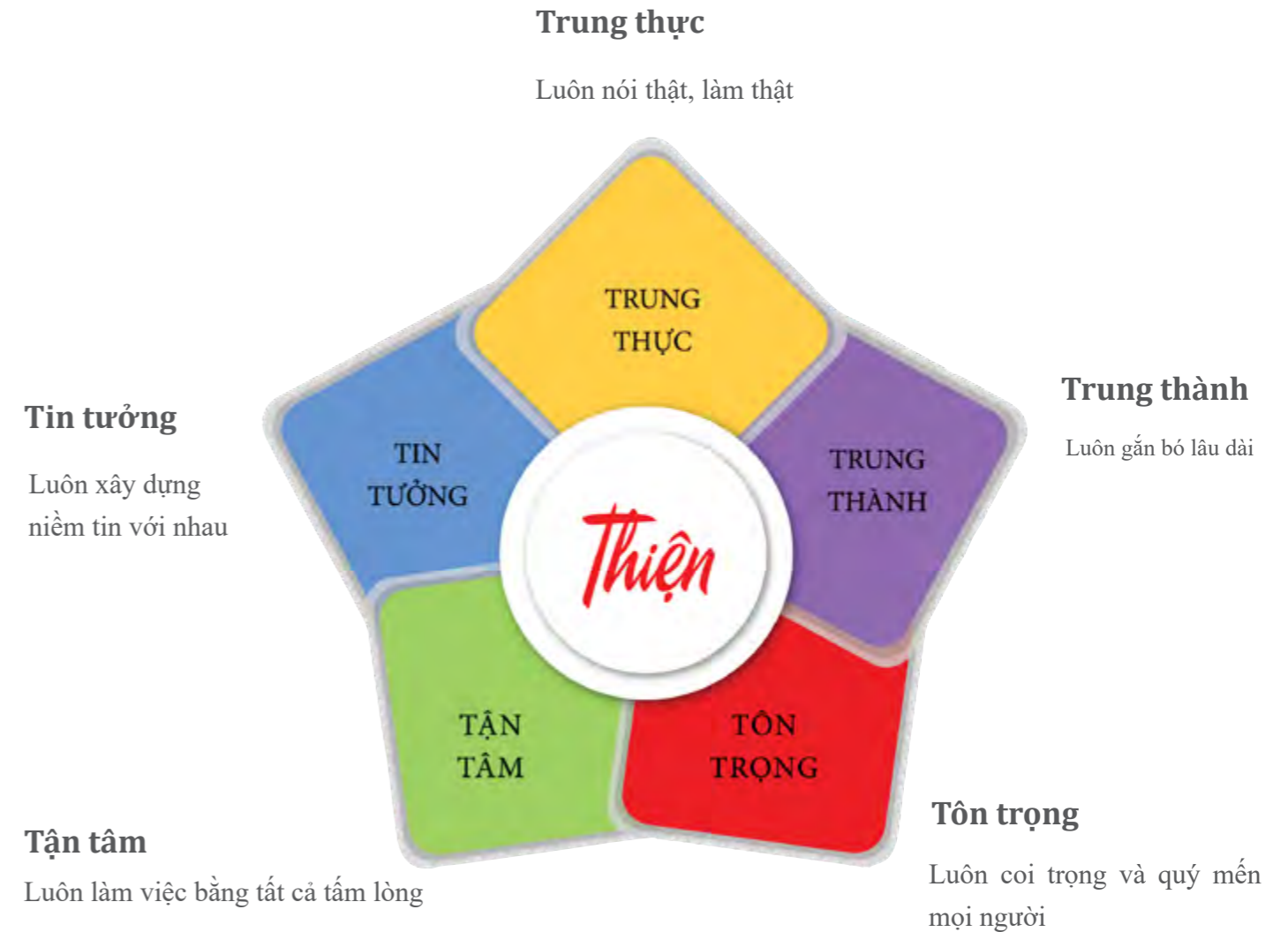
Lấy khách hàng làm trung tâm, tôn trọng đạo đức kinh doanh, chung tay bảo vệ môi trường và tuân thủ luật pháp.



GIÁ TRỊ CỐT LÕI

Giá trị cốt lõi

Bên cạnh tầm nhìn và sứ mệnh, Hội đồng quản trị công ty cũng đề cao giá trị cốt lõi Lixco là lấy giá trị triết lý “Thiện” làm trọng tâm và phát triển 5 yếu tố xoay quanh: Trung thực – Trung thành – Tôn trọng – Tận tâm – Tin tưởng.



Natural scents

Chuẩn On1

NƯỚC GIẶT TỪ TINH DẦU THIÊN NHIÊN



1

GIỚI THIỆU LIXCO

- Thông tin khái quát
- Các giải thưởng và ghi nhận nổi bật
- Quá trình hình thành và phát triển
- Ngành nghề và địa bàn kinh doanh
- Các sản phẩm nổi bật
- Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và các bộ máy quản lý
- Định hướng phát triển trong tương lai
- Các yếu tố rủi ro





NƯỚC LAU SÀN ON1 MANG SPA VỀ NHÀ

Tên Công ty: CÔNG TY CỔ PHẦN BỘT GIẶT LIX

Tên Tiếng Anh: Lix Detergent Joint Stock Company

Vốn điều lệ: 324.000.000.000 Đồng

Mã cổ phiếu: LIX

Sàn giao dịch: HOSE

Trụ sở chính: Số 03, Đường số 02, Khu phố 4, Phường Linh Trung,
Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

Điện thoại: (028) 38 966 803

Fax: (028) 38 967 522

Website: www.lixco.com

**Giấy chứng nhận
đăng ký doanh nghiệp:** Số 0301444263 đăng ký lần đầu ngày 30 tháng 9 năm 2003
và đăng ký thay đổi lần thứ 12 ngày 23 tháng 02 năm 2022
do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp



CÁC SỰ KIỆN NỔI BẬT NĂM 2022



RA MẮT SẢN PHẨM MỚI

Hiểu được sự quan trọng của không gian sạch sẽ cũng như mùi hương giúp mang lại sự sáng khoái, Công ty đã tung ra thị trường 3 sản phẩm mới đó là Nước lau bếp, Nước lau kính và Nước ủi quần áo.

Dòng sản phẩm mới này sử dụng Aromatherapy, còn có tên gọi khác là liệu pháp tinh dầu, sử dụng tinh dầu nguyên chất, được chiết xuất từ tự nhiên, không chứa chất phụ gia.

Nhờ sử dụng liệu pháp này, các dòng sản phẩm nhà Lixco không chỉ giúp mang lại không gian sạch sẽ mà còn lưu giữ hương thơm tự nhiên giúp cho tinh thần sáng khoái và tràn đầy năng lượng.



VINH DANH THƯƠNG HIỆU QUỐC GIA VIỆT NAM NĂM 2022

Ngày 29/9/2022, Bộ trưởng Bộ Công Thương, Chủ tịch Hội đồng Thương hiệu Quốc gia Việt Nam đã ban hành Quyết định số 1977/QĐ-BCT công nhận 172 doanh nghiệp với tổng số 325 sản phẩm đạt Thương hiệu Quốc gia Việt Nam năm 2022.

Lễ Công bố sản phẩm đạt Thương hiệu Quốc gia Việt Nam năm 2022 mang chủ đề: Kiến tạo tương lai - Enabling the future. Với chủ đề này, Bộ Công Thương mong muốn truyền tải thông điệp: Trên hành trình nâng tầm vị thế thương hiệu Việt để “sánh vai các cường quốc năm châu”, Chương trình Thương hiệu Quốc gia mang ý nghĩa giá trị bảo chứng về uy tín và chất lượng cho các doanh nghiệp Việt Nam.

Sau quá trình triển khai hoạt động xét chọn, đã có 172 doanh nghiệp với tổng số 325 sản phẩm đạt Thương hiệu Quốc gia Việt Nam năm 2022. Các doanh nghiệp được vinh danh phải đáp ứng tiêu chí giá trị cốt lõi của Chương trình, đó là Chất lượng - Đổi mới, Sáng tạo - Năng lực tiên phong. Theo đó, Công ty cổ phần Bột giặt LIX là một trong những doanh nghiệp vinh dự được vinh danh Thương hiệu Quốc gia năm 2022.



CÁC SỰ KIỆN NỔI BẬT NĂM 2022



THÀNH TÍCH XUẤT SẮC TRONG PHONG TRÀO “TOÀN DÂN BẢO VỆ AN NINH TỔ QUỐC” NĂM 2022

Phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc là phong trào hành động nhằm lôi cuốn đông đảo Nhân dân tích cực, tự giác tham gia xây dựng, bảo vệ, quản lý an ninh, trật tự của đất nước, phòng ngừa, phát hiện, đấu tranh chống các thế lực thù địch, các loại tội phạm, tệ nạn xã hội và các vi phạm pháp luật...

Là một trong những doanh nghiệp đang hoạt động trên địa bàn Thành phố Thủ Đức, bên cạnh công tác phát triển doanh nghiệp, Công ty còn góp phần không nhỏ vào công cuộc đảm bảo an ninh trật tự cho thành phố.

Trước những đóng góp trên, Công ty cổ phần Bột giặt LIX đã vinh dự nhận giấy khen đạt thành tích xuất sắc trong phong trào “Toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc” năm 2022 do Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Thủ Đức trao tặng.



LIXCO TỔ CHỨC HỘI NGHỊ KHÁCH HÀNG NĂM 2022

Có thể nói, năm 2022 là năm tiền đề cho Công ty Cổ phần Bột giặt LIX khôi phục và đột phá. Sau những chuỗi ảnh hưởng từ dịch bệnh, căng thẳng chiến sự hay giá cả leo thang đã phần nào dẫn đến sự chậm nhịp trong phát triển kinh doanh của Công ty.

Với sự nỗ lực không ngừng của Công ty, đối tác và đặc biệt là các nhà phân phối đã mang về những con số ấn tượng, điều này đã phần nào minh chứng cho sự khôi phục và trở lại đột phá trong năm 2022. Nhằm tri ân những đóng góp và sự đồng hành của các nhà phân phối trong hành trình chinh phục khách hàng, người tiêu dùng và thị trường chất tẩy rửa trong thời gian qua, Lixco đã tổ chức Hội nghị khách hàng năm 2022 với sự tham gia của gần 200 nhà phân phối trên cả nước.



THƯƠNG HIỆU LIX ĐẠT TOP 10 THƯƠNG HIỆU XUẤT SẮC CHÂU Á 2022

Ngày 23/7/2022, tại Nhà hát Bến Thành, Viện nghiên cứu kinh tế Châu Á tổ chức chương trình “Thương hiệu xuất sắc Châu Á - Asia Excellent Brand 2022”, Công ty Cổ phần Bột Giặt LIX vinh dự góp mặt với thương hiệu LIX trong top 10 tại bảng xếp hạng uy tín này.

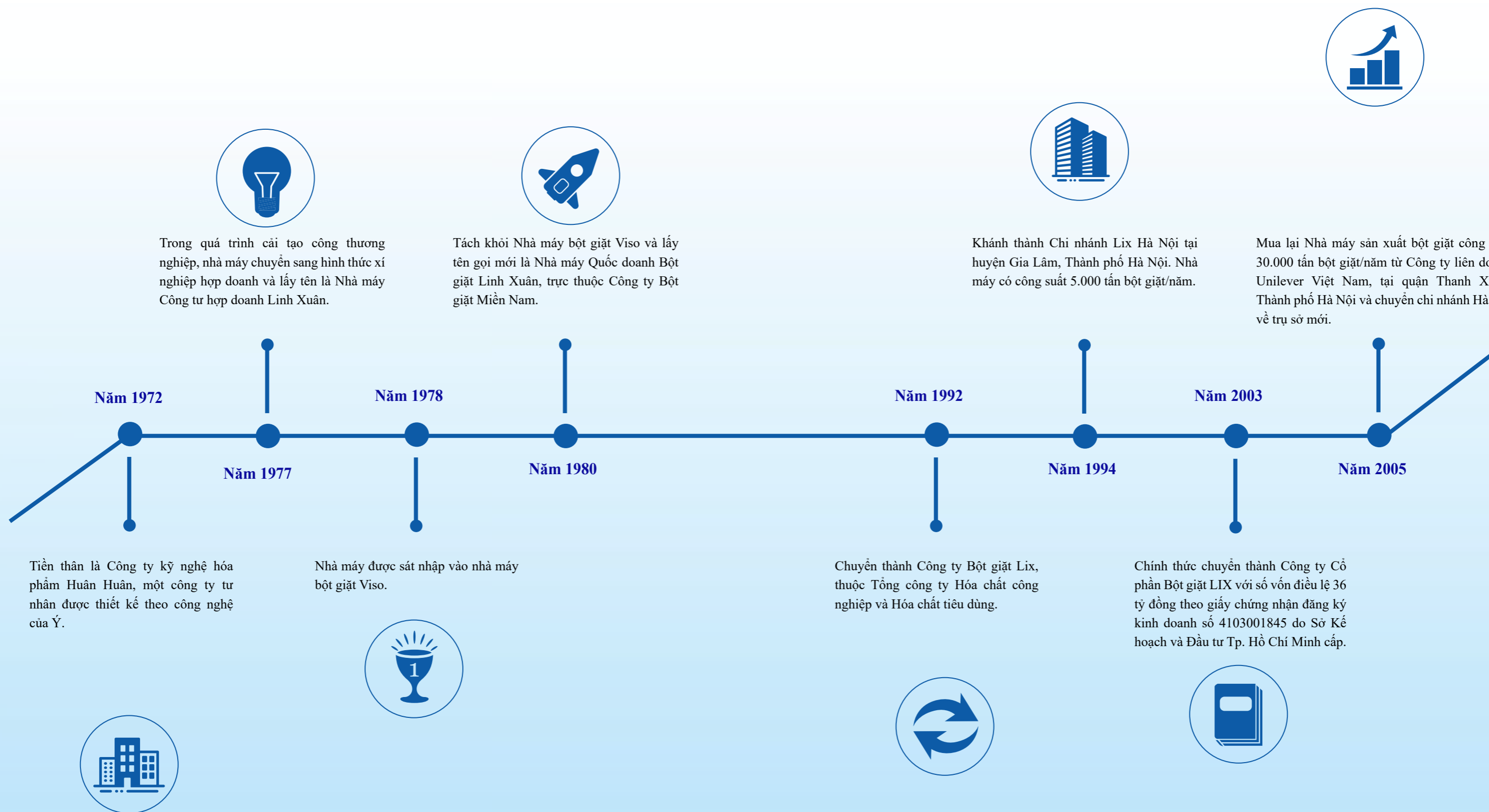
Đây là giải thưởng uy tín tôn vinh doanh nghiệp có sản phẩm, dịch vụ và thương hiệu bền vững hàng đầu Việt Nam và châu Á. Việc vinh dự được công nhận Top 10 thương hiệu xuất sắc châu Á năm 2022 đã khẳng định một lần nữa về uy tín, chất lượng và sự phủ sóng ở khắp các thị trường trong và ngoài nước của thương hiệu LIX.

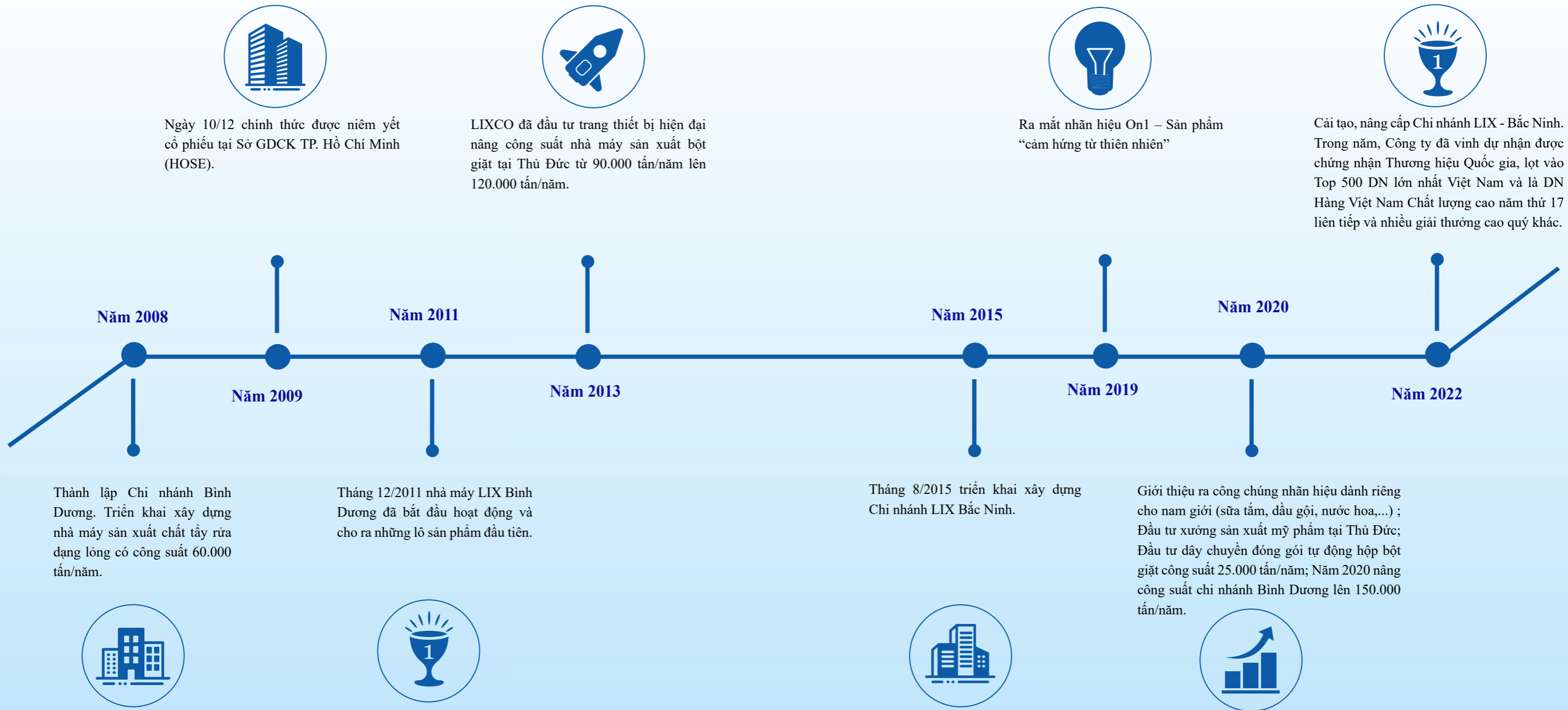


SỰ KIỆN KHÁC

Trong năm 2022, Công ty cũng đã vinh dự lọt vào Top 500 doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam (VNR500) và là doanh nghiệp Hàng Việt Nam chất lượng cao năm thứ 17 liên tiếp và nhiều chứng nhận giải thưởng cao quý khác.







Lĩnh vực kinh doanh

“ Công ty được phép lập kế hoạch và tiến hành tất cả các hoạt động kinh doanh theo ngành nghề của Công ty đã được công bố trên cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia và Điều lệ của Công ty, phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành và thực hiện các biện pháp thích hợp để đạt được các mục tiêu của Công ty.

- Sản xuất mỹ phẩm, xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh. (Chi tiết: Sản xuất chất tẩy rửa tổng hợp và mỹ phẩm).
- Sản xuất hoá chất cơ bản. (Chi tiết: Sản xuất các loại hoá chất (trừ hoá chất có tính độc hại mạnh).



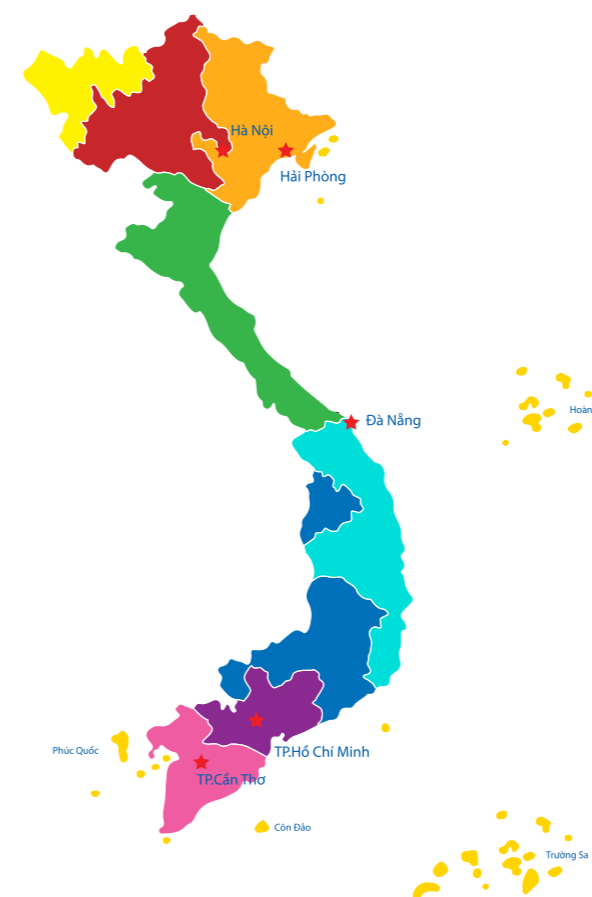
- Buôn bán chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu. (Chi tiết: Kinh doanh các loại hoá chất (trừ hoá chất có tính độc hại mạnh), bao bì. Kinh doanh xuất nhập khẩu).

Thị trường nội địa

Kênh bán hàng hiện đại: Với tốc độ phát triển của thương mại điện tử và xu hướng tiêu dùng hiện đại, Lixco nhận ra rằng không chỉ tập trung vào kênh bán hàng truyền thống mà còn phải tận dụng kênh bán hàng hiện đại. Vì vậy cho tới nay Lixco đã có mặt tại tất cả các hệ thống siêu thị lớn như: Co.op Mart, Big C, Mega Market, Lotte, Aeon, Winmart, Bách Hóa Xanh, Satra, Emart, Go & Top Market, BRGMart, Pharmacy,... nhằm mục đích mở rộng thị trường để phục vụ cho nhu cầu của người tiêu dùng kịp thời và nhanh chóng nhất. Ngoài ra Công ty cũng sản xuất nhãn hàng riêng cho Co.op Mart, Big C, Mega Market, Winmart, Lotte, Bách Hóa Xanh.

Kênh bán hàng truyền thống: Với sự phát triển lâu đời và sự nỗ lực không ngừng của toàn thể Ban lãnh đạo và cán bộ công nhân viên Lixco, đến nay mạng lưới phân phối của Lixco rộng và trải đều khắp cả nước. Năm 2022, Lixco có 103.272 điểm bán hàng tăng 9,2% so với năm 2021 và 200 nhà phân phối để đưa sản phẩm LIX đến tận tay người tiêu dùng.

Kênh Horeca và kênh thương mại điện tử: Việc chuyển đổi số để thích nghi với nền kinh tế là điều tất yếu đối với mỗi doanh nghiệp, và Lixco cũng vậy. Nhận thấy được những thách thức đó và cũng chính là tiềm năng phát triển trong tương lai gần, Lixco cũng đã đẩy mạnh các sản phẩm của mình lên các kênh phân phối thương mại điện tử. Bên cạnh đó, Lixco đã phân phối sản phẩm của mình dưới hình thức kênh phân phối Horeca với các chuỗi nhà hàng, khách sạn và cafe có uy tín.



Thị trường xuất khẩu

Các mặt hàng xuất khẩu chủ lực: Bột giặt, nước rửa chén, nước lau sàn, nước giặt, nước xả vải, nước tẩy javel,... Song song với sự phát triển ở thị trường nội địa, Lix vẫn không ngừng mở rộng thị trường xuất khẩu. Kết quả mang về thành công vượt trội với hơn 20 thị trường xuất khẩu chính: Cambodia, Philippines, Togo, Triều Tiên, Mông Cổ, Brunei,... Ngoài ra, Lixco còn sản xuất sản phẩm OEM cho một số thị trường lớn như: Nhật Bản, Hàn Quốc, Singapore, Đài Loan, Philippines, New Zealand, Úc, Malaysia, Mông Cổ, Pakistan.

CÁC SẢN PHẨM NỔI BẬT



Với sứ mệnh “Chăm sóc gia đình Việt”, Lixco đã cho ra đời các dòng sản phẩm chất lượng cao gồm: Bột giặt, nước giặt, nước xả (nước làm mềm vải), nước rửa chén, nước lau sàn, nước tẩy Javel, nước lau kính, nước tẩy toilet... mang thương hiệu LIX và trở thành người bạn quen thuộc trong mỗi gia đình Việt Nam.

Đặc biệt nổi bật với dòng sản phẩm mới “On1” với 3 sản phẩm gel rửa tay khô, dung dịch rửa tay, nước rửa tay, kịp thời đáp ứng nhu cầu phòng tránh vi khuẩn, dịch bệnh. Bên cạnh đó, Công ty bổ sung thêm các sản phẩm nước lau sàn, nước rửa chén, nước giặt mang thương hiệu “On1” với thành phần từ thiên nhiên, an toàn cho người dùng.

Bột giặt LIX

- Bột giặt LIX được sản xuất theo công nghệ hiện đại với nguồn nguyên liệu chất lượng cao, đáp ứng các tiêu chuẩn đầu vào và đầu ra nghiêm ngặt.
- Thích hợp với mọi nguồn nước kể cả nước phèn, nước nhiễm mặn.
- Tính năng đa dạng đáp ứng nhiều nhu cầu sử dụng của khách hàng.
- Sản phẩm thân thiện với môi trường.



Nước rửa chén LIX

- Nước rửa chén LIX với công thức đậm đặc giúp cho chén đĩa, xoong nồi,... sạch bóng hết mùi tanh trong thời gian nhanh nhất.
- Hương chanh thơm mát và vitamin E giúp bảo vệ da tay.



Nước giặt LIX

- Nước giặt LIX với khả năng hòa tan nhanh, thấm sâu vào từng sợi vải giúp loại bỏ vết bẩn và không để lại bột cặn trên quần áo sau khi giặt.
- Thích hợp cho cả giặt tay và giặt máy, giúp bảo vệ máy giặt tốt hơn.



Nước lau sàn LIX

- Nước lau sàn LIX làm sạch nhanh chóng các vết bẩn và bụi trên sàn nhà.
- Công thức độc đáo hiệu quả có thể đuổi côn trùng, không có hại cho sức khỏe của bạn.
- Sử dụng nước lau sàn LIX thường xuyên có thể làm cho sàn nhà bạn nhìn như mới với hương thơm ngát.



Nước làm mềm vải LIXSoft

- Sử dụng nước xả vải LIX với công thức cải tiến làm quần áo trở nên mềm mại hơn.
- Nước xả vải LIX với công nghệ lưu hương và mùi thơm dễ chịu sẽ giúp cho quần áo của bạn thơm tho cả ngày.



Nước lau kính LIX

- Nước lau kính LIX loại bỏ các bụi bám trên bề mặt kính, tạo cho kính có độ trong và sáng.
- Dùng trên tất cả các loại gương kính, màn hình vi tính.



Nước tẩy Javel LIX

- Quần áo trắng thường dễ bị dính bẩn, đặc biệt ở những vị trí như cổ áo, cổ tay hay cánh tay dù bạn đã ngâm xả phòng và vò kĩ. Là một trợ thủ đắc lực cho người nội trợ trong việc giặt giũ, sản phẩm nước tẩy trắng Javel với ưu điểm làm quần áo trắng như mới.
- Ngoài ra, sản phẩm còn có tác dụng loại bỏ vi khuẩn, nấm mốc bám trên quần áo rất hiệu quả.



Nước lau bếp On1

- Sản phẩm Nước lau bếp On1, kết hợp tinh dầu chanh Yuzu cùng công thức cải tiến hoàn toàn mới giúp tẩy sạch mảng bám dầu mỡ cứng đầu, trả lại vẻ ngoài sáng bóng như mới cho các bề mặt trong không gian bếp và khử mùi hiệu quả.



Nước tẩy toilet LIX

- Nước tẩy toilet LIX giữ cho bồn cầu nhà bạn luôn thơm tho, sạch sẽ, tẩy sạch các vết bẩn bám vào thành toilet và diệt tận gốc vi khuẩn có hại.



Nước Rửa Chén On1

- Với công nghệ Shining Pro, Nước rửa chén On1 giúp chén đĩa nhà bạn sạch sáng bóng. Sản phẩm không chất tạo màu, không parabens và không hóa chất độc hại.
- Nước rửa chén On1 có hương thơm dịu nhẹ từ thiên nhiên, vừa giúp khử mùi tanh hiệu quả vừa mang lại cảm giác dễ chịu khi sử dụng. Ngoài ra, sản phẩm còn giúp bạn tiết kiệm thời gian và chi phí. Vì chỉ cần một ít nước rửa chén On1 là dễ dàng đánh bay dầu mỡ. Chén đĩa được làm sạch nhanh chóng, việc nhà nhàn tênh.
- Sản phẩm có 3 loại, phù hợp nhu cầu nhiều người dùng khác nhau, bao gồm: Trà Xanh & Muối Hồng; Kiwi & Aloe Vera; Chanh & Sả.



Nước rửa tay On1

- Sử dụng nước rửa tay nhất là sau khi trở về nhà từ bên ngoài luôn là cách đơn giản nhưng hiệu quả để tạo nên lớp bảo vệ vững chắc cho cơ thể trước sự tấn công của vi khuẩn gây bệnh.
- Từ sự kết hợp giữa công thức chứa hoạt chất kháng khuẩn*, thành phần bổ sung Aloe Vera dưỡng ẩm cho làn da luôn mềm mịn và mùi hương tươi mát lấy cảm hứng từ thiên nhiên, Nước rửa tay On1 là lựa chọn kháng khuẩn đúng chuẩn giúp làm sạch và bảo vệ bạn và người thân yêu trong gia đình mỗi ngày.

(*) Dựa trên kết quả kiểm nghiệm các vi khuẩn gây bệnh: *S.typhi*, *S.aureus*, *E.coli*, *P.aeruginosa* trong điều kiện phòng thí nghiệm



Dung dịch diệt khuẩn tay On1 Protect

- Được chứng nhận diệt 99,9% vi khuẩn* bởi Cục quản lý Môi trường Bộ Y Tế chỉ sau 30s tiếp xúc.
- Ngoài thành phần Ethanol 70 +/- 1.75 (%v/v) còn bổ sung thêm Chlorhexidine Gluconate, giúp tăng cường khả năng diệt khuẩn.
- Dùng được trong Y tế.
- Bổ sung Aloe vera và Glycerin dưỡng ẩm mềm mịn, không gây khô da.
- Hương Bamboo Charcoal với thành phần tinh dầu thiên nhiên cho hương thơm dịu nhẹ, giảm tối đa mùi nồng gắt.

(*) Diệt 99.9% vi khuẩn *S.aureus*, *P.aeruginosa*, *S.flexneri*, *B.Subtilis*, *M.tuberculosis* và nấm *C.albicans* trong điều kiện thí nghiệm.



Nước giặt On1

- Không chỉ chứa các hoạt chất kháng khuẩn tiêu diệt tận gốc 99,9% vi khuẩn (*), Nước giặt On1 còn kết hợp tinh dầu thiên nhiên mang đến cảm giác tươi mát suốt ngày dài. Bạn sẽ thoải mái hoạt động không lo mùi hôi trên quần áo vì đã có On1 chuyên trị vi khuẩn gây mùi.
- Nước giặt On1 bao gồm các loại như: Nước giặt (3 hương); Nước giặt xả, Nước giặt chống lem màu và Nước giặt matic.

(*) Diệt 99.9% vi khuẩn *S.aureus*, *P.aeruginosa*, *S.flexneri*, *B.Subtilis*, *M.tuberculosis* và nấm *C.albicans* trong điều kiện thí nghiệm.



Nước lau sàn On1

- Một chút hương thơm dịu nhẹ sẽ giúp bạn thư giãn đầu óc, giảm căng thẳng mệt mỏi sau một ngày dài “chiến đấu” với công việc. Sẽ thật tuyệt nếu không gian nhà bạn có thể trở nên trong trẻo và dịu mát như mang spa về nhà.
- Từ sự kết hợp hoàn hảo của các loại thảo mộc cao cấp như đinh hương & hoắc hương hay sả trong Nước lau sàn On1, sàn nhà giờ đây không đơn giản chỉ là sạch mát mà còn lưu hương tinh dầu, còn là chất xúc tác tạo nên bầu không khí thư giãn, thoải mái như spa ngay trong chính ngôi nhà bạn.



Nước rửa chén On1 da nhạy cảm

- Hiểu được nỗi lòng của nàng về việc chất tẩy dễ khiến da bị kích ứng, thiếu sức sống, khô rát hay ửng đỏ,... On1 mang đến sản phẩm rửa chén dành riêng cho làn da nhạy cảm.
- Ưu điểm với thành phần 97% nguồn gốc thực vật thay thế hoàn toàn hóa chất tẩy rửa thông thường giúp nước rửa chén On1 mang đến tác dụng kép “sạch lành tính - dịu nhẹ làn da”, không những sạch mà còn an toàn cho làn da và sức khỏe.
- Tạm biệt những kích ứng sau mỗi lần rửa chén và nói xin chào với làn da dễ chịu giàu sức sống ngay nhé!



Nước lau đa năng On1

- Nổi bật với thành phần 97% plant based (97% gốc thực vật) - lành tính và an toàn, tất tần tật mọi vết bẩn trong nhà đều có thể xử lý nhanh gọn và đơn giản hóa công việc lau chùi vệ sinh nhà cửa, vật dụng trên nhiều bề mặt với nước lau đa năng On1.
- Đa năng như On1 lau đâu cũng sạch!



Gel tẩy bồn cầu và nhà tắm On1

- Từ công nghệ cải tiến thế hệ mới, nổi bật với khả năng diệt 99.9% vi khuẩn* gây bệnh một cách toàn diện bằng cách xoáy bay vết bẩn và mảng bám nhanh chóng, Gel tẩy bồn cầu và nhà tắm On1 là giải pháp hiệu quả giúp trả lại lớp men sáng bóng như mới cho bồn cầu và nhà vệ sinh của gia đình bạn suốt 24/7.
- Lựa chọn bảo vệ và chăm sóc sức khỏe gia đình toàn diện!

(**Dựa trên kết quả kiểm nghiệm các vi khuẩn gây bệnh: S.typhi, S.aureus, E.coli, P.aeruginosa (trong điều kiện thí nghiệm)*)



Nước rửa chén On1 tinh dầu

- Nhờ khả năng diệt khuẩn* từ thiên nhiên được kiểm định an toàn, Sản phẩm Nước rửa chén On1 tinh dầu chắc chắn là 1 sự lựa chọn an tâm cho cả nhà và sạch mọi ưu phiền do nguy cơ từ vi khuẩn.
- Chén đĩa giờ đây không chỉ sạch dầu mỡ, lưu hương tinh dầu mà còn sạch khuẩn và gửi gắm yêu thương của mẹ đến cả nhà từ những điều nhỏ nhất.

(**Dựa trên kết quả kiểm nghiệm các vi khuẩn: S.typhi, S.aureus, E.coli, P.aeruginosa, S.flexneri, B.subtilis trong điều kiện thí nghiệm*)



Tinh dầu On1

- Nếu bạn đã cố gắng sắp xếp đồ dùng gọn gàng, trang trí không gian thật tinh tế nhưng vẫn chưa tìm được cảm hứng thì có lẽ điều bạn đang cần bây giờ là mùi hương. Một mùi hương hoàn toàn thiên nhiên, vừa giúp tâm trạng thoải mái vừa mang lại “sinh khí” cho không gian.
- Với liệu pháp tinh dầu Aromatherapy, tinh dầu On1 không chỉ giúp bạn thư giãn tinh thần và tái tạo năng lượng tích cực mà còn có khả năng kháng khuẩn, khử mùi và ngăn muỗi hiệu quả.
- Tinh dầu On1 thích hợp dùng cho nhiều không gian như: gia đình, văn phòng làm việc hoặc để khử mùi hôi trong những không gian khó chịu. Ngoài ra, bạn còn có thể dùng Tinh dầu On1 cho những buổi tiệc ngoài trời hoặc đi cắm trại để vừa mang lại cảm giác thoải mái vừa xua đuổi côn trùng.
- Sản phẩm có 2 dòng hương, được nhiều người dùng yêu thích đó là Tinh dầu sả lavender và Tinh dầu cam sả.



Dầu gội, Sữa tắm, Dầu tắm gội Tinh Dầu Iron & Stone

- Dầu gội tinh dầu Iron & Stone kết hợp từ chiết suất 100% tinh dầu thiên nhiên cùng hương nước hoa được chọn lọc tỉ mỉ, thông qua quá trình nghiên cứu chuyên sâu về liệu pháp mùi hương để mang đến những sản phẩm tinh túy nhất tôn lên “chất riêng” của người đàn ông.
- Bí quyết làm nên sản phẩm không chỉ là mong muốn mang đến giá trị thể chất giúp người đàn ông lưu giữ được mùi hương của riêng mình mà sâu hơn là được cảm nhận sự chăm sóc chu đáo về tinh thần.
- Inspiration và Innovation chính là thành quả nghiên cứu đầu tiên nằm trong bộ sưu tập dầu gội tinh dầu của Iron & Stone.

Hơn cả một mùi hương, bộ sản phẩm còn là “liệu pháp” giúp nuôi dưỡng tinh thần và giải tỏa cảm xúc cho phái mạnh.

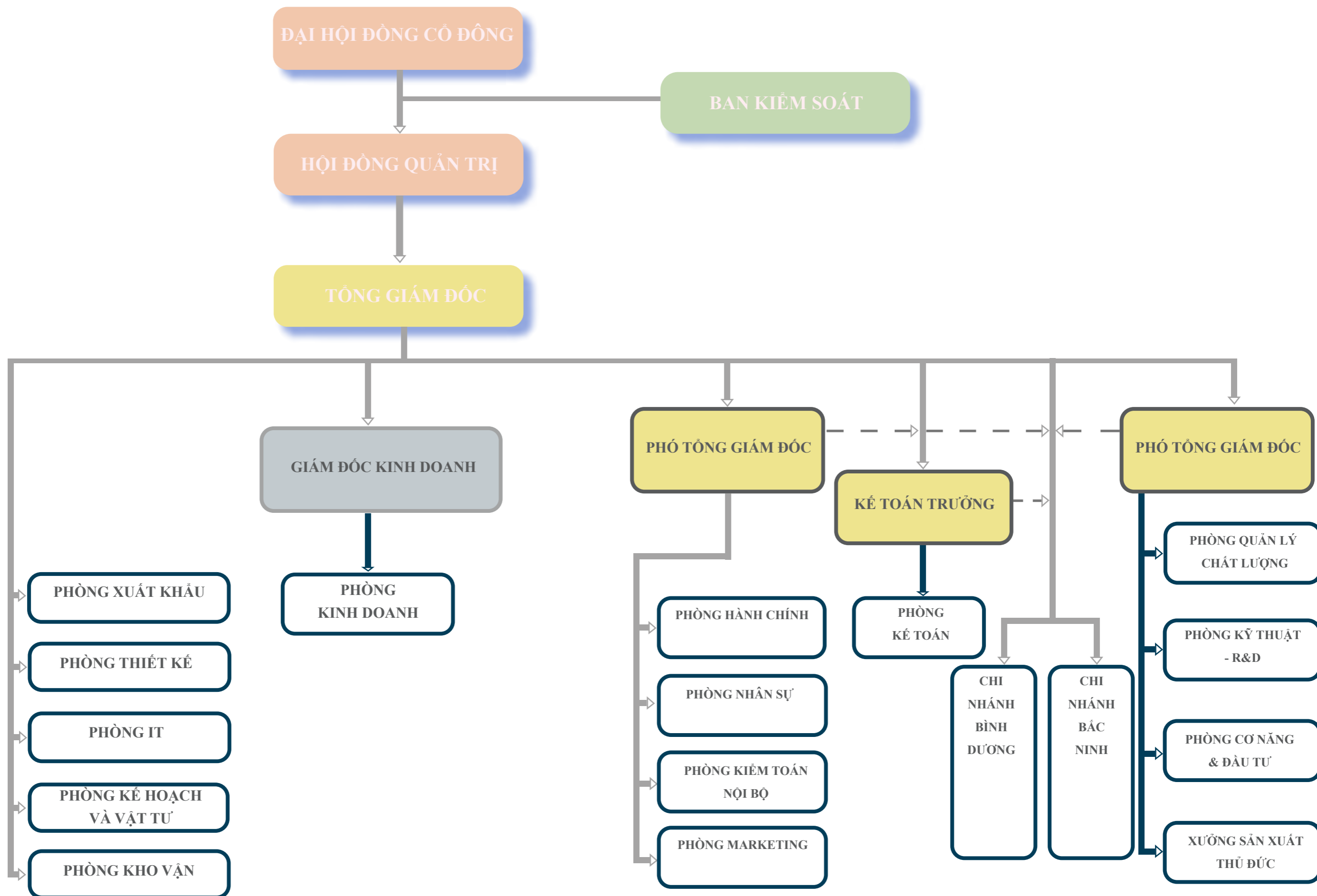


Nước hoa Iron & Stone

Phân loại: 2 nhóm hương

- Blue Ocean: Hương thanh mát và khoáng đạt từ biển cả giúp bạn thêm tự tin chinh phục thách thức.
- Aroma Santal: Hương trầm vững chãi và cuốn hút cho một phong thái đỉnh đặc, quyết đoán.







CÔNG TY CỔ PHẦN BỘT GIẶT LIX

Địa chỉ: Số 3, Đường số 2, Khu phố 4, Phường Linh Trung, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh

Diện tích: 22.000 m²

Nhân viên: 642 nhân viên

Công suất: 120.000 tấn / năm

Sản phẩm: Bột giặt



Văn phòng đại diện tại TP. Hồ Chí Minh

Địa chỉ: LD-02.05, tòa nhà Lexington, 67 Mai Chí Thọ, Phường An Phú, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh

Diện tích: 116m²

Chức năng: Kinh doanh



Công ty Cổ phần Bột giặt LIX - Chi nhánh Bình Dương

Địa chỉ: A-6, A-12, Khu công nghiệp Đại Đăng, Phường Phú Tân, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

Diện tích: 50.000m²

Nhân viên: 272 nhân viên

Công suất: 150.000 tấn/năm

Chức năng: Chất tẩy rửa dạng lỏng



Công ty Cổ phần Bột giặt LIX - Chi nhánh Bắc Ninh

Địa chỉ: Lô II, 1.1, Khu công nghiệp Quế Võ, Xã Ngọc Xá, Huyện Quế Võ, Bắc Ninh

Diện tích: 20.000m²

Nhân viên: 276 nhân viên

Công suất: Bột giặt: 70.000 tấn/năm,

Chất tẩy rửa lỏng: 15.000 tấn/năm

Chức năng: Bột giặt, Chất tẩy rửa dạng lỏng



Công ty TNHH Xalivico - Công ty liên kết

Địa chỉ: Số 233 Nguyễn Trãi, Phường Thượng Đình, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội

Ngành nghề: Kinh doanh bất động sản, hoạt động của các câu lạc bộ thể thao, tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại, quảng cáo,...

Vốn điều lệ: 211.538.000.000 đồng

LIX đã đầu tư 55.000.000.000 đồng tương đương 26%VĐL.



ĐỒNG CHÍ ON1 BẢO VỆ CẢ GIA ĐÌNH



Mục tiêu chủ yếu của Công ty



01 Xây dựng Lixco phát triển bền vững, mở rộng thị trường, dẫn đầu về thị phần, trở thành một trong những doanh nghiệp Việt Nam hàng đầu chuyên về lĩnh vực sản xuất kinh doanh chất tẩy rửa.



02 Nghiên cứu phát triển các loại sản phẩm mới, phù hợp với mục tiêu phát triển bền vững và đáp ứng nhu cầu của khách hàng.



03 Đảm bảo quyền lợi của các cổ đông, người lao động, các đối tác, ...





ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN TRUNG VÀ DÀI HẠN



Công ty Cổ phần Bột giặt LIX đang đi trên con đường mới với nhiều cơ hội tích cực. Đội ngũ cán bộ công nhân viên toàn công ty đang khí thế bước vào kỷ nguyên mới, kỷ nguyên của sự thành công, thịnh vượng và nhiều thách thức.

Lixco đang chuyển mình mạnh mẽ, với tốc độ vận động nhanh hơn, nội lực dồi dào hơn, thiết lập thêm những nền tảng phát triển mới và hoàn toàn tiến đến những mục tiêu xa và nhanh hơn. Bứt phá mọi giới hạn, nâng cao các tiêu chuẩn năng lực trong toàn hệ thống, sẵn sàng đón nhận những thách thức là tâm thế của Lixco trong con đường phát triển, tạo ra những giá trị mới cho khách hàng.

Đồng thời, Công ty sẽ thay đổi những yếu tố bên trong bằng các chiến lược cụ thể:



Chiến lược phát triển sản phẩm mới

- Đầu tư cho Phòng Kỹ thuật - Nghiên cứu và phát triển về số lượng và chất lượng, nâng cao năng lực chuyên môn của hoạt động Phòng Kỹ thuật - Nghiên cứu và phát triển trên cơ sở lấy khách hàng làm trung tâm. Nghiên cứu và phát triển dựa trên nhu cầu của khách hàng. Đào tạo khả năng nghiên cứu và phát triển sản phẩm mẫu, sản phẩm mới nhằm tạo ra những sản phẩm tiên phong mang tính đột phá.
- Đầu tư cơ sở hạ tầng cho Phòng Lab đạt tiêu chuẩn cùng với việc xây dựng đội ngũ nhân sự Phòng Kỹ thuật - Nghiên cứu và phát triển hoàn thiện các quy trình làm việc để tương tác thuận lợi với các bộ phận khác trong nhà máy.
- Nghiên cứu công thức hiện đại để cải tiến sản phẩm hoặc đề xuất công thức mới nhằm tiết kiệm nguyên liệu, giá thành sản phẩm cạnh tranh hơn; phối hợp bên cung ứng đề xuất loại bao bì sản phẩm tương thích.



Chiến lược kinh doanh

- Ngân sách Marketing được phân bổ bám sát tình hình kinh doanh, ưu tiên các nhóm sản phẩm mới. Căn cứ trên kế hoạch kinh doanh của kênh bán hàng (Quốc tế - Nội địa) và tùy theo từng nhãn hàng (Brand) cụ thể.
- Tập trung xây dựng lợi điểm bán hàng độc nhất (USP: Unique Selling Point) cho sản phẩm.





ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN TRUNG VÀ DÀI HẠN



Chiến lược nâng cao chất lượng sản phẩm

- Tập trung đào tạo tay nghề cho đội ngũ sản xuất trực tiếp, nâng cao nhận thức, trách nhiệm trong việc đảm bảo chất lượng sản phẩm. Thường xuyên tổ chức các chương trình đánh giá tay nghề, thi tay nghề, nâng bậc nhằm sàng lọc, tinh gọn đội ngũ có năng lực.
- Xây dựng tiêu chuẩn đầu vào nhằm đảm bảo 100% nguyên liệu, bao bì đạt tiêu chuẩn của Lixco. Chú trọng màu sắc hình họa, kiểu chữ trên từng sản phẩm để bắt kịp xu thế tiên tiến cũng như phù hợp tâm lý khách hàng quốc tế. Thay đổi mẫu mã, bao bì sản phẩm là cách nâng cao kết cấu, ưu thế, tiện dụng của sản phẩm lên rất nhiều và là một trong những nhân tố giúp kinh doanh tăng trưởng.
- Hoàn thiện quy trình kiểm soát chất lượng trên toàn hệ thống, từ khâu chọn nguyên liệu đến khâu chuẩn bị sản xuất, sản xuất và cung ứng. Tăng cường đào tạo nhận thức về chất lượng sản phẩm cho các đơn vị có liên quan. Chất lượng sản xuất không chỉ là yếu tố bên trong sản phẩm (nguyên liệu, hương liệu, ...) mà còn là những yếu tố bên ngoài như bao bì và các dịch vụ liên quan để đưa sản phẩm đến với người tiêu dùng.
- Xây dựng hệ thống các tiêu chuẩn trong giai đoạn phát triển mới. Từ tiêu chuẩn sản phẩm hoàn chỉnh đến tiêu chuẩn hướng dẫn vận hành máy móc thiết bị, nhằm đảm bảo các khâu hiểu rõ hệ thống tiêu chuẩn trong vận hành. Đồng thời phục vụ công tác đánh giá năng lực quản trị sản xuất so với các tiêu chuẩn của công ty.
- Chuẩn hoá quy trình sản xuất theo hướng hiện đại hoá và tự động hoá dây chuyền sản xuất. Áp dụng có hiệu quả các công cụ quản lý như TPM, 5S, ISO. Quyết liệt áp dụng chiến lược các giải pháp mới, sáng tạo nhằm tăng năng suất lao động.



Chiến lược cạnh tranh

- Tăng cường kiểm soát vật tư, nguyên vật liệu, đặc biệt là đa dạng hoá nguồn cung, phát triển thêm các nhà cung cấp mới có giá tốt để giảm giá thành sản phẩm. Rà soát danh mục nhà cung cấp, xây dựng tiêu chuẩn năng lực nhà cung cấp và tiêu chuẩn nguyên liệu, bao bì đầu vào nhằm đảm bảo 100% nguyên liệu được xem xét hướng đến giá thành cho từng loại sản phẩm.
- Xây dựng quy trình làm việc khoa học, rút ngắn được thời gian, giảm hao hụt. Thiết kế cơ cấu tổ chức sản xuất tinh gọn, tối thiểu hóa thời gian chờ việc của công nhân sản xuất.
- Xem xét lại hệ thống quản trị chuỗi cung ứng đảm bảo thông suốt giữa các giai đoạn từ khâu tiếp nhận đơn đặt hàng - xác định tiêu chuẩn nguyên vật liệu - lựa chọn nhà cung cấp - tiếp nhận lưu kho - xuất kho.





CÁC MỤC TIÊU ĐỐI VỚI MÔI TRƯỜNG, XÃ HỘI VÀ CỘNG ĐỒNG



Mục tiêu môi trường



Tại Lixco, phát triển kinh tế đi đôi với bảo vệ môi trường nhằm hướng tới phát triển bền vững là kim chỉ nam xuyên suốt trong suốt hơn 50 năm phát triển Công ty.

Hoạt động trong lĩnh vực sản xuất mỹ phẩm, hóa chất (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh), vấn đề bảo vệ môi trường luôn là một trong những điều mà Lixco ưu tiên hàng đầu. Chính vì vậy, Công ty không ngừng đẩy mạnh nghiên cứu các sản phẩm có thành phần an toàn đối với thiên nhiên, đầu tư vào trang thiết bị hiện đại, thân thiện với môi trường. Bên cạnh đó, Lixco còn xây dựng các công trình xử lý bụi, mùi tập trung và lắp đặt thêm hệ thống xử lý khí thải và nước thải.



Mục tiêu đối với xã hội và cộng đồng



Chúng tôi cố gắng hoàn thành đầy đủ nghĩa vụ và trách nhiệm với xã hội thông qua thực hiện các mục tiêu:

- Công ty thực hiện Chính sách phát triển bền vững đảm bảo hài hòa các lợi ích về hoạt động sản xuất nhưng vẫn đảm bảo hạn chế tối thiểu tác động với môi trường, lợi ích xã hội và cộng đồng.
- Đảm bảo các khoản đóng góp đối với cộng đồng như: Thuế, các nghĩa vụ và đóng góp xã hội khác.

Ngoài ra, Lixco luôn lắng nghe và đón nhận các phản hồi, đóng góp từ phía công chúng cũng như từ người lao động. Cụ thể:

- Chúng tôi thực thi chính sách trách nhiệm với người tiêu dùng đi kèm với việc đảm bảo môi trường làm việc trong lành, thân thiện cao.
- Nghiên cứu và cải thiện thêm các chính sách phúc lợi cho cán bộ và công nhân viên công ty.
- Chăm lo đời sống cho người lao động.





CÁC YẾU TỐ RỦI RO



Nhận diện được các rủi ro tiềm ẩn có thể phát sinh trong quá trình hoạt động kinh doanh, Lixco luôn chú trọng đến công tác quản trị rủi ro, tiếp cận rủi ro một cách khoa học và có hệ thống nhằm theo dõi, nhận dạng, kiểm soát. Từ đó, Hội đồng quản trị Công ty có thể đưa ra các quyết định kịp thời, đúng đắn nhằm gia tăng độ an toàn trong hoạt động kinh doanh, vun đắp uy tín và vị thế chiến lược của Công ty.

Rủi ro cạnh tranh

Thị trường hóa mỹ phẩm đang là một ngành có tiềm năng tăng trưởng lớn, thu hút sự tham gia của nhiều doanh nghiệp nội địa và quốc tế, bao gồm Lixco, với đa dạng các thương hiệu, mẫu mã và phân khúc. Tuy nhiên, doanh nghiệp nội địa đối mặt với sự cạnh tranh gay gắt từ các công ty đa quốc gia có nguồn lực tài chính mạnh, kinh nghiệm marketing và hệ thống phân phối toàn cầu. Điều này đặt ra một thách thức lớn đối với Lixco trong việc giữ vững thị phần và đạt được tăng trưởng theo kế hoạch đã đề ra. Để vượt qua thách thức này, Lixco cần tập trung vào nghiên cứu và phát triển sản phẩm, cải thiện chất lượng dịch vụ khách hàng và xây dựng mối quan hệ tốt với các đối tác cung cấp và khách hàng để đáp ứng nhu cầu thị trường ngày càng đa dạng và khắt khe hơn.

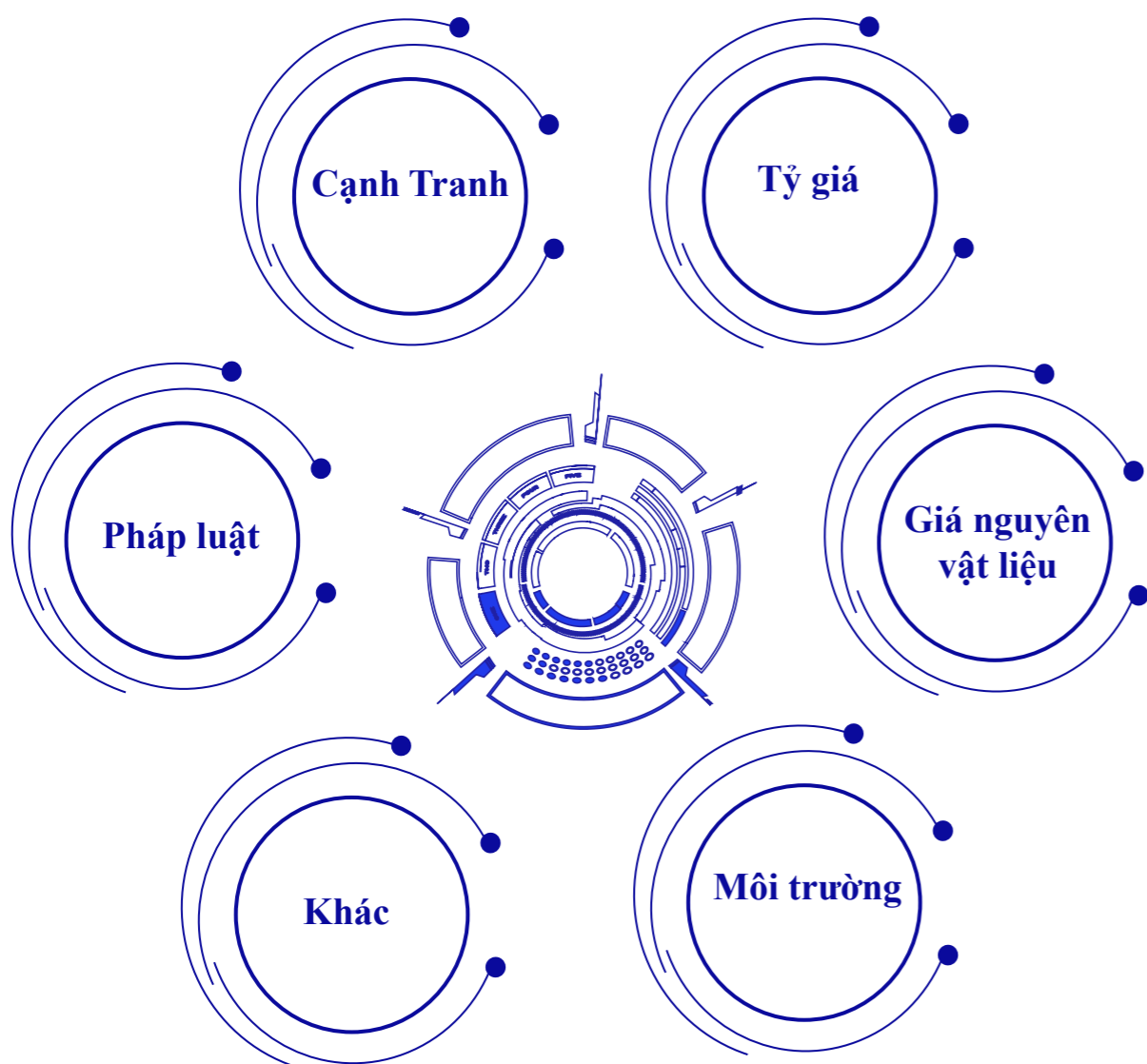
Rủi ro tỷ giá

Rủi ro tỷ giá phát sinh từ các hoạt động nhập khẩu nguyên vật liệu và hoạt động xuất khẩu hàng hóa của Công ty. Nguyên liệu sản xuất bột giặt và chất tẩy lông của Lixco phần lớn đều có nguồn gốc từ nước ngoài như Trung Quốc, Nhật Bản và các nước châu Âu, cũng như một phần doanh thu của công ty được đóng góp từ thị trường xuất khẩu, vì vậy mọi biến động của tỷ giá đều tác động mạnh mẽ đến hoạt động của doanh nghiệp. Để phòng ngừa các rủi ro tỷ giá Công ty giao nhiệm vụ Phòng Kế toán thường xuyên theo dõi tình hình biến động của tỷ giá, chủ động sử dụng các công cụ tài chính phái sinh bằng ngoại tệ, cân đối nguồn thu - chi ngoại tệ để giảm thiểu rủi ro mà doanh nghiệp phải đối mặt.

Rủi ro môi trường

Ngành sản xuất chất tẩy rửa tổng hợp đứng trước nhiều thách thức liên quan đến vấn đề môi trường khi là ngành tiêu tốn nhiều năng lượng, nước và có nhiều hoạt động xả thải. Trên thị trường quốc tế, các thách thức được đặt ra cho doanh nghiệp trong ngành là vừa phải đáp ứng yêu cầu về nguồn gốc, xuất xứ nguyên liệu sản xuất, đồng thời phải chứng minh được trách nhiệm xã hội với sức khỏe cộng đồng. Ngoài ra, hoạt động của Công ty còn chịu sự điều chỉnh nghiêm ngặt bởi các quy định về bảo vệ môi trường trong nước với các quy chuẩn về nước thải công nghiệp. Theo đó, việc phát triển hoạt động sản xuất kinh doanh phải gắn liền với việc lựa chọn công nghệ phù hợp, đảm bảo nâng cao chất lượng sản phẩm đồng thời hạn chế tác động, gây ô nhiễm môi trường.

Nhận thức được vấn đề, Công ty đã thực hiện vận hành, theo dõi và kiểm soát các hệ thống xử lý môi trường (xử lý nước thải, xử lý khí thải, xử lý bụi) tại các nhà máy đảm bảo chất lượng các tiêu chuẩn môi trường đầu ra đạt theo QCVN 40:2011/BTNMT đối với nước thải công nghiệp và đạt QCVN 19:2009/BTNMT đối với khí thải, bụi công nghiệp trước khi xả thải ra nguồn tiếp nhận. Ngoài ra, Công ty cũng định kỳ tổ chức thực hiện lấy mẫu quan trắc định kỳ theo quý tại các nhà máy và hoàn thành các báo cáo về Công tác bảo vệ môi trường gửi các cơ quan chức năng theo đúng thời hạn theo quy định.





CÁC YẾU TỐ RỦI RO



Rủi ro giá nguyên vật liệu

Năm 2022, thị trường dầu mỏ thế giới đã trải qua một năm nhiều biến động về giá cả và nguồn cung. Trong 6 tháng đầu năm 2022, giá dầu thô thế giới tiếp tục tăng cao, trong đó giá dầu Brent bình quân đạt khoảng 106,92 USD/thùng, giá dầu WTI khoảng 101,59 USD/thùng, tăng lần lượt 64,93% và 64,01% so với cùng kỳ năm 2021. Trong đó, giá dầu Brent có thời điểm đã vượt 130 USD/thùng - mức cao nhất kể từ tháng 8/2008. Diễn biến giá dầu trong năm 2022 tăng mạnh trong Quý I năm 2022, biến động tại mức cao trong Quý II năm 2022 và bắt đầu giảm trong 6 tháng cuối năm 2022 do lo ngại về nhu cầu sụt giảm khi Trung Quốc duy trì chính sách zero Covid và Fed tăng lãi suất.

Giá nguyên vật liệu của Công ty trong năm 2022 tăng mạnh, do thiếu hụt nguồn cung nguyên liệu sản xuất, tỷ giá tăng cao và biến động liên tục của giá dầu đã tác động mạnh đến lợi nhuận của Công ty.

Rủi ro pháp luật

Sự ổn định của hệ thống chính trị, luật pháp, chính sách của một quốc gia ảnh hưởng rất lớn đến sự ổn định và khả năng phát triển của các ngành kinh tế nói chung và ngành hóa mỹ phẩm nói riêng. Đối với Lixco, hoạt động của Công ty chịu sự điều chỉnh của hệ thống pháp luật Việt Nam như Luật doanh nghiệp, Luật đầu tư, các chính sách thuế, hải quan, và các đạo luật liên quan khác. Với tư cách là một doanh nghiệp đã niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán, Công ty còn chịu tác động bởi hệ thống khung pháp lý của Thị trường chứng khoán Việt Nam. Như vậy, bất kỳ thay đổi bất lợi nào trong hệ thống các văn bản pháp luật này cũng có thể tác động tiêu cực đến hoạt động của doanh nghiệp.

Để hạn chế biến động giá dầu gây ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Công ty, Ban lãnh đạo Công ty luôn cập nhật đầy đủ thông tin về giá nguyên liệu (Hạt nhựa, LAS, Soude, Sulphate, Soda, chất hoạt động bề mặt, ...) và duy trì mối quan hệ với các nhà cung cấp truyền thống lớn, so sánh giá chào của nhiều nhà cung ứng, đàm phán mua nguyên vật liệu với sản lượng phù hợp và giá cả hợp lý. Ngoài ra, Công ty lập kế hoạch, xây dựng các kịch bản khác nhau để có kế hoạch mua, nhập và dự trữ nguyên vật liệu phù hợp với hoạt động sản xuất kinh doanh.



Ngoài ra, trong quá trình hội nhập, Công ty còn phải đối mặt với các rào cản thương mại ngày càng gia tăng từ các thị trường nhập khẩu lớn với các yêu cầu khắt khe về quy tắc xuất xứ, trách nhiệm xã hội, nhân mác sinh thái, bảo vệ môi trường,... đặt ra nhiều thách thức cho doanh nghiệp.

Để hạn chế rủi ro pháp lý, Công ty đã xây dựng và hoàn thiện bộ phận pháp chế nhằm chủ động cập nhật và tìm hiểu thông tin pháp lý liên quan đến nền kinh tế và đặc thù ngành, chủ động điều chỉnh cơ chế vận hành cho phù hợp với pháp luật của Nhà nước, tránh những rủi ro có thể tác động xấu đến tình hình kinh doanh của Công ty.

Rủi ro đặc thù ngành

Uy tín thương hiệu

Uy tín thương hiệu được xem là yếu tố then chốt quyết định sự thành công của một nhãn hiệu trong ngành hàng tiêu dùng. Lixco hiện đang nỗ lực xây dựng và củng cố hình ảnh là một đơn vị dẫn đầu trong lĩnh vực sản xuất kinh doanh chất tẩy rửa ở thị trường trong nước và sẽ ngày càng tiến xa hơn trên thị trường quốc tế.

Bên cạnh đó, Công ty luôn đặt chất lượng sản phẩm là yếu tố tiên quyết trên con đường phát triển bền vững. Tại Lixco, việc nghiên cứu và phát triển sản phẩm được tiến hành song song trên hai hướng: cải tiến sản phẩm đang có, đồng thời nghiên cứu sản xuất sản phẩm mới đáp ứng nhu cầu người tiêu dùng, cụ thể ngoài các sản phẩm bột giặt, nước giặt, nước rửa chén, ... Công ty đã nghiên cứu thành công và cho ra mắt các dòng sản phẩm On1 thân thiện với người tiêu dùng.

Rủi ro bất khả kháng

Trong hoạt động sản xuất kinh doanh, công ty còn chịu tác động khác như dịch bệnh, thiên tai, những biến đổi khắc nghiệt của khí hậu, vấn đề chính trị... thì đây là những rủi ro bất khả kháng có thể gây thiệt hại về con người và tài sản. Sau giai đoạn năm 2020 - 2021 bị ảnh hưởng nặng nề do đại dịch Covid-19, kinh tế thế giới bước sang năm 2022 với nhiều kỳ vọng phục hồi. Tuy nhiên, thách thức và rủi ro vẫn còn rất lớn, đặc biệt khi các biến chứng mới xuất hiện và đang gia tăng tốc độ lây lan toàn cầu. Điều này làm gia tăng thêm mối quan ngại về sự bất ổn và gián đoạn hoạt động kinh tế xã hội và tác động trực tiếp đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Nhận thức được các rủi ro bất khả kháng có thể xảy ra bất cứ lúc nào Công ty đã lập ra những biện pháp dự phòng nhằm giảm tổn thất về con người lẫn tài sản công ty và tránh làm gián đoạn hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Thay đổi hành vi người tiêu dùng

Những thay đổi trong chi tiêu của người tiêu dùng Việt Nam phản ánh sự dịch chuyển của các ưu tiên trong thói quen tiêu dùng sang các sản phẩm thiết yếu, giảm chi tiêu cho các sản phẩm thông thường. Tuy nhiên, những nhân tố tác động đến hành vi mua hàng vẫn là các đặc tính của thương hiệu và chất lượng thay vì giá cả, khi có mức thu nhập ngày càng tăng, người tiêu dùng cũng thường tìm kiếm các lựa chọn thay thế chất lượng cao hơn.

Công ty hiện đang đẩy mạnh mảng chất tẩy rửa dạng lỏng do xu hướng chung của người tiêu dùng có sự chuyển dịch từ nhóm sản phẩm dạng bột sang dạng nước, nghiên cứu và cho ra đời các dòng sản phẩm thân thiện với người dùng. Ngoài ra, Lixco cũng mở rộng danh mục sản phẩm của mình sang các dòng sản phẩm chăm sóc cơ thể và mỹ phẩm. Về kênh phân phối, công ty ngày càng đẩy mạnh hơn kênh bán hàng hiện đại cũng như các trang bán hàng trực tuyến (Tiki, Lazada, Shopee,...).



2

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

- Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh
- Tổ chức và nhân sự
- Tình hình đầu tư
- Tình hình tài chính
- Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu
- Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội

Lix

KHỬ NHANH MÙI TẠNH, SẠCH NHANH VẾT BẨN

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm 2022

ĐVT: Triệu đồng

Chỉ tiêu	KH năm 2022	TH năm 2022	TH năm 2021	% tăng/giảm năm 2022/ năm 2021	% thực hiện so với kế hoạch
Doanh thu thuần	-	2.815.142	2.613.003	7,74%	-
Lợi nhuận gộp	-	639.977	533.014	20,07%	-
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	-	262.385	210.589	24,60%	-
Lợi nhuận trước thuế	225.000	262.787	211.022	24,53%	116,79%
Lợi nhuận sau thuế	-	213.200	167.366	27,39%	-
Lãi cơ bản trên 1 cổ phiếu (đồng)	-	5.913	4.640	27,44%	-

Doanh thu thuần năm 2022 đạt 2.815 tỷ đồng, tăng 7,74% so với năm trước, duy trì tăng trưởng doanh thu thuần (CAGR) trong giai đoạn 5 năm gần đây ở mức 4,04%. Điều này đã giúp tổng doanh thu (bao gồm cả doanh thu tài chính và thu nhập khác) của Công ty đạt 2.849 tỷ đồng, đạt 98,27% so với kế hoạch đại hội đồng cổ đông giao phó. Với kết quả kể trên cho thấy hoạt động kinh doanh của Công ty đã phục hồi trở lại sau năm 2021 bị ảnh hưởng bởi dịch bệnh, cụ thể:

- Kinh tế trong nước phục hồi sau dịch bệnh, nhu cầu tiêu dùng của người dân tăng cao;
- Nhân hàng LIX tăng trưởng khá tốt tại kênh Siêu thị;
- Sản phẩm của Công ty đang chú trọng phát triển các kênh như Horeca, phân khúc thị trường nhà hàng, khách sạn, khu nghỉ dưỡng và kênh bán hàng trực tuyến, nhu cầu mua sắm trực tuyến đang có xu hướng gia tăng và trở thành một kênh bán hàng quan trọng không thể thiếu. Ban lãnh đạo và đội ngũ nhân viên Công ty đã đẩy mạnh nghiên cứu phát triển sản phẩm phù hợp nhằm mang đến sự đa dạng, dễ dàng tiếp cận và tiện lợi cho người tiêu dùng;
- Các thị trường xuất khẩu tăng trưởng ổn định như: Thái Lan, Châu Úc, Châu Mỹ;
- Doanh thu hoạt động tài chính tăng gấp 7,2 lần từ 4,7 tỷ lên 34 tỷ đồng, trong đó có gần 23,92 tỷ đồng lợi nhuận được Công ty TNHH Xalivico - công ty con của LIX chi trả cổ tức trong tháng 6 năm 2022.

Theo đó, Lợi nhuận trước thuế năm 2022 đạt 262 tỷ đồng đạt 116,79% kế hoạch năm, tăng 24,35% so với năm 2021, đạt 116,79% so với kế hoạch Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) đã đặt ra.

Chi phí hoạt động

ĐVT: Triệu đồng

Chỉ tiêu	NĂM 2022		NĂM 2021		% tăng/giảm năm 2022 so với năm 2021
	Giá trị	Tỷ trọng/ DTT	Giá trị	Tỷ trọng/DTT	
Giá vốn hàng bán	2.175.165	77,27%	2.079.990	79,60%	4,58%
Chi phí tài chính	5.809	0,21%	4.979	0,19%	16,67%
Chi phí bán hàng	287.552	10,21%	216.971	8,30%	32,53%
Chi phí quản lý doanh nghiệp	118.394	4,21%	105.193	4,03%	12,55%
Chi phí khác	13	0,00%	32	0,00%	-58,35%
Tổng chi phí	2.586.933	91,89%	2.407.165	92,12%	7,47%
Doanh thu thuần	2.815.142		2.613.003		7,74%

Với đặc thù là Công ty sản xuất, giá vốn hàng bán chiếm tỷ trọng cao nhất trong cơ cấu chi phí của Công ty. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp của Công ty năm 2022 tăng so với năm trước, cụ thể: Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp năm 2022 tăng lần lượt 32,53% và 12,55% so với năm 2021; tỉ lệ trên Doanh thu thuần tương ứng tăng từ 8,30% lên 10,21% và 4,03% lên 4,21% do trong năm, công ty chú trọng đẩy mạnh hoạt động bán hàng thông qua các chương trình marketing quảng cáo, đầu tư kênh bán thương mại điện tử, tổ chức hội nghị khách hàng, ... Chi phí tài chính chiếm tỷ trọng không đáng kể trong cơ cấu chi phí, chủ yếu phát sinh từ khoản vay ngắn hạn.

Tổng Doanh thu

Đạt **2.849** tỷ đồng

Đạt **98,27%** kế hoạch do ĐHCĐ thông qua

Lợi nhuận trước thuế

Đạt **262** tỷ đồng

Đạt **116,79%** kế hoạch do ĐHCĐ thông qua



Danh sách Ban điều hành

Thành viên	Chức vụ	Số lượng cổ phần sở hữu	Tỷ lệ sở hữu (%)
1. Cao Thành Tín	Tổng giám đốc	0	0%
2. Bùi Công Thân	Phó Tổng giám đốc	0	0%
3. Lê Đình Vỹ	Phó Tổng giám đốc	0	0%
4. Phạm Thị Kim Hồng	Kế toán trưởng	2.440	0,0075%

Ông CAO THÀNH TÍN

Thành viên Hội đồng quản trị (HDQT) kiêm Tổng giám đốc

Năm sinh: 1980

Số lượng cổ phiếu nắm giữ cá nhân: 0 CP, chiếm 0% VĐL

Đại diện vốn của Tập đoàn Hóa chất Việt Nam: 4.860.000 CP, chiếm 15%/VĐL

Trình độ chuyên môn:

- Kỹ sư chuyên ngành Hóa Polymer Trường Đại học Bách khoa TP.HCM năm 2003.
- Thạc sĩ chuyên ngành Quản trị kinh doanh Columbia Southern University năm 2013.



Ông BÙI CÔNG THÂN

Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng giám đốc (TGD)

Năm sinh: 1976

Số lượng cổ phiếu nắm giữ cá nhân: 0 CP chiếm 0% VĐL

Đại diện vốn của Tập đoàn Hóa chất Việt Nam: 4.860.000 CP, 15%/VĐL

Trình độ chuyên môn:

- Cử nhân khoa học, chuyên ngành Hóa Đại học Khoa học tự nhiên năm 1999.
- Cử nhân quản lý công nghiệp, ĐH Bách Khoa TP.HCM năm 2004.

Quá trình công tác:

09/1999 - 04/2002	Nhân viên phòng Kỹ thuật KCS Công ty Bột giặt LIX.
05/2002 - 05/2007	Tổ trưởng Kỹ thuật CTCP Bột giặt LIX.
06/2008 - 08/2009	Phó phòng Kỹ thuật KCS CTCP Bột giặt LIX.
08/2009 - 04/2011	Trưởng Phòng Kỹ thuật KCS CTCP Bột giặt LIX.
04/2011 - 12/2014	Thành viên HĐQT kiêm Trưởng phòng Phòng Kỹ thuật KCS CTCP Bột giặt LIX.
12/2014 - 07/2015	Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc sản xuất CTCP Bột giặt LIX.
08/2015 - nay	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc CTCP Bột giặt LIX.

Số CP nắm giữ của những người có liên quan: Bà Trần Phạm Thúy Vy (Vợ): 36.624 cổ phiếu, chiếm 0,113% VĐL.



Quá trình công tác

03/2003 - 04/2003	Nhân viên phòng Kỹ thuật & KCS Công ty Cổ phần (CTCP) Bột giặt LIX.
05/2003 - 06/2009	Nhân viên phòng Vật tư CTCP Bột giặt LIX.
07/2009 - 01/2010	Trợ lý Trưởng phòng Tiêu thụ CTCP Bột giặt LIX.
02/2010 - 01/2011	Phó phòng Tiêu thụ CTCP Bột giặt LIX.
02/2011 - 12/2014	Trưởng phòng Tiêu thụ CTCP Bột giặt LIX.
12/2014 - 07/2015	Giám Đốc Kinh doanh CTCP Bột giặt LIX.
08/2015 - 07/2016	Phó Tổng Giám Đốc CTCP Bột giặt LIX.
04/2016 - nay	Thành viên Hội đồng quản trị CTCP Bột giặt LIX.
08/2016 - nay	Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc CTCP Bột giặt LIX.





Ông LÊ ĐÌNH VỸ

Thành viên HĐQT kiêm Phó TGD



Năm sinh: 1977

Số lượng cổ phiếu nắm giữ cá nhân: 0 CP, chiếm 0% VDL

Trình độ chuyên môn:

- Thạc sĩ kinh tế, chuyên ngành tài chính doanh nghiệp, Trường ĐH Kinh tế TP.HCM năm 2010.
- Cử nhân Luật, chuyên ngành Luật Kinh tế, Trường ĐH Kinh tế TP.HCM năm 2016.
- Cử nhân kinh tế, chuyên ngành kế toán kiểm toán, Trường ĐH Kinh tế TP.HCM năm 2002.
- Chứng chỉ hành nghề Kiểm toán viên Việt Nam.

Quá trình công tác:

06/2010 – 02/2011	Trợ lý Tổng giám đốc CTCP Bột giặt LIX.
02/2011 – 06/2017	Trưởng phòng Kiểm toán nội bộ kiêm Trưởng phòng Hành chính Nhân sự CTCP Bột giặt LIX.
04/2012 – 04/2016	Trưởng Ban Kiểm soát CTCP Bột giặt LIX.
06/2017 – 06/2018	Trưởng phòng Kiểm toán nội bộ kiêm Giám đốc Nhân sự CTCP Bột giặt LIX.
06/2018 – nay	Phó Tổng giám đốc CTCP Bột giặt LIX.
04/2022 – nay	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng giám đốc CTCP Bột giặt LIX.

Bà PHẠM THỊ KIM HỒNG

Kế Toán Trưởng



Năm sinh: 1981

Số lượng cổ phiếu nắm giữ cá nhân: 2.440 CP chiếm 0,0075%/VDL

Trình độ chuyên môn:

- Cử nhân kinh tế, chuyên ngành Kế toán Đại học Kinh tế TP.HCM năm 2003.

Quá trình công tác:

03/2003 – 2006	Nhân viên kế toán CTCP Bột giặt LIX.
2006 – 2009	Kế toán tổng hợp CTCP Bột giặt LIX.
2009 – 2010	Kế toán tổng hợp, Trợ lý Trưởng phòng kế toán CTCP Bột giặt LIX.
2010 – 2017	Phó phòng kế toán CTCP Bột giặt LIX.
01/2018 – 12/2018	Trưởng phòng kế toán – Phụ trách kế toán CTCP Bột giặt LIX.
12/2018 – nay	Kế toán trưởng CTCP Bột giặt LIX.

Số cổ phần nắm giữ của những người có liên quan: Ông Phạm Hữu Hiệp (Em ruột): 910 cổ phiếu chiếm 0,0028%VDL.

Những thay đổi trong Ban điều hành

- Trong năm 2022, Công ty không có thay đổi nhân sự Ban điều hành



Số lượng cán bộ, nhân viên

STT	Tính chất phân loại	Năm 2021		Năm 2022	
		Số lượng	Tỷ trọng (%)	Số lượng	Tỷ trọng (%)
A	Theo trình độ	1.063	100,00%	1.186	100,00%
1	Trình độ Đại học và trên Đại học	252	23,71%	269	22,68%
2	Trình độ Cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp	161	15,15%	187	15,77%
3	Sơ cấp và Công nhân kỹ thuật	25	2,35%	21	1,77%
4	Lao động phổ thông	625	58,80%	709	59,78%
B	Theo tính chất hợp đồng lao động	1.063	100,00%	1.186	100,00%
1	Hợp đồng theo thời vụ (dưới 1 năm)	69	6,49%	78	6,58%
2	Hợp đồng có xác định thời hạn (từ 1 đến 3 năm)	379	35,65%	464	39,12%
3	Hợp đồng không xác định thời hạn	615	57,86%	644	54,30%
C	Theo giới tính	1.063	100,00%	1.186	100,00%
1	Nam	700	65,85%	758	63,91%
2	Nữ	363	34,15%	428	36,09%

Thu nhập bình quân theo số lao động bình quân

Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022
Số lao động bình quân (người)	961	1.118	1.098	1.100
Thu nhập bình quân (đồng/người/tháng)	12.218.000	13.360.000	13.360.000	14.318.000

Chính sách nhân sự

Lixco luôn xem con người là nhân tố cốt lõi của tổ chức, là tài sản quý giá nhất và là trung tâm vận hành mọi nguồn lực và hoạt động của Công ty. Lixco hướng đến xây dựng môi trường làm việc tốt nhất cho người lao động, bao hàm bởi nhiều khía cạnh:

Về đào tạo

Công tác đào tạo trong năm 2022 được xác định là mục tiêu quan trọng nhằm nâng cao tay nghề, trình độ chuyên môn của người lao động, phát triển nguồn nhân lực để chuẩn bị nhân sự cho các kế hoạch đột phá mới của Công ty. Một số hoạt động tiêu biểu trong năm:

- Hội trại huấn luyện kỹ năng thanh niên Lixco 2022: Ngoài mục tiêu phấn đấu đạt doanh thu như kế hoạch đề ra thì việc phát triển Đoàn thanh niên cũng là một trong những yếu tố được Ban lãnh đạo Công ty chú trọng và đặt kỳ vọng cao. Bởi Đoàn thanh niên chính là lực lượng nòng cốt trong tương lai vì họ có sức trẻ, có nhiệt huyết, sự sáng tạo và luôn bắt kịp thời đại nên việc bồi dưỡng và phát huy sức mạnh của Đoàn thanh niên là đồng nghĩa với việc phát triển nguồn nhân lực tài năng, phát triển các hoạt động trong và ngoài nội bộ giúp Công ty ngày càng lớn mạnh hơn. Đây là hoạt động quy mô đầu tiên dành cho Đoàn thanh niên Công ty cổ phần Bột giặt LIX với sự tham gia của 79 đoàn viên đến từ Trụ sở chính Thủ Đức, Chi nhánh Bình Dương và Chi nhánh Bắc Ninh.
- Triển khai hoạt động đào tạo An toàn vệ sinh lao động: nhằm đảm bảo an toàn cho người lao động cũng như bổ sung các kiến thức quan trọng về hóa chất, Công ty đã triển khai mở lớp đào tạo An toàn vệ sinh lao động cho người lao động làm việc trực tiếp với hóa chất. Đây là một trong những hoạt động thiết thực được Công ty chú trọng và tổ chức định kỳ, bởi thông qua các hoạt động đào tạo người lao động sẽ được bổ sung thêm kiến thức, kỹ năng về các giải pháp liên quan. Đặc biệt, qua đó giúp mọi người nâng cao ý thức trong vấn đề đảm bảo an toàn khi tiếp xúc với hóa chất để hạn chế tối đa những tác động từ các yếu tố gây hại, làm suy giảm sức khỏe hoặc gây thương tật.
- Kích hoạt Chuỗi chương trình đào tạo về văn hóa hội nhập, kiến thức sản phẩm và 5 bước bán hàng tại các khu vực Miền trung – Tây Nguyên, khu vực miền Nam thuộc vùng 3 (Đông Nam Bộ) và vùng 4 (TP.HCM). Buổi đào tạo giúp các bạn nhân viên bán hàng có thêm kiến thức mới về sản phẩm, về thị trường và kết nối mọi người với nhau.
- Bên cạnh đó công ty còn mở rộng thêm nhiều hình thức đào tạo phong phú và thu hút người lao động: Thực hiện các khóa đào tạo thực tế như: Chương trình về nguồn tại Côn Đảo; Cuộc thi tìm hiểu pháp luật trực tuyến,....





TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ



Môi trường công việc

Môi trường làm việc tốt sẽ phát huy tối đa năng lực chuyên môn và khả năng sáng tạo của nhân viên, góp phần nâng cao năng suất lao động. Hiểu được điều đó, Công ty luôn cố gắng tạo điều kiện tốt nhất để xây dựng một môi trường làm việc năng động, an toàn, công bằng, thân thiện, nơi mà mỗi người lao động đều cảm thấy là một phần của Công ty. Công ty bố trí văn phòng làm việc cho CBCNV khang trang, thoáng mát. Đối với lực lượng lao động trực tiếp, Công ty trang bị đầy đủ các phương tiện bảo hộ lao động, vệ sinh lao động. Các nguyên tắc an toàn lao động luôn được tuân thủ nghiêm ngặt trong toàn Công ty.

Về nhân sự

Công ty thực hiện chính sách điều động, bổ nhiệm nhân sự một cách hợp lý nhằm đáp ứng nhu cầu sản xuất kinh doanh theo từng thời điểm. Tăng cường công tác đào tạo giúp nâng cao năng lực, trình độ, tay nghề của CBCNV đáp ứng nhu cầu công việc, định hướng phát triển sắp tới của Công ty. Thực hiện và cải cách các chính sách đãi ngộ đối với người lao động theo hiệu quả công việc, phù hợp với thị trường lao động nội bộ ngành.

Về tuyển dụng

Công ty nhận biết việc tạo ra lợi thế cạnh tranh và sự khác biệt phụ thuộc chủ yếu vào nguồn nhân lực. Chính sách tuyển dụng của Công ty chính là thu hút và phát triển những con người có năng lực, chuyên môn phù hợp với văn hóa Lixco. Quy trình tuyển dụng của Lixco được thực hiện công khai, công bằng và minh bạch tạo cơ hội cạnh tranh lành mạnh giữa các ứng viên. Tùy theo vị trí công việc mà Công ty sẽ có những yêu cầu khác nhau về chuyên môn, kiến thức, kỹ năng, học vấn, ... Đối với các vị trí quản lý, lãnh đạo, việc tuyển dụng chặt chẽ hơn các yêu cầu về kinh nghiệm, khả năng phân tích, tác nghiệp độc lập, quyết đoán và các tiêu chí riêng khác.





TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

Về lương, thưởng, phúc lợi, đãi ngộ

Công ty áp dụng chính sách tiền lương, tiền thưởng, phúc lợi với mục tiêu khuyến khích người lao động nhất là lao động có chuyên môn và nghiệp vụ làm việc lâu dài tại Công ty. Công ty có chính sách khen thưởng xứng đáng với các cá nhân, tập thể có thành tích xuất sắc, có đóng góp sáng kiến về giải pháp kỹ thuật giúp đem lại hiệu quả kinh doanh cao, đồng thời áp dụng các biện pháp, quy định xử phạt đối với các công nhân viên có hành vi gây ảnh hưởng xấu đến hoạt động, hình ảnh của Công ty.



Với phương châm đồng hành cùng gia đình CBCNV, Công đoàn Công ty và Đoàn thanh niên đã phối hợp tổ chức Đêm hội trăng rằm với chủ đề “Trăng yêu thương”. Chương trình đã nhận được sự tham gia nhiệt tình của hơn 350 người bao gồm phụ huynh và cháu thiếu nhi là con của CBCNV, qua đó thể hiện sự quan tâm sâu sát và trách nhiệm của lãnh đạo công ty trong việc tổ chức các sân chơi ý nghĩa và hấp dẫn dành cho con em CBCNV.



Ngoài ra, Ban lãnh đạo Công ty đặc biệt quan tâm đến đời sống CBCNV, thông qua nhiều chính sách phúc lợi ngày càng toàn diện và hoàn thiện hơn như:

- Mua Bảo hiểm chăm sóc sức khỏe toàn diện cho toàn bộ người lao động;
- Tổ chức khám sức khỏe định kỳ hàng năm cho người lao động;
- Người lao động ốm đau thông thường được khám, cấp phát thuốc tại trạm y tế của công ty;
- Tổ chức tiêm vắc xin cúm mùa cho người lao động;
- Tặng bánh trung thu cho người lao động, tổ chức các hoạt động vui chơi đêm hội trăng rằm cho con CBCNV;
- Hàng tháng, các dịp lễ có công ty cấp phát sản phẩm cho CBCNV tại công ty;
- Hỗ trợ 1 phần chi phí giữ trẻ mẫu giáo cho người lao động có con nhỏ dưới 6 tuổi;
- Hàng năm Công ty đều tổ chức cho người lao động trong Công ty đi du lịch với chi phí do Công ty đài thọ;
- Công đoàn Công ty còn có chính sách hỗ trợ vay vốn cho người lao động gặp khó khăn.



TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ

ĐVT: Triệu đồng

STT	Tên dự án	Giá trị Thực hiện
A	DỰ ÁN ĐẦU TƯ MỚI	63.139
I	CTCP Bột giặt LIX – Chi nhánh Bình Dương	26.131
1	Đầu tư cụm 03 máy sever (02 máy server chạy chính và máy 01 máy chạy backup)	535
2	Đầu tư máy móc, thiết bị KCS-BD	295
3	Xe nâng 2.5 tấn (2 cái)	1.096
4	Đầu tư máy vào thùng tự động line 3 (1kg-5kg)	2.776
5	Đầu tư máy vào thùng tự động line 10 túi refill (1.5kg-4kg)	2.772
6	Đầu tư máy vào thùng tự động line 4 (200g-1kg)	1.944
7	Đầu tư máy vào thùng tự động line 6 (200g-1kg)	1.955
8	Đầu tư nâng công suất 2 máy chiết chai line 3 và line 5 từ 10 vòi chiết lên 14 vòi chiết (1kg-5kg)	2.891
9	Đầu tư hệ thống băng tải dẫn chai từ lầu 1 xuống máy đóng gói line 3 và 5	1.660
10	Đầu tư Máy dán nhãn màng OPP line 7 (chai 1.5kg-4kg)	2.819
11	Đầu tư hệ thống 03 máy vận nắp ở các line 1, 3, 9	2.241
12	Đầu tư Máy mở thùng, dán đáy thùng tự động và băng tải	5.148
II	CTCP Bột giặt LIX – Chi nhánh Hồ Chí Minh	9.430
13	Xe nâng 2.5 tấn (2 cái)	1.096
14	Đầu tư máy móc, thiết bị KCS-HCM	394
15	Hệ thống Robot xếp thùng lên pallet (3 robot)	7.220
16	Đầu tư xe con 7 chỗ (1 chiếc)	720
III	CTCP Bột giặt LIX – Chi nhánh Bắc Ninh	27.577
17	Đầu tư Cải tạo và nâng cấp Nhà máy Lix Bắc Ninh (10 gói đấu thầu qua mạng)	27.577
B	CHUẨN BỊ ĐẦU TƯ	1.451
I	CTCP Bột giặt LIX – Chi nhánh Bình Dương	994
1	Dự án đầu tư xưởng sản xuất Bột giặt 150.000 tấn/năm (chuẩn bị thủ tục).	994
II	CTCP Bột giặt LIX – Chi nhánh Bắc Ninh	457
2	Đầu tư mở rộng, nâng cấp hoàn chỉnh nhà máy Lix Bắc Ninh (chuẩn bị thủ tục)	457
3	Đầu tư mở rộng kho chứa bao bì 1536 m ² (Gồm: Sàn chịu lực, PCCC, Thang nâng)	
Tổng cộng		64.589

Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

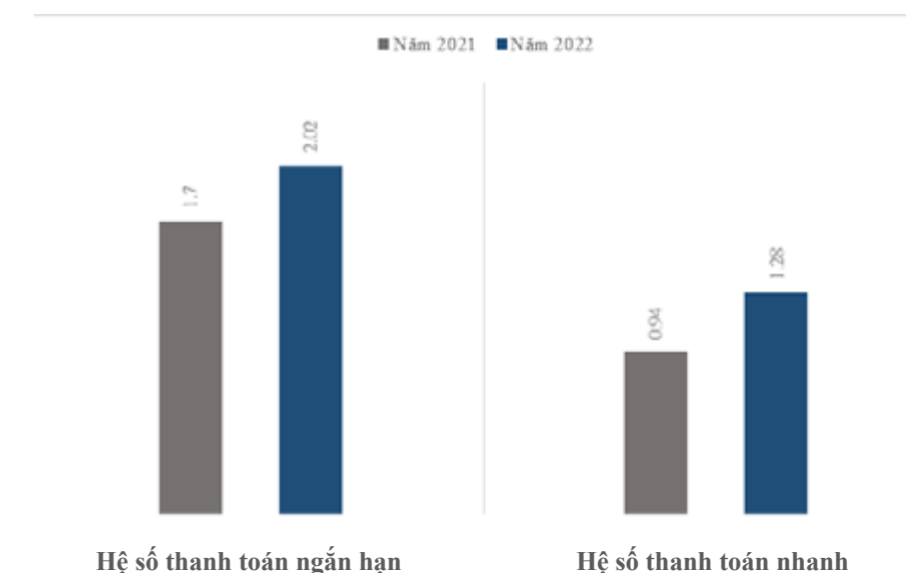
Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2022	Năm 2021
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
Hệ số thanh toán ngắn hạn: (Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn)	Lần	2,02	1,70
Hệ số thanh toán nhanh: (Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn	Lần	1,28	0,94
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	31,17	35,85
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	45,28	55,87
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
Vòng quay hàng tồn kho (Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân)	Vòng	7,38	7,06
Vòng quay khoản phải thu (Doanh thu thuần/Khoản phải thu bình quân)	Vòng	16,60	15,23
Vòng quay tổng tài sản (Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân)	Vòng	2,35	2,39
Số ngày phải thu	Ngày	21,98	23,96
Số ngày tồn kho	Ngày	49,43	51,68
Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	7,57	6,41
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân	%	26,70	24,14
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân	%	17,77	15,32
Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động SXKD/Doanh thu thuần	%	9,32	8,06

01

Chỉ tiêu về khả năng thanh toán

Các hệ số thanh toán của Công ty tăng nhẹ trong năm qua. Trong đó, hệ số thanh toán ngắn hạn và hệ số thanh toán nhanh lần lượt ở mức 2,02 và 1,28 năm 2022. Tính đến 31/12/2022, tài sản ngắn hạn của Công ty tăng 9,06% so với thời điểm 31/12/2021, việc tăng các khoản tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng nhằm mục đích chủ động bổ sung cho nguồn vốn lưu động để ứng phó kịp thời với các rủi ro có thể xảy ra từ hoạt động sản xuất kinh doanh và sự gia tăng các khoản phải thu đến từ các chuỗi siêu thị, cửa hàng tiện lợi do công ty đẩy mạnh các chương trình bán hàng trong năm qua là nguyên nhân chính dẫn đến sự gia tăng của tài sản ngắn hạn. Ngoài ra, trong năm công ty cũng đã thanh toán một phần chi phí lãi vay của khoản vay ngắn hạn và sự sụt giảm của khoản người mua trả tiền trước làm cho nợ ngắn hạn của Công ty sụt giảm.

Các chỉ số về thanh toán của công ty vẫn được đảm bảo ổn định ở mức tốt hơn so với năm trước cho thấy công ty hoàn toàn có đủ nguồn lực để thực hiện các nghĩa vụ thanh toán cho các khoản nợ tới hạn trong tương lai.



Chỉ tiêu về cơ cấu vốn

02

Sự an toàn trong nguồn vốn hoạt động luôn được Ban lãnh đạo chú trọng. Hệ số nợ trên tổng tài sản và hệ số nợ trên vốn chủ sở hữu đều giảm so với năm 2021 lần lượt ở mức 31,17% và 45,28%. Các hệ số này luôn duy trì ở mức thấp do Công ty chủ yếu tài trợ cho hoạt động sản xuất bằng vốn chủ sở hữu thay vì nợ vay để giảm áp lực bởi chi phí tài chính. Bên cạnh đó, các nhà máy sản xuất của Công ty đã đi vào hoạt động ổn định nên nhu cầu đi vay để đầu tư xây dựng là không lớn.

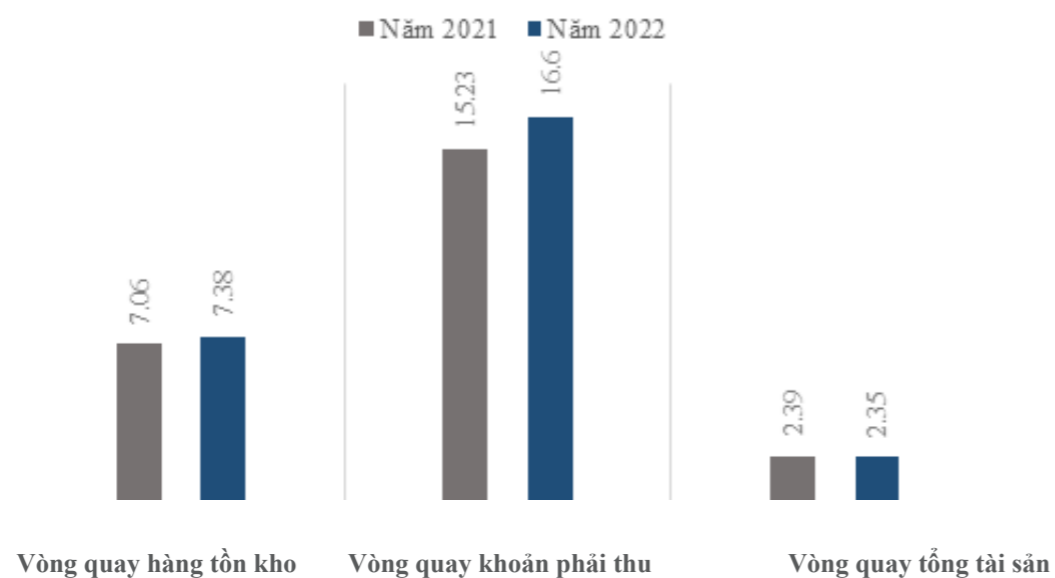
03

Chỉ tiêu về năng lực hoạt động

Vòng quay hàng tồn kho bình quân của Công ty năm 2022 là 7,38 vòng, tăng so với mức 7,06 vòng của năm 2021 do ảnh hưởng của biến động giá dầu làm chi phí giá vốn hàng bán tăng cao. Trong năm do giá nguyên liệu đầu vào tăng cao nên Công ty đã chủ động cân đối sử dụng hàng tồn kho đã dự trữ và nỗ lực tìm kiếm các đối tác cung cấp nguyên vật liệu đầu vào với mức giá tối ưu nhất, số ngày tồn kho của Công ty ở mức 49,43 ngày giảm 4,35% so với năm 2021.

Vòng quay Tổng tài sản trong năm 2022 là 2,35 lần, không chênh lệch nhiều với năm 2021, thể hiện sự hiệu quả cao trong công tác sử dụng tài sản phục vụ cho hoạt động kinh doanh của Công ty luôn được duy trì. Trong thời gian tới, chỉ số này sẽ được cải thiện đáng kể khi mà khấu hao tài sản cố định của Công ty giảm dần.

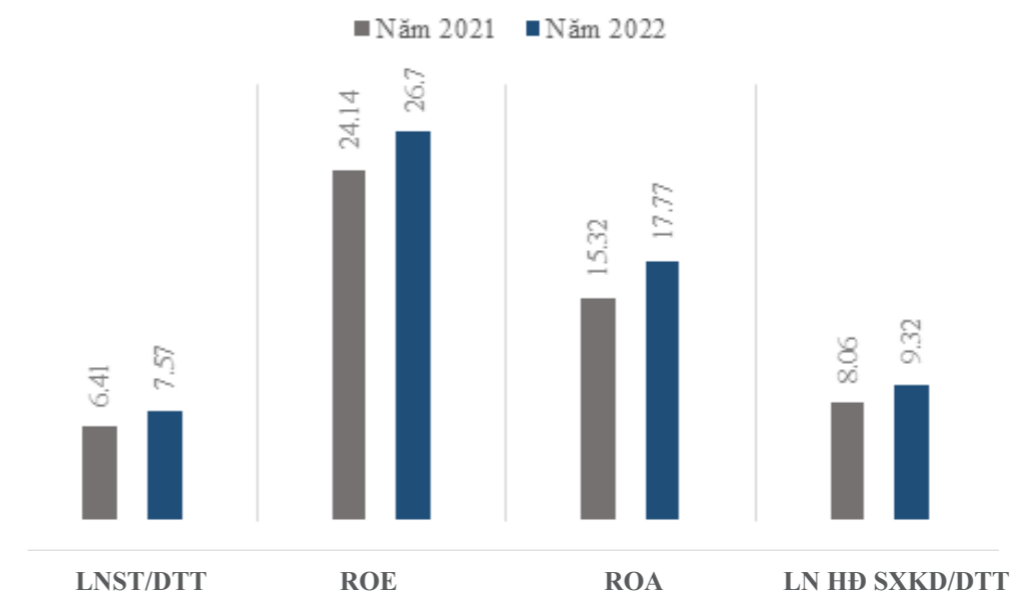
Số ngày phải thu trong năm 2022 giảm nhẹ ở mức 21,98 ngày so với mức 23,96 năm 2021. Nguyên nhân là do Công ty áp dụng chính sách tín dụng phù hợp với khách hàng nhằm giảm thiểu rủi ro nợ xấu cho Công ty.



Chỉ tiêu về khả năng sinh lời

04

Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần của Công ty đạt 7,57% năm 2022, cao hơn mức 6,41% cùng kỳ. Chỉ số tỷ suất sinh lợi trên vốn chủ sở hữu bình quân (ROE) tăng từ 24,14% năm 2021 lên 26,70% năm 2022. Chỉ số tỷ suất sinh lợi trên tổng tài sản (ROA) cũng tăng ở mức 17,77% so với mức 15,32% cùng kỳ. Thông qua các chỉ số này, có thể thấy khả năng sinh lợi của Công ty luôn được duy trì ở mức cao và tăng trưởng qua từng năm. Sự tăng trưởng ổn định này nhờ vào cả hai khía cạnh tăng trưởng doanh thu và tiết giảm chi phí của Công ty. Về doanh thu, Công ty đã đẩy mạnh marketing, phát triển sản phẩm mới, duy trì dịch vụ bán hàng cạnh tranh và lựa chọn các kênh phân phối phù hợp giúp doanh thu tăng 7,74% so với năm 2021. Về chi phí, Công ty luôn cố gắng quản trị các loại chi phí một cách hiệu quả nhất để vừa có giá sản phẩm cạnh tranh, vừa đảm bảo được chất lượng sản phẩm. Nhờ vào đó, lợi nhuận của Công ty luôn tăng trưởng qua các năm giúp các chỉ số sinh lời luôn đạt ở mức cao.





TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH



Tình hình tài sản

ĐVT: Triệu đồng

Chỉ tiêu	31/12/2022	31/12/2021	% Tăng giảm	Tỷ trọng năm 2022	Tỷ trọng năm 2021
Tài sản ngắn hạn	761.512	698.241	9,06%	61,80%	59,80%
Tài sản dài hạn	470.696	469.403	0,28%	38,20%	40,20%
Tổng tài sản	1.232.208	1.167.644	5,53%	100%	100%

Trong năm qua, tổng tài sản của Công ty tăng từ 1.167 tỷ đồng lên 1.232 tỷ đồng tính đến 31/12/2022, tương ứng mức tăng 5,53%.

Tài sản ngắn hạn vẫn được duy trì tỷ trọng lớn với 61,80% trong cơ cấu tổng tài sản, và tăng 9,06% so với năm trước. Các khoản tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu ngắn hạn là hai khoản mục chiếm tỷ trọng cao trong cơ cấu tài sản ngắn hạn năm 2022. Việc duy trì tỷ trọng khoản mục tiền gửi ngắn hạn này nhằm đảm bảo khả năng thanh toán các nghĩa vụ nợ ngắn hạn cũng như đáp ứng kịp thời dòng tiền dự phòng rủi ro trong quá trình sản xuất kinh doanh. Ngoài ra, các khoản phải thu ngắn hạn đạt 189 tỷ đồng và chiếm tỷ trọng 24,92% tài sản ngắn hạn, chủ yếu là khoản phải thu khách hàng thời hạn dưới 1 năm. Trong năm 2022, khoản mục này tăng 27,07% so với năm 2021, với sự đóng góp đáng chú ý từ các chuỗi siêu thị, cửa hàng tiện lợi như Bách Hóa Xanh, Winmart+ khi khoản phải thu đối với đối tác này tăng mạnh trong năm phần nào cho thấy Công ty có sự phục hồi từ sau đại dịch khi tăng cường hợp tác với các đối tác lớn và có uy tín trong nước.

Do đặc trưng của ngành, tài sản cố định luôn chiếm tỷ trọng lớn trong tài sản dài hạn của Công ty. Tài sản dài hạn đạt 470 tỷ đồng, tăng 0,28% so với cùng kỳ năm 2021 và chiếm 38,20% tổng tài sản. Phần lớn tài sản dài hạn là tài sản cố định, có giá trị hơn 408 tỷ đồng, giảm xấp xỉ 0,50% so với cùng kỳ năm 2021 và chiếm 33,13% tổng tài sản.

Tình hình nợ phải trả

ĐVT: Triệu đồng

Chỉ tiêu	31/12/2022	31/12/2021	% Tăng giảm	Tỷ trọng năm 2022	Tỷ trọng năm 2021
Nợ phải trả	384.068	418.543	-8,24%	31,17%	35,85%
- Nợ ngắn hạn	376.994	410.203	-8,10%	98,16%	98,01%
- Nợ dài hạn	7.074	8.340	-15,18%	1,84%	1,99%
Vốn chủ sở hữu	848.140	749.101	13,22%	68,83%	64,15%
Tổng Nguồn vốn	1.232.208	1.167.644	5,53%	100,00%	100,00%

Đến cuối năm 2022, nguồn vốn chủ sở hữu chiếm 68,83% tổng nguồn vốn. Trong khi đó, nợ phải trả giảm nhẹ chiếm tỷ trọng 31,17% tổng nguồn vốn, tương ứng với 384 tỷ đồng.

Trong cơ cấu nợ phải trả của Lixco chủ yếu là nợ ngắn hạn, chiếm hơn 98% trong tổng số nợ phải trả. Do đặc thù công ty thuộc ngành sản xuất hàng tiêu dùng nên chủ yếu dùng nợ ngắn hạn để tài trợ cho các hoạt động sản xuất, phục vụ việc mua sắm các nguyên vật liệu và các khoản phải trả cho nhà cung cấp không chịu lãi nên không gây áp lực về chi phí.

Với mục tiêu sử dụng chủ yếu nguồn vốn chủ sở hữu và nguồn vốn không sinh lãi tài trợ cho hoạt động kinh doanh của Công ty để giảm thiểu áp lực lãi vay, nên tỷ trọng vốn chủ sở hữu trong cơ cấu nguồn vốn được duy trì cao qua các năm. Năm 2022, vốn chủ sở hữu chiếm 68,83% nguồn vốn, tương đương 848 tỷ đồng.





CƠ CẤU CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

Cổ phần: Cổ phiếu Công ty Cổ phần Bột giặt LIX

- **Tổng số cổ phần đã phát hành:** 32.400.000 cổ phiếu, trong đó:
 - Số lượng cổ phiếu đang lưu hành: 32.400.000 cổ phiếu
 - Số lượng cổ phiếu quỹ: 0 cổ phiếu
- **Loại cổ phần đang lưu hành:** Cổ phần phổ thông
- **Mệnh giá cổ phần:** 10.000 đồng/cổ phiếu

Cơ cấu cổ đông

STT	Loại cổ đông	Số cổ phần	Tỷ lệ sở hữu
I	Cổ đông Nhà nước	16.524.000	51,00%
II	Cổ đông trong nước	13.135.910	40,54%
1	Cá nhân	12.972.698	40,04%
2	Tổ chức	163.212	0,50%
III	Cổ đông nước ngoài	2.740.090	8,46%
1	Cá nhân	449.019	1,39%
2	Tổ chức	2.291.071	7,07%
Tổng cộng		32.400.000	100,00%

Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

Không có

Giao dịch cổ phiếu quỹ

Không có

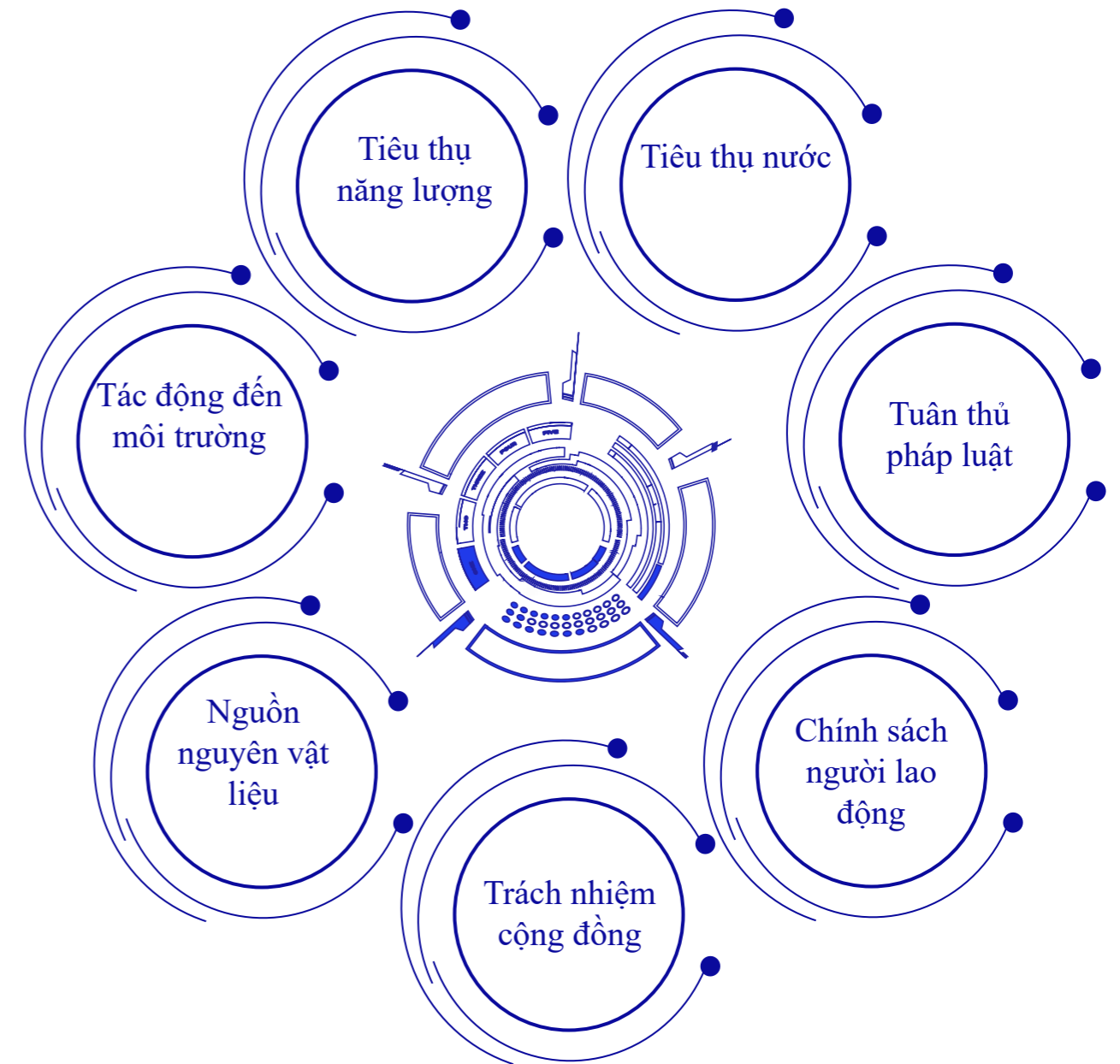
Các chứng khoán khác

Không có

Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa: 49%



BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI





BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI



Mục tiêu của Công ty hướng đến “Tối đa hóa lợi ích một cách bền vững” – Sự phát triển của Lixco phải đi liền với cổ đông, đối tác, khách hàng, cộng đồng, xã hội, hướng đến tương lai ngày càng tốt đẹp.



Tác động
môi trường

Đặc thù ngành nghề của Công ty hoạt động trong lĩnh vực sản xuất hóa mỹ phẩm, nhận thức rất rõ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty có ảnh hưởng trực tiếp đến môi trường xung quanh. Do đó, công tác bảo vệ môi trường luôn được Công ty chú trọng và nỗ lực giảm thiểu tối đa tác động tiêu cực đến môi trường.

Các sáng kiến và biện pháp giảm thiểu phát thải khí nhà kính:



Nghiêm túc đầu tư trang thiết bị hiện đại trong quá trình sản xuất cũng như xử lý nước thải ra môi trường; Nâng cao ý thức bảo vệ môi trường của nhân viên công ty, đồng thời kêu gọi nhân viên công ty không xả rác và tuân thủ việc thu gom rác thải đúng quy định; Công ty cũng đang nghiên cứu và xây dựng bộ quy chuẩn về xử lý cũng như thành lập các ban/nhóm kiểm tra độc lập về quy trình sản xuất và xử lý nước thải.



Duy trì vận hành, theo dõi và kiểm soát các hệ thống xử lý môi trường (xử lý nước thải, xử lý khí thải, xử lý bụi) tại các nhà máy đảm bảo chất lượng các tiêu chuẩn môi trường đầu ra đạt theo QCVN 40:2011/BTNMT đối với nước thải công nghiệp và đạt QCVN 19:2009/BTNMT đối với khí thải, bụi công nghiệp trước khi xả thải ra nguồn tiếp nhận.



Công ty đã tích cực trồng nhiều cây xanh, đưa ra các chính sách 3R (Reuse - Reduce - Recycle) khuyến khích công nhân viên hạn chế sử dụng đồ dùng một lần mà thay bằng các đồ dùng khác dùng lâu dài và thân thiện với môi trường.



Đối với chất thải nguy hại: Tiếp tục thực hiện việc thu gom, phân loại và lưu trữ riêng biệt từng loại chất thải nguy hại theo quy định của pháp luật, thực hiện chuyển giao chất thải nguy hại cho nhà thầu xử lý chất thải và quản lý hồ sơ chứng từ đầy đủ.



Tác động
môi trường

Loại vật tư	Thủ Đức	CN Bình Dương	CN Bắc Ninh	Tổng cộng
1. Nhãn giấy (cái)	3.241.142	54.942.192	6.183.456	64.366.790
2. Bao bì màng (mét)	7.037.777	11.000	549.746	7.598.523
3. Bao bì túi (cái)	760.644	5.957.283	2.294.564	9.012.491
4. Bao bì thùng giấy (cái)	4.746.966	7.132.319	1.835.029	13.714.314
5. Bao bì chai nhựa (cái)	3.177.590	53.864.894	6.062.212	63.104.696
6. Nguyên liệu lỏng (kg)	17.551.076	17.254.308	3.859.378	38.664.763
7. Nguyên liệu rắn (kg)	33.785.190	1.099.086	2.636.768	37.521.043
8. Chất thơm (kg)	136.192	261.059	51.731	448.981
Tổng cộng	70.436.577	140.522.140	23.472.884	234.431.602



Tiêu thụ
năng lượng

Sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả không những giúp tiết kiệm chi phí trong Công ty mà còn góp phần bảo vệ môi trường, tránh lãng phí nguồn tài nguyên. Bên cạnh việc đầu tư trang thiết bị hiện đại, tiết kiệm năng lượng thì việc kiểm tra bảo dưỡng định kỳ các thiết bị, máy móc đang sử dụng cũng góp phần không nhỏ vào việc giảm tiêu hao năng lượng và nâng cao hiệu quả hoạt động.

Các sản phẩm khí thiên nhiên và khí hóa lỏng cũng được tích cực sử dụng trong các hoạt động tại Công ty, góp phần tiết kiệm chi phí, giảm thiểu phát thải khí nhà kính và các tác động tiêu cực tới môi trường.

STT	Năng Lượng	ĐVT	Số lượng sử dụng 2022
1	Khí CNG	Mm BTU	120.434
2	Điện	kWh	7.294.905
3	Dầu ADO	Lít	577.318
4	Dầu FO	Lít	304.621



Tiêu thụ
nước

Công ty luôn kiểm soát chặt chẽ các khâu xử lý nước thải, chất thải nhằm giảm thiểu tác động đến môi trường cũng như đảm bảo các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty và các chi nhánh không gây tác động xấu đến môi trường, đa dạng sinh học tại địa bàn hoạt động.

Chất thải rắn được phân loại theo từng chủng loại và dán nhãn theo quy định. Công ty còn ký hợp đồng với Công ty dịch vụ để xử lý các loại chất thải rắn này theo đúng quy định của pháp luật về môi trường.

Ngoài ra, Công ty cũng phân công bộ phận chuyên môn theo dõi cân bằng nước mỗi ngày, kịp thời phát hiện các sự cố khi có chênh lệch, kiểm soát lượng nước sử dụng, tránh thất thoát.



Tỷ lệ nước tái chế, tái sử dụng so với tổng số nước khai thác: 18,6%

Lượng nước tái sử dụng trong sản xuất bao gồm nước thủy cục và nước ngầm tại 3 chi nhánh: 30.621,0 m³/năm (bao gồm nước tái sử dụng từ quá trình giải nhiệt thiết bị 27.851 m³/năm và nước sau xử lý đạt tiêu chuẩn xả thải Cột A:2011/BTNMT 2770 m³/năm).



Lượng nước sinh hoạt phát sinh:

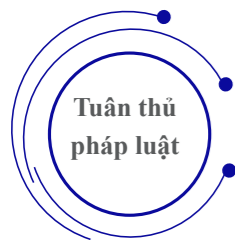
- Lượng nước sinh hoạt phát sinh đạt tại Chi nhánh Thủ Đức: 6.366,0 m³/năm.
- Lượng nước sinh hoạt phát sinh đạt tại Chi nhánh Bình Dương: 22.575,0 m³/năm.
- Lượng nước sinh hoạt phát sinh đạt tại Chi nhánh Bắc Ninh: 6.553,0 m³/năm.



Lượng nước giải nhiệt thiết bị được tái sử dụng vào trong sản xuất: 27.851,0 m³/năm.



BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI



Bảo vệ môi trường là trách nhiệm của của toàn thể người lao động, bởi môi trường không chỉ ảnh hưởng đến kinh tế mà còn ảnh hưởng trực tiếp đến sức khỏe của mỗi người.

Công tác tuân thủ pháp luật và bảo vệ môi trường trong năm 2022:



Tuân thủ Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 của Quốc Hội, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP của Chính phủ, Thông tư 02/2022/TT-BTNMT của Bộ Tài nguyên và Môi trường

Thực hiện áp dụng, kiểm soát các nội dung theo yêu cầu của Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 của Quốc Hội, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP của Chính phủ, Thông tư 02/2022/TT-BTNMT của Bộ Tài nguyên và Môi trường và Quy chế Bảo vệ môi trường trong Tập đoàn công nghiệp hóa chất Việt Nam.



Hưởng ứng Ngày môi trường thế giới với chủ đề “Chỉ một Trái đất”

Ngoài ra, nhằm góp phần xây dựng môi trường sáng, xanh, sạch đẹp, trong tháng 6 và tháng 10 năm 2022, Đoàn thanh niên Lixco đã tổ chức ra quân dọn dẹp vệ sinh môi trường. Tại buổi ra quân, các đoàn viên, thanh niên Lixco tích cực tham gia tổng vệ sinh môi trường, quét dọn và thu gom rác thải khu vực xung quanh khu vực công ty và trong khuôn viên Lixco.

Đây là hoạt động ý nghĩa, thiết thực, góp phần tuyên truyền nâng cao ý thức cho đoàn viên thanh niên về tinh thần xung kích, tình nguyện, vai trò đi đầu của tuổi trẻ Lixco trong việc cùng cộng đồng tham gia bảo vệ môi trường sống, đồng thời góp phần giữ gìn môi trường xanh - sạch - đẹp, bảo vệ sức khỏe cộng đồng.

Các quy định liên quan đến lĩnh vực môi trường đều được Công ty tuân thủ và triển khai đồng bộ nên không có vi phạm nào liên quan đến lĩnh vực môi trường trong năm 2022.



Tuân thủ Nghị định 45/2022/NĐ-CP của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính lĩnh vực bảo vệ môi trường

Nhằm tuân thủ Nghị định 45/2022/NĐ-CP của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính lĩnh vực bảo vệ môi trường, toàn thể người lao động trong Công ty cùng nhau nâng cao ý thức bắt đầu từ những hành động nhỏ để tạo nên những thay đổi lớn:

- **Tiết kiệm năng lượng (điện):** “Tắt khi không sử dụng” các thiết bị điện phải được tắt khi không sử dụng: máy tính, máy in, máy lạnh, quạt, đèn,...
- **Phân loại rác thải:** Các vị trí thu gom phải có thùng phân loại rác, CBCNV phải phân loại và vứt rác theo đúng quy định được hướng dẫn tại vị trí thu gom.
- **Giảm phát thải nhựa và nilon:** Không dùng các sản phẩm bằng nhựa dùng một lần như túi nilong, ống hút,... Khuyến khích sử dụng các sản phẩm chai lọ bằng thủy tinh và ưu tiên các sản phẩm đựng trong hộp giấy.
- **Giữ vệ sinh khu vực làm việc:** Khuyến khích áp dụng hình thức 3S:
 - Sàn lọc: xem xét, phân loại, chọn lựa và loại bỏ những thứ không cần thiết;
 - Sắp xếp: bố trí các vật dụng làm việc tại những vị trí hợp lý;
 - Sạch sẽ: là giữ vệ sinh tại nơi làm việc và các khu vực xung quanh.
- **Môi trường làm việc không khói thuốc:** Nghiêm cấm hút thuốc trong khu vực làm việc (ngoại trừ khu vực riêng được bố trí để hút thuốc). Bố trí khu vực hút thuốc riêng.





BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI



Các hoạt động chăm lo đời sống cho nhân viên

CTCP Bột giặt LIX luôn xác định người lao động chính là vốn quý nhất của doanh nghiệp. Công ty đã tuân thủ đầy đủ quy định tại quy chế, quy định của Bộ Luật lao động, chi trả lương thường đúng thời gian, đúng mức lương mà Công ty đã thoả thuận. Ngoài ra, công ty thực hiện tốt và đầy đủ các chính sách liên quan đến người lao động.

Các hoạt động chăm lo đời sống cho nhân viên:

- Hỗ trợ người lao động tại Công ty có hoàn cảnh khó khăn nhân dịp Tết Nhâm dần 2022, thuê xe đưa đón CBCNV về quê đón Tết Nhâm dần 2022.
- **Tập thể người lao động đón nhận những phần quà chúc Tết Nhâm Dần ấm áp từ Công Đoàn Công ty:** Với mục tiêu luôn lấy con người làm trung tâm, Công đoàn đã không ngừng cố gắng và nỗ lực để chăm lo đến đời sống tinh thần và vật chất cho toàn thể người lao động.
- **Lixco tổ chức trại hè cho con em CBCNV:** Việc tổ chức trại hè cho con em CBCNV không chỉ đảm bảo các vấn đề an sinh xã hội cho người lao động mà góp phần san sẻ một phần trách nhiệm trong giáo dục, giúp các thành viên trong Công ty an tâm công tác và nỗ lực hơn nữa trong sự nghiệp phát triển Công ty.
- **Lixco tổ chức khám sức khỏe định kỳ:** Việc thực hiện thăm khám sức khỏe cho toàn thể nhân viên luôn được Công ty chú trọng và tổ chức định kỳ hằng năm. Đây cũng là quyền lợi của người lao động nên ý thức thực hiện được toàn thể CBCNV chấp hành nghiêm túc và đảm bảo đúng thời gian thông báo.
- **Công đoàn Công ty cổ phần Bột giặt Lix tổ chức hội thao:** Với tinh thần “Có sức khỏe là có tất cả, sức khỏe quý hơn vàng” nên Công đoàn Công ty đã tổ chức Hội thao năm 2023 với quy mô lớn, đây cũng là dịp để mỗi CBCNV Công ty có thêm động lực rèn luyện thể chất, nâng cao sức khỏe cho bản thân. Hội thao cũng góp phần tạo sân chơi bổ ích cho toàn thể người lao động giao lưu, gắn chặt tình đoàn kết với nhau.
- **Lixco tổ chức hội thi khiêu vũ chào mừng giáng sinh:** Mang đến những giây phút thư giãn, sân chơi phục vụ nhu cầu cho người lao động, góp phần siết chặt sợi dây kết nối tình đồng nghiệp tại ngôi nhà lớn mang tên Lixco.



Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương

Chiến lược phát triển bền vững với trách nhiệm xã hội là nền tảng đã, đang và sẽ luôn là trọng tâm trong hoạt động sản xuất, kinh doanh của Lixco, bởi sự thành công của một doanh nghiệp không đơn thuần là những con số doanh thu thể hiện trên báo cáo tài chính mà còn là những giá trị thiết thực và lâu dài mà doanh nghiệp đó xây dựng, đóng góp cho cộng đồng.

- Luôn xây dựng và phát triển văn hóa với tinh thần cho đi là còn mãi, trong nhiều năm qua, Lixco luôn dành ngân sách cho các hoạt động thiện nguyện với tinh thần tương thân tương ái, hướng tới cộng đồng:
- Ủng hộ công tác chăm lo Tết cho hộ nghèo Phường Linh Trung năm 2022;
- Hỗ trợ 450 phần quà cho các hộ gia đình có hoàn cảnh khó khăn tại Phường An Bình, Phường Linh Trung, Phường Tân Phước Khánh, Phường Phú Tân, Phường Tân Vĩnh Hiệp;
- Hỗ trợ bệnh nhân nghèo đón Tết Tân Sửu tại Bệnh viện Chợ Rẫy và Ung Bướu;
- Hỗ trợ tổ chức chương trình hoạt động nhân dịp 91 năm ngày thành lập Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh;
- Đơn vị tài trợ tặng 50 số BHXH tự nguyện cho hộ nghèo, hộ cận nghèo tại phường Linh Trung, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh;
- Lixco trao tặng nhà vệ sinh công cộng: Với mong muốn hỗ trợ góp phần nhỏ trong việc bảo vệ môi trường và mỹ quan đô thị, Đoàn thanh niên Công ty cổ phần Bột giặt Lix đã trao tặng 19 nhà vệ sinh công cộng cho người lao động sinh sống tại các Khu sinh hoạt thanh niên công nhân, công viên và khu sinh hoạt thiếu nhi trên địa bàn Thành phố Thủ Đức.





BÁO CÁO BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

- Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh
- Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý
- Kế hoạch phát triển trong tương lai

Natural scents

On1 LƯỚI VI KHUẨN TRẮN



BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC



Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Tình hình kinh tế Việt Nam trong năm 2022 đối mặt với nhiều thách thức và biến động. Dịch bệnh Covid-19 tiếp tục diễn biến phức tạp, đặc biệt là với sự xuất hiện của các biến thể mới. Ngoài ra, các vấn đề thương mại và chính trị quốc tế cũng đang gây ra ảnh hưởng đáng kể đến nền kinh tế Việt Nam.

Trong bối cảnh đó, ngành sản xuất hóa mỹ phẩm cũng không phải ngoại lệ. Tuy nhiên, với những nỗ lực của toàn thể CBCNV trong việc tăng cường năng lực sản xuất, cải thiện chất lượng sản phẩm và phát triển thị trường, Lixco đã vượt qua thách thức với những khó khăn và thuận lợi như sau:

THUẬN LỢI

Thị trường trong nước

- Tăng trưởng kinh tế tại Việt Nam vẫn đang ổn định và dự báo sẽ tiếp tục tăng trưởng trong những năm tiếp theo. Điều này sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp trong ngành sản xuất hóa mỹ phẩm phát triển sản xuất và mở rộng thị trường.
- Kinh tế trong nước phục hồi, nhu cầu tiêu thụ các sản phẩm hóa mỹ phẩm tại Việt Nam dần gia tăng trở lại, tạo cơ hội cho Công ty tăng doanh số bán hàng.
- Chính sách linh hoạt trong khâu bán hàng, Lixco đã thực hiện tham gia các nền tảng bán hàng lớn khác như Lazada, Tiki, Shopee... giúp cho sản phẩm của Công ty dễ dàng đến được tay người tiêu dùng.

Thị trường xuất khẩu

- Nhận hàng OEM, Công ty vẫn duy trì hợp tác và cung ứng hàng đầy đủ cho các khách hàng ở Nhật, Úc, Campuchia, Thái Lan, Sudan,...
- Nhiều thị trường duy trì tăng trưởng ổn định như Thái Lan, Châu Úc, Châu Mỹ.
- Nhận hàng Lix, On1, Iron & Stone tiếp tục được xuất khẩu tới các thị trường truyền thống ở các quốc gia Đông Nam Á và các đảo quốc.
- Phát triển được 3 nhà phân phối mới và 2 thị trường mới là Gabon và Anh.

KHÓ KHĂN

Thị trường trong nước

- Dịch bệnh Covid-19 tuy đã được kiểm soát tốt hơn nhưng vẫn còn diễn biến phức tạp trên thế giới gây ảnh hưởng đến nền kinh tế nói chung và ngành sản xuất hóa mỹ phẩm nói riêng. Việc giãn cách xã hội và các biện pháp phòng chống dịch bệnh sẽ ảnh hưởng đến quá trình sản xuất, vận chuyển và tiêu thụ sản phẩm.
- Tình trạng cạnh tranh khốc liệt trong ngành sản xuất hóa mỹ phẩm khiến cho các doanh nghiệp phải đầu tư nhiều hơn vào nghiên cứu và phát triển sản phẩm, quảng bá thương hiệu, mở rộng kênh phân phối và tạo ra sản phẩm mới để mở rộng thị phần.
- Giá thành nguyên liệu đầu vào của ngành sản xuất hóa mỹ phẩm đang tăng cao, Công ty phải điều chỉnh giá bán, làm giảm vị thế cạnh tranh trên thị trường.

Thị trường xuất khẩu

- Tình hình kinh tế khó khăn sau đại dịch Covid 19 cùng sự bất ổn của nền kinh tế chính trị thế giới, xung đột giữa các nước lớn, chiến tranh Nga – Ukraina đã ảnh hưởng tiêu cực tới thị trường xuất khẩu. Giá bán tăng, cước tàu biển mặc dù đã ổn định nhưng vẫn cao so với trước đại dịch, giá bán tăng dẫn đến các khách hàng Trung Đông không đặt hàng, khách hàng Togo, Maldives ngưng kinh doanh. Một số dự án với khách hàng Nga phải ngừng triển khai.
- Giá nguyên vật liệu đầu vào tăng cao cùng với chi phí vận chuyển tăng mạnh làm cho sản phẩm của Công ty giảm sức cạnh tranh về giá so với sản phẩm nội địa của nước nhập khẩu.
- Biến động tỷ giá đồng Yên sụt giảm mạnh so với đồng USD nên khách hàng ngưng kinh doanh một số mã hàng từ cuối quý 1 năm 2022.
- Thị trường Campuchia bị sụt giảm mạnh kể từ sau dịch Covid cả nhãn hàng Lix và nhãn hàng riêng do tình hình kinh tế khó khăn, thu nhập và số hộ nghèo ở Campuchia tăng mạnh. Thêm vào đó, các nhãn hàng mới từ Trung Quốc thâm nhập nhiều vào Campuchia, hàng Lix giả, kém chất lượng với giá bán thấp hơn nhiều so với hàng thật Lix.
- Quy định về chứng nhận và kiểm tra chất lượng sản phẩm của các nước nhập khẩu là một rào cản đối với các doanh nghiệp trong ngành. Để có thể xuất khẩu được sản phẩm, các doanh nghiệp cần phải đáp ứng được các tiêu chuẩn chất lượng và an toàn của các quốc gia nhập khẩu. Điều này đòi hỏi các Công ty phải đầu tư nhiều hơn vào hệ thống quản lý chất lượng sản phẩm, giấy tờ chứng nhận và phù hợp với các quy định và yêu cầu của từng quốc gia khác nhau.





BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC



Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh (Tiếp theo)



Về công tác sản xuất

- Xưởng sản xuất Thủ Đức và Bình Dương: Thiết bị, máy móc luôn được ban lãnh đạo quan tâm, đầu tư và cải tiến; nguồn lao động luôn duy trì ổn định, nâng cao tay nghề; áp dụng phần mềm trong quản lý sản xuất, cập nhật được số liệu nhanh và kịp thời.
- Xưởng sản xuất Bắc Ninh: Được đầu tư thiết bị công nghệ sản xuất Bột giặt tự động hóa nhiều công đoạn, giảm sức lao động nâng cao hiệu quả sản xuất; nhà xưởng được cải tạo, nâng cấp; công tác bảo trì bảo dưỡng thiết bị được chú trọng, quan tâm.



Về hoạt động Marketing

Với mong muốn mang sản phẩm của nhà Lixco đến gần hơn với người tiêu dùng thông qua những lời hỏi han, chia sẻ và tư vấn, hoạt động bán hàng tại chợ sẽ góp phần giúp người sử dụng hiểu rõ hơn về tính năng cũng như công dụng của từng dòng sản phẩm mình muốn mua, hay hơn hết là giới thiệu những dòng mới đến với các khách hàng đã và đang trở thành thành viên của nhà Lixco. Chuyến hành trình của Lix ghé thăm đến 90 điểm chợ tại các tỉnh Miền Trung và Miền Tây.

Tri ân những đóng góp và sự đồng hành của các nhà phân phối trong hành trình chinh phục khách hàng, người tiêu dùng và thị trường chất tẩy rửa trong thời gian qua, Lixco đã tổ chức Hội nghị khách hàng năm 2022 với sự tham gia của gần 200 nhà phân phối trên cả nước.



Về công tác phát triển sản phẩm

Triển khai công tác nghiên cứu, thử nghiệm các công thức sản phẩm mới, thực hiện các dự án phát triển sản phẩm theo kế hoạch phát triển sản phẩm mới của công ty và khách hàng. Trong năm Công ty, đã hoàn thành việc đưa vào sản xuất và đưa ra thị trường các sản phẩm mới sau:



Nước hoa Iron & Stone

- Blue Ocean
- Aroma Santal



Nước tẩy quần áo màu On1

- Hương Tropical Blossom
- Hương Purple Freshness



Nước giặt LIX Matic

- Hương Nước hoa
- Hương Bamboo



Nước ủi quần áo On1



Bộ sản phẩm On1 cho thị trường Xuất khẩu

- Nước rửa chén On1
- Nước giặt On1
- Nước lau sàn On1
- Nước tẩy Toilet On1



Sản phẩm Dầu gội, Sữa tắm Iron & Stone – Xuất khẩu



Bộ sản phẩm mới nhãn riêng cho khách hàng Winmart

- Bột giặt
- Nước giặt
- Nước rửa chén
- Nước lau sàn
- Nước tẩy quần áo màu



Các sản phẩm Nước rửa chén, Nước giặt, Nước lau sàn Horeca size 9kg/9L





BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh (Tiếp theo)



Về công tác Kỹ thuật – R&D

- Công tác nghiên cứu và phát triển sản phẩm luôn được quan tâm, chú trọng, tạo mọi điều kiện để thực hiện một cách thuận lợi. Được tiếp cận với các công nghệ mới, công thức mới thông qua việc hợp tác với các đối tác, khách hàng.
- Đội ngũ Kỹ thuật – R&D có chuyên môn, luôn tìm tòi và nghiên cứu các sản phẩm mới đáp ứng kịp thời nhu cầu và xu hướng thị trường.



Về công tác quản lý chất lượng

Ban lãnh đạo quan tâm sâu sát, chỉ đạo kịp thời trong công tác quản lý, đảm bảo chất lượng sản phẩm tại các nhà máy. Triển khai đồng bộ và duy trì vận hành hệ thống quản lý chất lượng theo ISO 9001:2015; hệ thống thực hành sản xuất tốt theo tiêu chuẩn GMPC, ISO 22716; đẩy mạnh số hóa trong quản lý; chú trọng đào tạo chuyên môn, xây dựng ý thức tuân thủ các quy định về đảm bảo chất lượng trong sản xuất. Các lỗi chất lượng được khắc phục ngay trong ca sản xuất.



NHỮNG CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC, CHÍNH SÁCH, QUẢN LÝ



VỀ CÔNG TÁC MARKETING

- Hoạt động Marketing của Lixco trong năm 2022 tập trung vào các hoạt động truyền thông thương hiệu cho 3 nhãn hàng chính Lix, On1 và Iron & Stone. Trong đó tập trung vào các hoạt động giới thiệu các sản phẩm mới, tăng tính gắn kết cho nhãn hiệu Lix với người tiêu dùng và tăng cường xây dựng độ nhận biết nhãn hiệu cho các nhãn hiệu mới là On1 và Iron & Stone.
- Đối với công tác Digital Marketing: Phòng Marketing đã cùng Phòng IT xây dựng brandsite cho nhãn hàng On1 như là kênh quảng cáo hình ảnh, thông tin sản phẩm đến người dùng. Bên cạnh đó, Phòng Marketing cũng đẩy mạnh quảng cáo qua các nền tảng mạng xã hội như Facebook, Youtube, Tiktok... để gia tăng tiếp cận đến người dùng trực tuyến. Với 336 bài post đã được đăng tải trên các fanpage đã thu được về lượng tiếp cận (reach) trên 97 triệu lượt thông qua kênh mạng xã hội (fanpage), gần 270.000 lượt theo dõi và hơn 23 triệu lượt xem video.

VỀ NGHIÊN CỨU VÀ PHÁT TRIỂN SẢN PHẨM

- Tiếp tục đẩy mạnh phát triển kênh thương mại điện tử, đầu tư và khai thác giá trị thương hiệu Lixco.

VỀ CÔNG TÁC ĐẦU TƯ

- Tiếp tục đầu tư thêm các máy móc thiết bị để tự động hoá các công đoạn trong dây chuyền sản xuất nhằm giảm lao động, tăng năng suất, giảm chi phí sản xuất. Ban điều hành Công ty cũng chuẩn bị thủ tục pháp lý về xin phép đầu tư xưởng bột giặt ở Chi nhánh Bình Dương.



KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN

Công ty đang đẩy mạnh tốc độ vận động, gia tăng nội lực và thiết lập những nền tảng phát triển mới, nhằm đạt được những mục tiêu xa hơn và phát triển nhanh chóng hơn. Lixco đã vượt qua mọi rào cản và cải thiện tiêu chuẩn năng lực trên toàn bộ hệ thống, để đối mặt với các thách thức và tạo ra giá trị mới cho khách hàng. Đồng hành cùng tâm thế đó, Hội đồng quản trị và Ban điều hành của Lixco đã lên kế hoạch sản xuất kinh doanh cụ thể cho năm 2023:

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	TH 2022	KH 2023	% Tăng giảm
1	Sản lượng	Tấn	268.010	329.000	22,75%
1	Doanh thu	Tỷ đồng	2.815	2.957	5,04%
2	Lợi nhuận trước thuế (*)	Tỷ đồng	262	225	-14,12%

(*) Ghi chú: Lợi nhuận trước thuế năm 2022 là 262 tỷ đồng, trong đó có 23,92 tỷ đồng là lợi nhuận được chia từ Công ty TNHH Xalivico và 3,3 tỷ đồng là lợi nhuận bán bất động sản (3 căn nhà Vĩnh Long)



KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN



Các chiến lược cụ thể để thực hiện kế hoạch đề ra:

Hoạt động kinh doanh

Thị trường nội địa

- **Kênh bán hàng truyền thống:** Công ty rà soát và xây dựng các kế hoạch thị trường năm 2023 cụ thể cho kênh bán hàng truyền thống bằng các chương trình như: Thúc đẩy sản lượng bột giặt với việc kích thích nhân viên bán hàng và tặng khuyến mãi bột giặt và nước rửa chén; thi đua cho nhân viên bán hàng các tỉnh Tây Nguyên và Bình Phước đối với sản phẩm Nước giặt; tích lũy điểm bán và kích thích cho nhân viên bán hàng theo tháng và quý đối với On1, Dầu tắm gội và Nước hoa, ...
- **Kênh bán hàng hiện đại:** Xác định sản lượng và doanh số năm 2023 với các siêu thị, trên cơ sở đó lên kế hoạch sản lượng từng quý cho từng siêu thị lớn và xây dựng chương trình khuyến mãi cho từng mã hàng cụ thể, sản lượng của từng mã hàng cụ thể/ từng SKU, để góp phần đạt kế hoạch sản lượng và doanh thu đã đề ra.

Thị trường xuất khẩu

- Công ty đẩy mạnh làm các chương trình bán hàng, khuyến mãi, hỗ trợ giá cho khách để nhằm tăng sản lượng tối đa. Công ty giữ mối quan hệ hợp tác chặt chẽ với các khách hàng hiện tại, tiếp tục bám sát thị trường, trao đổi với khách hàng để nắm bắt kịp thời tình hình thị trường, điều chỉnh linh hoạt các chương trình bán hàng, hỗ trợ khách hàng kịp thời để duy trì sản lượng như kế hoạch.
- Công ty tiếp tục tích cực chào hàng các thị trường mới, nhân hàng mới On1 và Iron & Stone, sữa tắm, dầu gội, nước hoa của Công ty; tìm kiếm khách hàng mới từ nhiều kênh, đặc biệt đẩy mạnh thương mại điện tử và xúc tiến thương mại, tham dự các hội thảo.

Hoạt động Marketing

- Kế hoạch Marketing chủ yếu tập trung vào các hoạt động chính sau: Phát triển và đưa ra thị trường các sản phẩm mới; tập trung truyền thông trên các nền tảng mạng xã hội (fanpage) cho các nhãn hàng Lix, On1 và Iron & Stone.

Công tác vật tư

Để đảm bảo cung cấp đầy đủ và kịp thời nguyên liệu vật trong năm 2023, Công ty thực hiện các công tác như sau:

- Tối ưu hóa tồn kho nguyên vật liệu, kiểm soát chặt lượng nguyên liệu tồn kho hàng tháng nhằm giảm tồn kho. Theo dõi kế hoạch sản xuất để điều chỉnh lại số lượng mua kịp thời, phù hợp với nhu cầu thực tế. Tăng cường công tác dự báo.
- Tăng cường tìm kiếm các nhà cung cấp mới có đủ năng lực đáp ứng nhu cầu của Lix, đa dạng hóa danh mục nhà cung cấp và danh mục nguyên vật liệu sử dụng. Cập nhật tình hình biến động giá trên thị trường, tăng dự trữ tồn kho hương liệu.

Cải tiến và phát triển sản phẩm

- Tiếp tục công tác nghiên cứu, thử nghiệm các công thức sản phẩm mới, thực hiện các dự án phát triển sản phẩm theo kế hoạch phát triển sản phẩm của công ty và kế hoạch phát triển sản phẩm mới của khách hàng.
- Tiếp tục triển khai các dự án cải tiến công thức, sử dụng các nguồn nguyên liệu thay thế trong sản phẩm bột giặt, nước giặt; điều chỉnh, cải tiến bao bì để tiết kiệm chi phí.
- Triển khai công tác số hóa các biểu mẫu, đưa các dữ liệu yêu cầu về chất lượng của nguyên liệu, bao bì theo mã vật tư; hướng dẫn đóng gói theo mã thành phẩm lên chương trình để quản lý.
- Tiếp tục theo dõi, kiểm soát định mức nguyên vật liệu sử dụng tại các nhà máy, đảm bảo định mức tiêu hao nguyên vật liệu không vượt định mức cho phép. Duy trì hiệu quả hoạt động kiểm tra, đảm bảo chất lượng sản phẩm.

Quản lý chất lượng

- Tiếp tục duy trì hiệu quả hoạt động kiểm tra, đảm bảo chất lượng sản phẩm tại 3 nhà máy.
- Phối hợp với các xưởng sản xuất thực hiện chương trình đào tạo nâng cao nhận thức về chất lượng và nhận diện các lỗi chất lượng trong sản xuất, chú trọng audit, kiểm soát chất lượng tại từng công đoạn, làm đúng ngay từ đầu.
- Tiến hành rà soát, cập nhật cải tiến quy trình của HTQLCL theo ISO 9001: 2015; Thực hiện chương trình đánh giá chất lượng nội bộ, đánh giá giám sát bởi bên thứ ba để nâng cao hiệu quả vận hành hệ thống quản lý chất lượng.

SẠCH BẮN - KHỬ MÙI

Ngàn hương thơm ngát



ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

- Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty
- Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban TGD công ty
- Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị





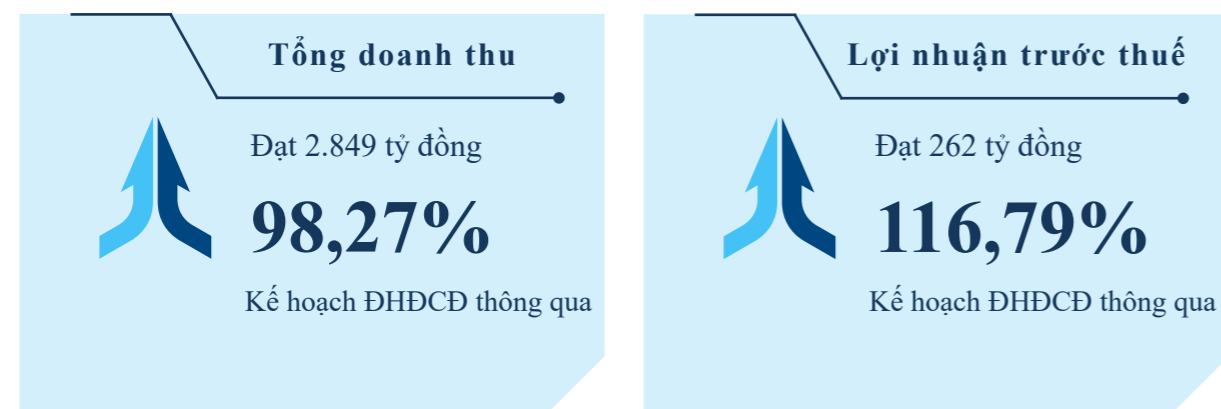
ĐÁNH GIÁ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Trong năm vừa qua, HĐQT đã luôn theo sát các biến động của thị trường trong và ngoài nước, triển vọng kinh tế vĩ mô và diễn biến hoạt động của Công ty để đưa ra những định hướng chỉ đạo phù hợp với tình hình thực tế. Kết thúc năm 2022, mặc dù còn gặp nhiều khó khăn khi thị trường trong nước bị cạnh tranh gay gắt còn thị trường xuất khẩu chưa đạt được như mong muốn, nhưng với sự quyết tâm, nỗ lực cao nhất, tập thể CBCNV Công ty đã hoàn thành các nhiệm vụ và chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh do ĐHĐCĐ giao phó.



Hiệu quả sản xuất kinh doanh

Trải qua một năm 2022 đầy thách thức, nhưng nhờ vào sự chỉ đạo của HĐQT, chính sách linh hoạt của Ban Tổng Giám đốc và hơn hết là sự đồng lòng của toàn thể CBCNV, Công ty đã đạt được kết quả kinh doanh đáng trân trọng như sau:



Công tác an toàn sản xuất

Trong hoạt động kinh doanh của mình, Công ty luôn đặt công tác an toàn trong sản xuất, vận chuyển và phân phối lên hàng đầu. Công ty đã không ngừng duy trì và cải tiến phương pháp vận hành, thực hiện các biện pháp cắt giảm chi phí hoạt động nhằm tạo ra kết quả sản xuất tối ưu và an toàn nhất.

Trong năm, Công ty cũng đã tổ chức các khóa đào tạo về An toàn lao động, cũng như phối hợp với cơ quan địa phương diễn tập phòng cháy chữa cháy tại nhà máy của Công ty nhằm cung cấp cho người lao động có thêm kinh nghiệm và kiến thức liên quan đến an toàn lao động.



Quan hệ nhà đầu tư

Năm 2022, Công ty tiếp tục tăng cường các hoạt động tương tác với nhà đầu tư, đặc biệt là việc công bố thông tin luôn được chú trọng không chỉ theo đúng yêu cầu của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh mà còn đẩy mạnh ở nhiều kênh tương tác với nhiều thông tin hữu ích về thị trường, về hoạt động sản xuất, hoạt động đầu tư,... giúp các cổ đông và nhà đầu tư nắm bắt được thông tin kịp thời. Điều này đã góp phần không nhỏ trong việc nâng cao hình ảnh minh bạch và hiệu quả của Công ty nói chung, HĐQT và Ban điều hành nói riêng.



ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN TGD

Căn cứ Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty, HĐQT đã thực hiện việc theo dõi, giám sát định kỳ và thường xuyên các hoạt động của Ban Tổng Giám đốc và các công việc quản lý điều hành khác, thông qua các trao đổi, thảo luận, chất vấn Ban Tổng Giám đốc và báo cáo tại các cuộc họp HĐQT định kỳ nhằm đảm bảo tính hiệu lực, hiệu quả, phù hợp và kịp thời, phối hợp với Ban kiểm soát kiểm tra việc thực hiện các vấn đề:

- Tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022;
- Chủ động xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch do Đại hội đồng cổ đông và HĐQT đề ra;
- Theo sát chiến lược, mục tiêu, kế hoạch sản xuất kinh doanh và các chỉ tiêu kinh tế liên quan;
- Chấp hành và tuân thủ các quy định của Luật doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các qui định hiện hành của Nhà nước;
- Thực hiện Bổ nhiệm lại Phó Tổng Giám đốc Công ty;
- Lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập năm 2022;
- Ban hành các Quy chế nội bộ của Công ty;
- Thực hiện các dự án đầu tư xây dựng trong năm 2022 theo kế hoạch được duyệt.



CÁC KẾ HOẠCH, ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Về hoạt động của Hội đồng quản trị

- Thực hiện và đảm bảo hoạt động của HĐQT tuân thủ theo đúng các quy định của pháp luật và điều lệ của Công ty;
- Thực hiện đầy đủ các các cuộc họp, trao đổi định kỳ đều đặn, nắm bắt kịp thời hoạt động kinh doanh của Công ty, chỉ đạo kịp thời đảm bảo việc hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh mà ĐHĐCĐ giao phó;
- Hoàn thiện và triển khai công tác kiểm toán nội bộ theo đúng quy định pháp luật;
- Tiếp tục cải tiến hoàn thiện bộ máy HĐQT đáp ứng theo yêu cầu của quy định pháp luật về quản trị công ty áp dụng cho công ty đại chúng cũng như tiến tới chuẩn mực quốc tế.



Về hoạt động sản xuất kinh doanh

- Đảm bảo hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh, đẩy mạnh công tác phát triển, mở rộng thị trường, quảng bá thương hiệu LIX;
- Liên tục cập nhật tình hình dịch bệnh và diễn biến giá nguyên liệu đầu vào; chủ động sẵn sàng các phương án phòng, chống dịch Covid-19 và xây dựng các chính sách kịp thời để có giải pháp sản xuất kinh doanh phù hợp với tình hình thực tế;
- Tái cấu trúc, sắp xếp lại cơ cấu tổ chức, chức năng nhiệm vụ của các bộ phận theo tình hình thực tế sản xuất kinh doanh của Công ty; nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu của hoạt động sản xuất kinh doanh.



QUẢN TRỊ CÔNG TY

- Hội đồng quản trị
- Ban Kiểm soát
- Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của HĐQT, Ban TGD và BKS

Natural scents

CÓ On1
SÁNH ĐÔI
Thôi lo kính bẩn, bụi bám



Thành phần và cơ cấu HĐQT

STT	Thành viên	Chức vụ	Số lượng CP sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
1	Phạm Quốc Đại	Chủ tịch HĐQT	CN: 0 CP ĐD: 6.804.000 CP	CN: 0% ĐD: 21% VDL
2	Cao Thành Tín	Thành viên HĐQT	CN: 0 CP ĐD: 4.860.000 CP	CN: 0% ĐD: 15% VDL
3	Bùi Công Thân	Thành viên HĐQT	CN: 0 CP ĐD: 4.860.000 CP	CN: 0% ĐD: 15% VDL
4	Lê Đình Vỹ	Thành viên HĐQT	CN: 0 CP ĐD: 0 CP	CN: 0% ĐD: 0%
5	Hà Phước Dur	Thành viên HĐQT	CN: 0 CP ĐD: 0 CP	CN: 0% ĐD: 0%

Ông PHẠM QUỐC ĐẠI Chủ tịch HĐQT

Năm sinh: 1986

Số lượng cổ phiếu nắm giữ cá nhân: 0 CP, chiếm 0% VDL

Đại diện vốn của Tập đoàn Hóa chất Việt Nam: 6.804.000 CP, chiếm 21% VDL

Trình độ chuyên môn:

- Kỹ sư Xây dựng năm 2010, chuyên ngành Kinh tế và Quản lý đô thị.

Quá trình công tác Chức danh, chức vụ Đảng, đoàn thể

08/2017 – 07/2021 Phó Bí thư Chi bộ Văn phòng Tập đoàn.

05/2017 - đến nay Ủy viên BCH Đoàn Thanh niên cơ quan Tập đoàn Hóa chất Việt Nam, Ủy viên BCH Đoàn Tập đoàn Hóa chất Việt Nam.

Chức danh, chức vụ chính quyền

03/2010 - 07/2014 Chuyên viên tại phòng Đầu tư – CTCP Xây dựng số 1 (Vinaconex1).

07/2014 – 10/2016 Chuyên viên Văn phòng, Thư ký Tổng Giám đốc tại Tập đoàn Hóa chất Việt Nam.

10/2016 – 07/2021 Phó Chánh Văn phòng, Thư ký Tổng Giám đốc tại Tập đoàn Hóa chất Việt Nam.

07/2021 đến nay Phó Trưởng Ban, phụ trách Ban Tổ chức Nhân sự Tập đoàn Hóa chất Việt Nam.

Chức danh, chức vụ kiêm nhiệm

04/2018 – 04/2021 Người đại diện phần vốn của Tập đoàn tại CTCP Hơi kỹ nghệ Que hàn, Chủ tịch HĐQT Công ty.

04/2021 đến nay Người đại diện phần vốn của Tập đoàn tại CTCP Bột giặt LIX, Chủ tịch HĐQT Công ty.



Ông HÀ PHƯỚC DUR Thành viên HĐQT

Năm sinh: 1972

Số lượng cổ phiếu nắm giữ cá nhân: 0 – chiếm 0% VDL

Trình độ chuyên môn:

- Cử nhân Quản trị Kinh doanh

Quá trình công tác

08/2002 – 08/2003 Nhân viên tiếp thị CTCP Bột giặt LIX.

09/2003 – 02/2010 Tổ trưởng tổ tiếp thị CTCP Bột giặt LIX.

02/2010 – 10/2016 Phó phòng tiêu thụ CTCP Bột giặt LIX.

10/2016 – 01/2019 Trưởng phòng tiêu thụ CTCP Bột giặt LIX.

01/2019 đến nay Giám đốc kinh doanh CTCP Bột giặt LIX.

04/2022 đến nay Thành viên HĐQT CTCP Bột giặt LIX.

Sơ yếu lý lịch Ông Cao Thành Tín, Ông Bùi Công Thân và Ông Lê Đình Vỹ chi tiết vui lòng xem tại sơ yếu lý lịch Ban điều hành



Danh sách thay đổi thành viên HĐQT trong năm

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Ngày bắt đầu/không còn là thành viên HĐQT	
			Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
1	Đoàn Thị Tám	Thành viên HĐQT		28/04/2022
2	Vũ Hoàng Chương	Thành viên HĐQT		28/04/2022
3	Lê Đình Vỹ	Thành viên HĐQT	28/04/2022	
4	Hà Phước Dur	Thành viên HĐQT	28/04/2022	

Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: Công ty không có các tiểu ban thuộc HĐQT



Hoạt động của Hội đồng quản trị

Bên cạnh các quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ hoạt động của Công ty, Lixco luôn mong muốn vươn tới các thông lệ quản trị tốt nhất và chuẩn mực quản trị tiên tiến trên thế giới. Với kinh nghiệm đa dạng và chuyên sâu trong lĩnh vực sản xuất, các thành viên HĐQT đã thảo luận và tư vấn nhiều vấn đề của Công ty một cách dân chủ, minh bạch, khoa học, kịp thời đưa ra các giải pháp để đảm bảo lợi ích cao nhất cho cổ đông và các bên liên quan.

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự	Lý do không tham dự họp
1	Phạm Quốc Đại	Chủ tịch HĐQT	6/6	100%	
2	Cao Thành Tín	Thành viên HĐQT	6/6	100%	
3	Bùi Công Thân	Thành viên HĐQT	6/6	100%	
4	Lê Đình Vỹ	Thành viên HĐQT	4/6	67%	Bỏ nhiệm từ ngày 28/04/2022
5	Hà Phước Dư	Thành viên HĐQT	4/6	67%	Bỏ nhiệm từ ngày 28/04/2022
6	Đoàn Thị Tám	Thành viên HĐQT	2/6	33%	Hết nhiệm kỳ từ ngày 28/04/2022
7	Vũ Hoàng Chương	Thành viên HĐQT	2/6	33%	Hết nhiệm kỳ từ ngày 28/04/2022

Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập: Với mục tiêu góp phần hạn chế, phòng ngừa và kiểm soát rủi ro trong hoạt động của Lixco, Công ty hiện nay đang tìm kiếm nhân sự phù hợp đáp ứng tiêu chuẩn thành viên Hội đồng quản trị độc lập.

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty

Các thành viên trong Ban lãnh đạo thường xuyên tham gia các chương trình về Quản trị Công ty nhằm phát huy năng lực hoạt động, sự đóng góp đối với quá trình hoạt động của Lixco. Ý thức được vai trò quyết định của đội ngũ lãnh đạo, công tác đào tạo các chứng chỉ, chương trình về quản trị luôn được Công ty chú trọng. Danh sách các thành viên HĐQT có chứng chỉ đào tạo về Quản trị Công ty:

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ
1	Phạm Quốc Đại	Chủ tịch HĐQT
2	Cao Thành Tín	Thành viên HĐQT
3	Bùi Công Thân	Thành viên HĐQT
4	Lê Đình Vỹ	Thành viên HĐQT
5	Hà Phước Dư	Thành viên HĐQT

Hội đồng quản trị đã tổ chức 06 phiên họp. Nội dung các phiên họp và Nghị quyết được ban hành tương ứng như sau:

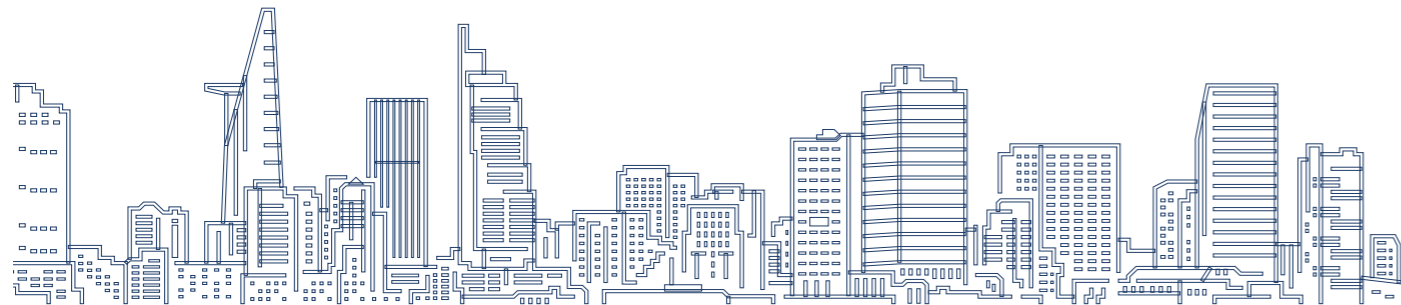
STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
01	01A/2022/NQ-HĐQT	03/01/2022	Chấp thuận chủ trương ký các hợp đồng nguyên tắc mua bán hàng hóa giữa CTCP Bột giặt LIX với “Người có liên quan”.
02	01/2022/NQ-HĐQT	19/01/2022	Thông qua BCTC năm 2021 của CTCP Bột giặt LIX.
03	02/2022/NQ-HĐQT	28/01/2022	Thông qua kết quả kinh doanh năm 2021; kế hoạch kinh doanh quý I/2022.
04	03/2022/NQ-HĐQT	28/01/2022	Kế hoạch đầu tư xây dựng năm 2022.
05	04/2022/NQ-HĐQT	28/01/2022	Ủy quyền ký hợp đồng vay vốn và đảm bảo cấp tín dụng ở Vietinbank Chi nhánh Thủ Đức.
06	05/2022/NQ-HĐQT	24/02/2022	Chủ trương bổ nhiệm lại Phó Tổng Giám đốc.
07	06/2022/NQ-HĐQT	10/03/2022	Chốt danh sách cổ đông để tham dự Đại hội cổ đông thường niên năm 2022.
08	07/2022/NQ-HĐQT	17/03/2022	Quyết định quỹ tiền lương năm 2021.
09	08/2022/NQ-HĐQT	25/03/2022	Ban hành Quy chế Công bố thông tin của CTCP Bột giặt LIX.
10	09/2022/QĐ-HĐQT	25/03/2022	Ban hành Quy chế Công bố thông tin của CTCP Bột giặt LIX.
11	10/2022/NQ-HĐQT	30/03/2022	Bỏ nhiệm lại Phó Tổng Giám đốc Công ty.
12	11/2022/QĐ-HĐQT	30/03/2022	Bỏ nhiệm lại Phó Tổng Giám đốc Công ty.
13	12/2022/NQ-HĐQT	06/04/2022	Kết quả kinh doanh quý I/2022 và kế hoạch kinh doanh quý II/2022.
14	13/2022/NQ-HĐQT	19/04/2022	Thông qua BCTC quý I/2022 của CTCP Bột giặt LIX.
15	14/2022/NQ-HĐQT	28/04/2022	Bầu ông Phạm Quốc Đại là Chủ tịch Hội đồng quản trị CTCP Bột giặt LIX nhiệm kỳ 2022 - 2027.
16	15/2022/NQ-HĐQT	20/05/2022	Lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập năm 2022.
17	16/2022/NQ-HĐQT	09/06/2022	Chốt danh sách cổ đông để trả cổ tức năm 2021.
18	17/2022/NQ-HĐQT	18/07/2022	Thông qua BCTC 6 tháng năm 2022 của CTCP Bột giặt LIX.
19	18/2022/NQ-HĐQT	25/07/2022	Kết quả kinh doanh 6 tháng đầu năm 2022 và kế hoạch kinh doanh quý III/2022.
20	19/2022/NQ-HĐQT	07/09/2022	Phê duyệt bổ sung kế hoạch đầu tư xây dựng năm 2022.



HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
21	20/2022/NQ-HĐQT	19/09/2022	Thực hiện bổ sung kế hoạch đầu tư xây dựng năm 2022 lần 2.
22	21/2022/NQ-HĐQT	17/10/2022	Thông qua BCTC 9 tháng năm 2022 của CTCP Bột giặt LIX.
23	22/2022/NQ-HĐQT	29/10/2022	Kết quả kinh doanh 9 tháng năm 2022 và kế hoạch kinh doanh quý IV/2022.
24	23/2022/NQ-HĐQT	27/12/2022	Chốt danh sách cổ đông để tạm ứng cổ tức năm 2022.
25	24/2022/NQ-HĐQT	30/12/2022	Danh sách nhà cung cấp năm 2023 của CTCP Bột giặt LIX.
26	25/2022/NQ-HĐQT	30/12/2022	Chấp thuận chủ trương ký các hợp đồng giao dịch giữa CTCP Bột giặt LIX với “Người có liên quan”.
27	26/2022/NQ-HĐQT	30/12/2022	Danh sách nhà cung cấp năm 2023 của CTCP Bột giặt LIX.
28	27/2022/QĐ-HĐQT	31/12/2022	Ban hành Quy chế quản lý cán bộ của CTCP Bột giặt LIX.





Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát

STT	Thành viên	Chức vụ	Số lượng CP sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
1	Trương Thị Tâm	Trưởng ban	0 CP	0%
2	Nguyễn Thị Thúy Vân	Thành viên	0 CP	0%
3	Phạm Thị Huyền	Thành viên	0 CP	0%

Sơ yếu lý lịch của Ban Kiểm soát

Bà TRƯƠNG THỊ TRÂM

Trưởng Ban Kiểm soát

Năm sinh: 1984

Số lượng cổ phiếu nắm giữ cá nhân: 0 CP chiếm 0% VDL

Trình độ chuyên môn:

- Cử nhân kinh tế, chuyên ngành Kế toán Kiểm toán Đại học Kinh tế Tp.HCM
- Cử nhân Luật, chuyên ngành Luật kinh doanh
- Chứng chỉ kế toán viên của Bộ Tài chính

Quá trình công tác

08/2007 - 01/2011	Trợ lý Kiểm toán Công ty Kiểm toán KSI Việt Nam.
03/2011 - 04/2016	Nhân viên Kiểm toán nội bộ - CTCP Bột giặt LIX.
04/2016 – nay	Trưởng ban kiểm soát - CTCP Bột giặt LIX.



Bà NGUYỄN THỊ THÚY VÂN

Thành viên Ban Kiểm soát

Thông tin cá nhân

Năm sinh: 1975

Số lượng cổ phiếu nắm giữ cá nhân: 0 CP, chiếm 0% VDL

Trình độ chuyên môn:

- Cử nhân kinh tế, chuyên ngành Quản trị kinh doanh, Đại học Kinh tế Tp.HCM năm 2002.

Quá trình công tác

04/1996 - 01/2010	Nhân viên Phòng Tiêu thụ CTCP Bột giặt LIX.
02/2010 - 06/2017	Phó Phòng Tiêu thụ CTCP Bột giặt LIX.
06/2017 - nay	Trưởng phòng Kho vận CTCP Bột giặt LIX.
04/2010 - nay	Thành viên Ban kiểm soát CTCP Bột giặt LIX.



Bà PHẠM THỊ HUYỀN

Thành viên Ban Kiểm soát

Thông tin cá nhân

Năm sinh: 1989

Số lượng cổ phiếu nắm giữ cá nhân: 0 CP, chiếm 0% VDL

Trình độ chuyên môn:

- Thạc sỹ Quản lý Kinh tế.

Quá trình công tác

Năm 2013	Kế toán viên Công ty TNHH Jami Việt Nam.
2014 - 2015	Kế toán tổng hợp, Phụ trách phòng mua hàng, Trợ lý GD Điều hành Công ty TNHH Jami Việt Nam.
01/2016 - 12/2017	Phụ trách Kiểm soát nội bộ kiêm Trợ lý GD Điều hành Công ty TNHH Jami Việt Nam.
07/2016 - 12/2017	Trợ lý TGD, Phụ trách Phòng kế toán, Chủ nhiệm dự án cung ứng nhân lực Công ty TNHH Jami Việt Nam.
03/2018 - nay	Chuyên viên Ban Kế hoạch Kinh doanh Tập đoàn Hoá chất Việt Nam.
04/2018 - 04/2021	Người đại diện phần vốn của Tập đoàn tại CTCP Hoi kỹ nghệ Que hàn, Thành viên HĐQT.
04/2021 - nay	Thành viên Ban Kiểm soát CTCP Bột giặt LIX.





Danh sách thay đổi thành viên Ban Kiểm soát trong năm: Không có

Hoạt động của Ban Kiểm soát

Hoạt động giám sát của Ban Kiểm soát đối với Hội đồng quản trị, Ban TGD và cổ đông

» Kết quả hoạt động giám sát của Ban Kiểm soát đối với HĐQT, Ban Tổng giám đốc điều hành cho thấy HĐQT, Ban Tổng giám đốc điều hành hoạt động đúng Điều lệ, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty.

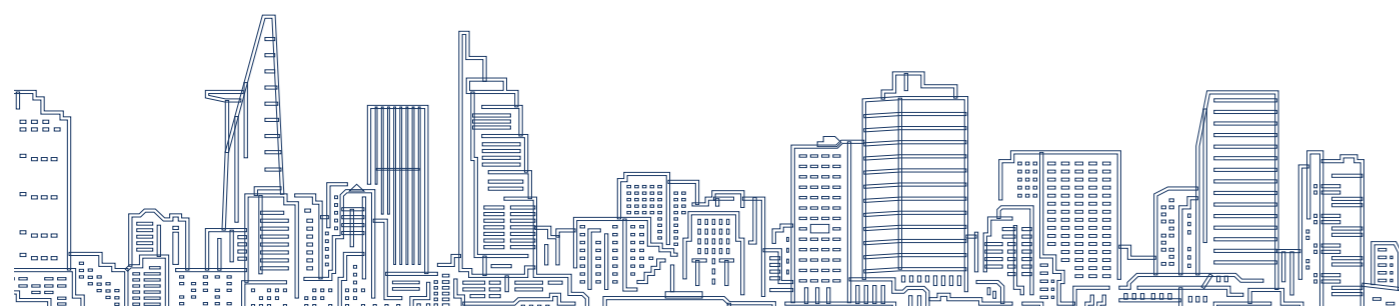
» Ban Kiểm soát tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị trong kỳ, tham gia ý kiến theo chức năng và nhiệm vụ của Ban kiểm soát.

Đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát đối với hoạt động của HĐQT và Ban TGD

» Ban Kiểm soát nhận được đầy đủ thông tin về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh và tình hình tài chính của Công ty.

» Ban Kiểm soát, Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc phối hợp chặt chẽ trên nguyên tắc vì lợi ích hợp pháp, tối đa của Công ty và cổ đông, trên cơ sở tuân thủ các quy định của pháp luật, điều lệ Công ty cũng như các quy chế nội bộ về quản trị Công ty.

» Ban Kiểm soát duy trì sự độc lập cần thiết đối với Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc trong quá trình thực hiện công việc.



Số lượng các cuộc họp Ban kiểm soát

STT	Thành viên	Chức vụ	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ tham dự	Lý do không tham dự
1	Trương Thị Trâm	Trưởng ban	5/5	100%	
2	Nguyễn Thị Thúy Vân	Thành viên	5/5	100%	
3	Phạm Thị Huyền	Thành viên	5/5	100%	

Nội dung và kết quả của các cuộc họp Ban kiểm soát

Ban kiểm soát đã tổ chức 05 phiên họp. Nội dung cụ thể các phiên họp được ban hành tương ứng như sau:

STT	Nội dung	Ngày	Nội dung chi tiết	Kết quả
01	Cuộc họp 1	22/03/2022	<ul style="list-style-type: none"> Thẩm định Báo cáo tài chính năm 2021; Xây dựng kế hoạch làm việc của BKS năm 2022; Thông qua Báo cáo hoạt động năm 2021 của Ban Kiểm soát để trình bày trước Đại hội cổ đông thường niên năm 2022. 	Kết quả các nội dung cuộc họp đều được 100% kiểm soát viên thống nhất
02	Cuộc họp 2	22/04/2022	<ul style="list-style-type: none"> Rà soát thẩm quyền phê duyệt hợp đồng; BKS thông qua “Đơn đề cử kiểm soát viên nhiệm kỳ 2022 - 2027” của BKS gửi HĐQT 	Kết quả các nội dung cuộc họp đều được 100% kiểm soát viên thống nhất
03	Cuộc họp 3	29/04/2022	<ul style="list-style-type: none"> Bầu Trưởng Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2022 - 2027; Xem xét các nội dung kế hoạch hoạt động của BKS giữa 2 kỳ Đại hội đồng cổ đông 2022 - 2023 đã trình đại hội; Thống nhất nhiệm vụ của thành viên BKS giữa 2 kỳ Đại hội đồng cổ đông 2022 - 2023. 	Kết quả các nội dung cuộc họp đều được 100% kiểm soát viên thống nhất
04	Cuộc họp 4	04/08/2022	<ul style="list-style-type: none"> Thẩm định Báo cáo tài chính bán niên 2022; Thông qua báo cáo kết quả hoạt động của BKS 6 tháng đầu năm 2022. 	Kết quả các nội dung cuộc họp đều được 100% kiểm soát viên thống nhất
05	Cuộc họp 5	21/10/2022	<ul style="list-style-type: none"> Thẩm định Báo cáo tài chính quý III năm 2022; Rà soát các quy chế hiện hành của Công ty. 	Kết quả các nội dung cuộc họp đều được 100% kiểm soát viên thống nhất

**Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích**

STT	Họ và tên	Chức danh	Tổng lương, thưởng	Tổng thù lao	Các khoản lợi ích khác	Ghi chú
Hội đồng quản trị và Ban Điều hành						
1	Phạm Quốc Đại	Chủ tịch HĐQT	-	84.000.000	-	
2	Cao Thành Tín	Thành viên HĐQT kiêm TGD	1.341.056.090	60.000.000	-	
3	Bùi Công Thân	Thành viên HĐQT kiêm Phó TGD	1.318.491.988	60.000.000	-	
4	Lê Đình Vỹ	Thành viên HĐQT kiêm Phó TGD	1.317.991.988	40.000.000	-	Bổ nhiệm 28/04/2022
5	Hà Phước Dư	Thành viên HĐQT	1.192.152.770	40.000.000	-	Bổ nhiệm 28/04/2022
6	Đoàn Thị Tám	Thành viên HĐQT	469.121.076	20.000.000	-	Hết nhiệm kỳ 28/04/2022
7	Vũ Hoàng Chương	Thành viên HĐQT	487.875.616	20.000.000	-	Hết nhiệm kỳ 28/04/2022
8	Phạm Thị Kim Hồng	Kế toán trưởng	1.163.634.818	-	-	
Ban kiểm soát						
1	Trương Thị Trâm	Trưởng BKS	478.859.839	60.000.000	-	
2	Nguyễn Thị Thúy Vân	Thành viên BKS	709.060.060	24.000.000	-	
3	Phạm Thị Huyền	Thành viên BKS	-	24.000.000	-	

Giao dịch giữa công ty với người có liên quan của công ty; hoặc giữa công ty với cổ đông lớn, người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ.

STT	Tên tổ chức/cá nhân	Mối quan hệ liên quan với công ty	Thời điểm giao dịch với công ty	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch
1	CTCP Xuất nhập khẩu Hóa chất Miền Nam	Công ty trong cùng Tập đoàn	Năm 2022	Mua nguyên vật liệu, giá trị 50.823.606.150 đồng
2	CTCP Hóa chất Cơ bản Miền Nam	Công ty trong cùng Tập đoàn	Năm 2022	Mua nguyên vật liệu, giá trị 41.891.277.000 đồng
3	CTCP Vật tư và Xuất nhập khẩu Hóa chất	Công ty trong cùng Tập đoàn	Năm 2022	Mua nguyên vật liệu, giá trị 1.635.315.000 đồng
4	CTCP Hóa chất Việt Tri	Công ty trong cùng Tập đoàn	Năm 2022	Mua nguyên vật liệu, giá trị 4.019.834.161 đồng
5	CTCP Thiết kế Công nghiệp Hóa Chất	Công ty trong cùng Tập đoàn	Năm 2022	Phí tư vấn, giá trị 300.000.000 đồng
6	CTCP Xà phòng Hà Nội	Công ty trong cùng Tập đoàn	Năm 2022	Mua nguyên vật liệu, giá trị 39.800.000 đồng
7	Tập đoàn Vingroup – CTCP	Liên quan với Công ty liên kết	Năm 2022	Lãi vay, giá trị 3.849.999.997

Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ: không có



**BÁO CÁO
TÀI CHÍNH NĂM 2022**

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Bột giặt Lix (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Bột giặt Lix hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0301444263, đăng ký lần đầu ngày 30 tháng 9 năm 2003 và đăng ký thay đổi lần thứ 12 ngày 23 tháng 02 năm 2022 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp.

Ngày 10 tháng 12 năm 2009, cổ phiếu của Công ty chính thức được niêm yết trên Sở Giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh theo Quyết định số 150/QĐ-SGDHCM ngày 01 tháng 12 năm 2009 của Sở Giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh với mã chứng khoán là LIX.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: 324.000.000.000 VND.

Trụ sở chính

- Địa chỉ : Số 03, Đường số 02, Khu phố 4, Phường Linh Trung, Thành phố Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.
- Điện thoại : (84-28) 38.966.803
- Fax : (84-28) 38.967.522
- Website : www.lixco.com

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:

Tên đơn vị	Địa chỉ
Chi nhánh Bình Dương	A-6, A-12, Khu công nghiệp Đại Đăng, Phường Phú Tân, TP.Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương.
Chi nhánh Bắc Ninh	Lô II – 1.1, Khu công nghiệp Quế Võ 2, Xã Ngọc Xá, Huyện Quế Võ, Tỉnh Bắc Ninh.
Văn phòng đại diện tại TP. Hồ Chí Minh	LD-02.05, Tòa nhà Lexington, 67 Mai Chí Thọ, Phường An Phú, Quận 2, TP. Hồ Chí Minh.

Hoạt động kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là: Sản xuất chất tẩy rửa tổng hợp và mỹ phẩm; Sản xuất và kinh doanh các loại hóa chất (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh), bao bì, Kinh doanh xuất nhập khẩu và kinh doanh bất động sản.

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm/hết nhiệm kỳ
Ông Phạm Quốc Đại	Chủ tịch	Tái bổ nhiệm ngày 28 tháng 4 năm 2022
Ông Cao Thành Tín	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 28 tháng 4 năm 2022
Ông Bùi Công Thân	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 28 tháng 4 năm 2022
Bà Đoàn Thị Tâm	Thành viên	Hết nhiệm kỳ ngày 28 tháng 4 năm 2022
Ông Vũ Hoàng Chương	Thành viên	Hết nhiệm kỳ ngày 28 tháng 4 năm 2022
Ông Lê Đình Vỹ	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 28 tháng 4 năm 2022
Ông Hà Phước Dư	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 28 tháng 4 năm 2022

Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày tái bổ nhiệm
Bà Trương Thị Trâm	Trưởng ban	Ngày 28 tháng 4 năm 2022
Bà Nguyễn Thị Thúy Vân	Thành viên	Ngày 28 tháng 4 năm 2022
Bà Phạm Thị Huyền	Thành viên	Ngày 28 tháng 4 năm 2022

Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Ngày tái bổ nhiệm
Ông Cao Thành Tín	Tổng Giám đốc	Ngày 15 tháng 02 năm 2023
Ông Bùi Công Thân	Phó Tổng Giám đốc	Ngày 16 tháng 4 năm 2019
Ông Lê Đình Vỹ	Phó Tổng Giám đốc	Ngày 30 tháng 6 năm 2021

Đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo là ông Cao Thành Tín - Tổng Giám đốc (Tái bổ nhiệm ngày 15 tháng 02 năm 2023).

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 của Công ty.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính tổng hợp phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính tổng hợp;
- Lập Báo cáo tài chính tổng hợp trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các số kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các số sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính tổng hợp đính kèm. Báo cáo tài chính tổng hợp đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,



Cao Thành Tín
Tổng Giám đốc

Ngày 15 tháng 02 năm 2023

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN BỘT GIẶT LIX**

Đơn vị tính: VND

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo của Công ty Cổ phần Bột giặt Lix (sau đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 13 tháng 02 năm 2023, từ trang 05 đến trang 38, bao gồm Bảng cân đối kế toán tổng hợp tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính tổng hợp dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính tổng hợp. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính tổng hợp do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính tổng hợp.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính tổng hợp đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Bột giặt Lix tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C



Nguyễn Minh Trí
Thành viên Ban Giám đốc
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 0089-2023-008-1
Người được ủy quyền

Phan Cao Huyền
Kiểm toán viên
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 3523-2021-008-1

TP. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 02 năm 2023

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		761.512.314.597	698.240.683.217
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	193.849.654.151	140.952.448.994
1. Tiền	111		18.849.654.151	20.952.448.994
2. Các khoản tương đương tiền	112		175.000.000.000	120.000.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		189.771.010.095	149.335.653.847
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	184.971.780.034	139.518.743.259
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3	1.357.653.475	6.175.671.241
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4	3.441.576.586	3.641.239.347
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		-	-
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		278.488.216.902	310.691.408.767
1. Hàng tồn kho	141	V.5	278.488.216.902	310.691.408.767
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		99.403.433.449	97.261.171.609
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.6a	1.806.813.265	1.559.581.640
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		96.888.172.148	95.701.589.969
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.14	708.448.036	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B- TÀI SẢN DÀI HẠN	200		470.695.735.366	469.403.099.048
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216		-	-
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		408.244.125.490	410.307.422.079
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.7	368.015.628.732	368.856.958.085
- Nguyên giá	222		706.139.517.883	658.220.372.464
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(338.123.889.151)	(289.363.414.379)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.8	40.228.496.758	41.450.463.994
- Nguyên giá	228		54.309.873.118	54.309.873.118
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(14.081.376.360)	(12.859.409.124)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		469.237.888	310.000.000
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.9	469.237.888	310.000.000
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		55.000.000.000	55.000.000.000
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	V.10	55.000.000.000	55.000.000.000
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		6.982.371.988	3.785.676.969
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.6b	3.326.273.059	1.400.060.898
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.11	3.656.098.929	2.385.616.071
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1.232.208.049.963	1.167.643.782.265

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C- NỢ PHẢI TRẢ	300		384.067.512.591	418.543.182.989
I. Nợ ngắn hạn	310		376.994.195.160	410.202.740.892
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.12	205.495.091.345	208.073.423.421
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.13	11.794.042.285	25.132.622.002
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.14	12.901.224.930	19.701.473.068
4. Phải trả người lao động	314	V.15	55.486.455.944	49.822.552.671
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.16	18.280.494.647	11.928.080.357
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.17a	4.777.529.133	24.698.699.758
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.18	55.000.000.000	55.000.000.000
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.19	13.259.356.876	15.845.889.615
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		7.073.317.431	8.340.442.097
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.17b	7.073.317.431	8.340.442.097
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		-	-
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		848.140.537.372	749.100.599.276
I. Vốn chủ sở hữu	410		848.140.537.372	749.100.599.276
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	V.20	324.000.000.000	324.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		324.000.000.000	324.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	V.20	306.714.124.165	253.156.949.057
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	V.20	217.426.413.207	171.943.650.219
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		4.226.607.890	171.943.650.219
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		213.199.805.317	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1.232.208.049.963	1.167.643.782.265

TP. Hồ Chí Minh, ngày 13 tháng 02 năm 2023


 Nguyễn Thị Yến Phương
 Người lập


 Phạm Thị Kim Hồng
 Kế toán trưởng


 Cao Thành Tín
 Tổng Giám đốc



BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	2.858.219.047.795	2.652.839.724.795
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	43.077.015.966	39.836.512.539
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		2.815.142.031.829	2.613.003.212.256
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.3	2.175.164.850.109	2.079.989.670.662
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		639.977.181.720	533.013.541.594
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4	34.162.831.361	4.717.648.353
7. Chi phí tài chính	22	VI.5	5.808.724.974	4.978.749.829
Trong đó: chi phí lãi vay	23		3.849.999.997	4.122.229.641
8. Chi phí bán hàng	25	VI.6	287.551.631.418	216.970.509.002
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.7	118.394.329.780	105.192.726.981
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		262.385.326.909	210.589.204.135
11. Thu nhập khác	31	VI.8	414.761.427	465.145.773
12. Chi phí khác	32	VI.9	13.329.028	32.002.523
13. Lợi nhuận khác	40		401.432.399	433.143.250
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		262.786.759.308	211.022.347.385
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.14	50.857.436.849	43.791.999.340
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	V.11	(1.270.482.858)	(135.824.167)
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		213.199.805.317	167.366.172.212
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10a,b	5.913	4.640
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.10a,b	5.913	4.640

TP. Hồ Chí Minh, ngày 13 tháng 02 năm 2023


 Nguyễn Thị Yến Phương
 Người lập


 Phạm Thị Kim Hồng
 Kế toán trưởng


 Cao Thành Tín
 Tổng Giám đốc



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP

(Theo phương pháp gián tiếp)

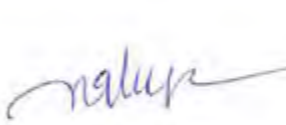
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		262.786.759.308	211.022.347.385
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	V.7, V.8	51.314.475.147	51.358.381.951
- Các khoản dự phòng	03		-	-
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	VI.4	(132.724.747)	102.844.929
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	VI.4, VI.8	(27.668.013.701)	(620.611.866)
- Chi phí lãi vay	06	VI.5	3.849.999.997	4.122.229.641
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		290.150.496.004	265.985.192.040
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(42.802.527.241)	12.236.104.110
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		32.203.191.865	(32.383.721.146)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(15.692.628.095)	31.805.665.770
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(2.173.443.786)	1.741.094.991
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14	V.17, VI.5	(23.666.805.544)	(272.229.644)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	V.14	(54.104.238.517)	(46.262.555.315)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	V.19	(19.546.399.960)	(19.845.385.411)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		164.367.644.726	213.004.165.395
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	V.7, V.9, VII	(41.805.231.179)	(54.157.927.857)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	V.7, VI.8	286.000.001	138.200.908
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	V.4, VI.4	27.313.465.752	371.780.822
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(14.205.765.426)	(53.647.946.127)


CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33		-	230.483.945.975
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		-	(230.483.945.975)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	V.20	(97.200.000.000)	(32.400.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(97.200.000.000)	(32.400.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		52.961.879.300	126.956.219.268
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	140.952.448.994	13.994.257.317
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(64.674.143)	1.972.409
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	193.849.654.151	140.952.448.994

TP. Hồ Chí Minh, ngày 13 tháng 02 năm 2023


Nguyễn Thị Yến Phương
Người lập


Phạm Thị Kim Hồng
Kế toán trưởng




Cao Thành Tín
Tổng Giám đốc

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

- Hình thức sở hữu vốn**
Công ty Cổ phần Bột giặt Lix (sau đây gọi tắt là "Công ty") là công ty cổ phần.
- Lĩnh vực kinh doanh**
Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất công nghiệp và kinh doanh thương mại.
- Ngành nghề kinh doanh**
Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Sản xuất chất tẩy rửa tổng hợp và mỹ phẩm; Sản xuất và kinh doanh các loại hóa chất (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh), bao bì; kinh doanh xuất nhập khẩu.
- Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**
Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.
- Cấu trúc Công ty**
Các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc

Tên đơn vị	Địa chỉ
Chi nhánh Bình Dương	A-6, A-12, Khu công nghiệp Đại Đăng, Phường Phú Tân, TP.Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương.
Chi nhánh Bắc Ninh	Lô II – 1.1, Khu công nghiệp Quế Võ 2, Xã Ngọc Xá, Huyện Quế Võ, Tỉnh Bắc Ninh.
Văn phòng đại diện tại TP. Hồ Chí Minh	LD-02.05, Tòa nhà Lexington, 67 Mai Chí Thọ, Phường An Phú, Quận 2, TP. Hồ Chí Minh.
- Nhân viên**
Tại ngày kết thúc năm tài chính Công ty có 1.100 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 1.098 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

- Năm tài chính**
Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.
- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

- Chế độ kế toán áp dụng**
Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các Thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

- Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**
Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

- Cơ sở lập Báo cáo tài chính**
Báo cáo tài chính tổng hợp được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Các đơn vị trực thuộc hình thành bộ máy kế toán riêng, hạch toán phụ thuộc. Báo cáo tài chính tổng hợp của toàn Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp Báo cáo tài chính của các đơn vị trực thuộc. Doanh thu và số dư giữa các đơn vị trực thuộc được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

- Các giao dịch bằng ngoại tệ**
Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với hợp đồng mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng.
- Đối với các khoản góp vốn hoặc nhận vốn góp: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn.
- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).

3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4. Các khoản đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Khoản đầu tư vào công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty liên kết được trích lập khi công ty liên kết bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn đầu tư thực tế của các bên tại công ty liên kết và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ thực góp của Công ty tại công ty liên kết. Nếu công ty liên kết là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty liên kết cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

5. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ sau khi đã bù trừ với khoản nợ phải trả (nếu có) hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 06 tháng đến dưới 01 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 01 năm đến dưới 02 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 02 năm đến dưới 03 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 03 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa, công cụ dụng cụ: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: chi bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

7. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty là công cụ, dụng cụ và chi phí bảo hiểm tài sản và chi phí khác. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 02 năm.

Chi phí bảo hiểm tài sản

Chi phí bảo hiểm được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

8. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

Loại tài sản cố định	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 25
Máy móc và thiết bị	05 - 12
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 10

9. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Công ty chỉ bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ,... Quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 50 năm.

Quyền sử dụng đất là tiền thuê đất Công ty trả một lần cho nhiều năm và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Quyền sử dụng đất này được khấu hao theo thời hạn thuê đất (45-50 năm).

Chương trình phần mềm máy tính

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hóa. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Trụ sở chính đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 03 năm.

10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

11. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán tổng hợp căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính.

12. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

13. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và khi có thông báo chi trả cổ tức của Hội đồng quản trị.

14. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa, sản phẩm cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa, sản phẩm như người sở hữu hàng hóa, sản phẩm hoặc quyền kiểm soát hàng hóa, sản phẩm.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Doanh thu gia công

Doanh thu đối với hoạt động nhận gia công vật tư, hàng hóa là số tiền gia công thực tế được hưởng, không bao gồm giá trị vật tư, hàng hóa nhận gia công.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

15. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm chiết khấu thương mại, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

Trường hợp sản phẩm, hàng hóa đã tiêu thụ từ các năm trước, đến năm nay mới phát sinh chiết khấu thương mại, hàng bán bị trả lại thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:

- Nếu khoản chiết khấu, hàng bán bị trả lại phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính tổng hợp: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính tổng hợp của năm nay.
- Nếu khoản chiết khấu, hàng bán bị trả lại phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính tổng hợp: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính tổng hợp của năm sau.

16. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được tính vào giá trị của tài sản đó. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

17. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

18. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoãn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

19. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

20. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty.

21. Công cụ tài chính

Tài sản tài chính

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Công ty gồm có tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Việc phân loại các khoản nợ phải trả tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ phải trả tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Công ty gồm có các khoản phải trả người bán, vay và nợ, các khoản phải trả khác.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	738.283.519	1.016.418.055
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	18.111.370.632	19.936.030.939
Các khoản tương đương tiền (tiền gửi có kỳ hạn dưới 03 tháng)	175.000.000.000	120.000.000.000
Cộng	193.849.654.151	140.952.448.994

2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu bên liên quan	71.808.000	-
Công ty Cổ phần Supe Phốt phát và Hóa chất Lâm Thao	71.808.000	-
Phải thu các khách hàng khác	184.899.972.034	139.518.743.259
Liên hiệp Hợp tác xã Thương mại TP. Hồ Chí Minh	37.597.667.185	31.096.760.183
Công ty TNHH Sản xuất Hoàng Nam	9.013.028.500	5.085.486.351
Công ty Cổ phần Thương mại Bách hóa xanh	18.280.170.448	5.651.116.850
Toyotsu Chemiplas Corporation	13.406.490.880	20.473.814.954
Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại Tổng hợp Vincommerce	30.800.979.119	15.941.864.528
Công ty TNHH Nhựa Vô Song	5.944.412.100	13.365.354.300
Công ty TNHH Nhựa Vô Song - Chi nhánh Đồng Nai	7.283.275.000	4.801.450.000
Các khách hàng khác	62.573.948.802	43.102.896.093
Cộng	184.971.780.034	139.518.743.259

3. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phát triển Bắc Nam Việt	516.000.000	-
Công ty TNHH Thương mại Vận tải và Xuất nhập khẩu Anh Duy	-	1.054.092.600
Công ty TNHH Khả Doanh	-	3.734.846.600
Công ty TNHH IDNV	180.000.000	-
Công ty TNHH May thêu Giày An Phước	350.000.000	-
Công ty TNHH Thiết kế Xây dựng Thương mại Trung Nam	180.000.000	-
Các nhà cung cấp khác	131.653.475	1.386.732.041
Cộng	1.357.653.475	6.175.671.241

4. Phải thu ngắn hạn khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Lãi dự thu tiền gửi tiết kiệm	179.178.084	-	110.630.136	-
Các khoản ký quỹ ngắn hạn	20.000.000	-	25.000.000	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	3.242.398.502	-	3.505.609.211	-
Cộng	3.441.576.586	-	3.641.239.347	-

5. Hàng tồn kho

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng mua đang đi trên đường	22.879.810.104	-	13.396.672.590	-
Nguyên liệu, vật liệu	152.214.501.982	-	175.960.821.200	-
Công cụ, dụng cụ	4.493.842.800	-	3.875.778.653	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	6.623.191.020	-	12.072.365.406	-
Thành phẩm	90.300.616.596	-	102.072.002.699	-
Hàng hóa (*)	1.976.254.400	-	3.313.768.219	-
Cộng	278.488.216.902	-	310.691.408.767	-

(*) Trong đó hàng hóa bất động sản tại thời điểm cuối năm là 0 VND (Số đầu năm là 2.234.719.546 VND).

6. Chi phí trả trước**6a. Chi phí trả trước ngắn hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công cụ, dụng cụ	1.109.973.931	1.188.406.030
Chi phí bảo hiểm tài sản	41.404.371	42.886.035
Các chi phí trả trước ngắn hạn khác	655.434.963	328.289.575
Cộng	1.806.813.265	1.559.581.640

6b. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công cụ, dụng cụ	1.542.168.352	579.276.602
Các chi phí trả trước dài hạn khác	1.784.104.707	820.784.296
Cộng	3.326.273.059	1.400.060.898

7. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	251.464.939.776	373.184.795.763	21.974.387.268	11.596.249.657	658.220.372.464
Mua trong năm	8.218.230.656	33.315.290.537	4.070.690.001	2.821.328.756	48.425.539.950
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	73.092.475	720.795.840	17.586.036	14.164.257	825.638.608
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(1.284.838.192)	(47.194.947)	(1.332.033.139)
Số cuối năm	259.756.262.907	407.220.882.140	24.777.825.113	14.384.547.723	706.139.517.883
<i>Trong đó:</i>					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	34.673.767.332	50.346.078.984	6.000.602.440	2.503.437.530	93.523.886.286
Chờ thanh lý	-	-	-	-	-
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	105.208.172.811	163.471.421.072	14.903.066.454	5.780.754.042	289.363.414.379
Khấu hao trong năm	14.400.398.565	32.019.365.419	2.237.338.245	1.435.405.682	50.092.507.911
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(1.284.838.192)	(47.194.947)	(1.332.033.139)
Số cuối năm	119.608.571.376	195.490.786.491	15.855.566.507	7.168.964.777	338.123.889.151
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	146.256.766.965	209.713.374.691	7.071.320.814	5.815.495.615	368.856.958.085
Số cuối năm	140.147.691.531	211.730.095.649	8.922.258.606	7.215.582.946	368.015.628.732
<i>Trong đó:</i>					
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-

8. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Chương trình phần mềm máy tính	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	54.261.691.300	48.181.818	54.309.873.118
Số cuối năm	54.261.691.300	48.181.818	54.309.873.118
<i>Trong đó:</i>			
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	-	-
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	12.831.436.899	27.972.225	12.859.409.124
Khấu hao trong năm	1.205.906.628	16.060.608	1.221.967.236
Số cuối năm	14.037.343.527	44.032.833	14.081.376.360
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	41.430.254.401	20.209.593	41.450.463.994
Số cuối năm	40.224.347.773	4.148.985	40.228.496.758
<i>Trong đó:</i>			
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-

9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Kết chuyển vào TSCĐ trong năm	Kết chuyển giảm khác	Số cuối năm
Mua sắm tài sản cố định	-	1.938.190.001	(1.886.890.001)	(51.300.000)	-
Xây dựng cơ bản dở dang	310.000.000	984.876.496	(825.638.608)	-	469.237.888
<i>Dự án nâng cấp nhà máy Lix chi nhánh Bắc Ninh</i>	-	346.000.000	(328.413.964)	-	17.586.036
<i>Dự án kho nguyên liệu, bao bì</i>	310.000.000	-	-	-	310.000.000
<i>Dự án khác</i>	-	638.876.496	(497.224.644)	-	141.651.852
Cộng	310.000.000	2.923.066.497	(2.712.528.609)	(51.300.000)	469.237.888

10. Đầu tư góp vốn vào công ty liên doanh, liên kết

Khoản đầu tư vào Công ty TNHH Xalivico.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0106872723 ngày 09 tháng 6 năm 2015, đăng ký thay đổi lần thứ ba ngày 10 tháng 5 năm 2022 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hà Nội cấp, Công ty đầu tư vào Công ty TNHH Xalivico với giá trị phần vốn góp là 55.000.000.000 VND, tương đương 26% vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty đã góp đủ vốn theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

Giá trị hợp lý

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

Tình hình hoạt động của công ty liên kết

Công ty liên kết vẫn đang trong giai đoạn chuẩn bị triển khai dự án đầu tư, không có thay đổi lớn so với năm trước.

Khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được sử dụng để thế chấp

Công ty đã dùng tổng số vốn thực góp tính theo mệnh giá vào vốn điều lệ của Công ty TNHH Xalivico tại từng thời điểm để đảm bảo cho khoản vay tại Tập đoàn Vingroup – Công ty Cổ phần.

Giao dịch với công ty liên kết

Công ty phát sinh giao dịch nhận cổ tức từ Công ty TNHH Xalivico với số tiền là 23.920.000.000 VND (năm trước không phát sinh).

11. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ, chi tiết như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	2.385.616.071	2.249.791.904
Ghi nhận vào kết quả kinh doanh	1.270.482.858	135.824.167
Số cuối năm	3.656.098.929	2.385.616.071

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế thu nhập hoãn lại là 20%.

12. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả các bên liên quan	7.582.985.536	3.238.401.045
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Hóa chất Miền Nam	4.128.520.000	1.788.985.000
Công ty Cổ phần Hóa chất Việt Trì	294.329.376	233.245.045
Công ty Cổ phần Hóa chất Cơ bản Miền Nam	2.793.152.160	1.097.338.000
Công ty Cổ phần Vật tư và Xuất nhập khẩu Hóa chất	-	118.833.000
Công ty Cổ phần Xà phòng Hà Nội	42.984.000	-
Công ty Cổ phần Thiết kế Công nghiệp Hóa Chất	324.000.000	-
Phải trả các nhà cung cấp khác	197.912.105.809	204.835.022.376
Công ty TNHH UIC Việt Nam	31.522.892.500	21.491.654.800
Gulf Polymers Distribution Company Fzco	9.173.736.000	8.137.725.750
Chi nhánh Công ty Cổ phần Tico	8.484.348.400	7.501.945.946
Toyota Tsusho Corporation (TTC)	2.221.176.514	2.498.164.838
A.R. Stanchem PVT.LTD	-	19.464.892.920
Công ty Cổ phần Hóa chất Vico	-	16.782.718.920
Công ty TNHH Hóa chất Công nghiệp	26.737.285.080	6.687.212.730
Chevron Philips Chemical Asia Pte. Ltd	20.949.310.800	8.885.836.781
Các nhà cung cấp khác	98.823.356.515	113.384.869.691
Cộng	205.495.091.345	208.073.423.421

Công ty không có nợ phải trả người bán quá hạn chưa thanh toán.

13. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Trả trước của bên liên quan	-	976.514
Công ty Cổ phần Hóa chất Cơ bản Miền Nam	-	976.514
Trả trước của người mua khác	11.794.042.285	25.131.645.488
Hadramout Al Wadi Trading Co., Ltd.	201.408.404	199.834.054
Chip Mong Group., Ltd.	608.979.406	16.655.426.794
Các khách hàng khác	10.983.654.475	8.276.384.640
Cộng	11.794.042.285	25.132.622.002

14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Bảng tăng, giảm thuế và các khoản phải nộp Nhà nước được trình bày ở Phụ lục đính kèm.

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

- Hàng xuất khẩu	0%
- Nước	05%
- Bột giặt, chất tẩy rửa lỏng	10%

Thuế xuất, nhập khẩu

Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	262.786.759.308	211.022.347.385
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	27.348.505.295	19.186.608.836
- Các khoản điều chỉnh giảm	(11.928.080.357)	(11.248.959.520)
Thu nhập chịu thuế	278.207.184.246	218.959.996.701
Thu nhập được miễn thuế	(23.920.000.000)	-
Thu nhập tính thuế	254.287.184.246	218.959.996.701
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	50.857.436.849	43.791.999.340

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính tổng hợp có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Tiền thuê đất

Tiền thuê đất được nộp theo thông báo của cơ quan thuế.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

15. Phải trả người lao động

Công ty sử dụng năng suất lao động tính theo tổng sản phẩm để xây dựng quỹ tiền lương năm 2022.

Số dư cuối năm là lương tháng 12 và tiền lương phải trả theo quỹ lương cho nhân viên.

16. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí hỗ trợ vận chuyển	2.689.566.512	1.780.951.625
Chi phí hỗ trợ tiếp thị	5.062.251.873	5.432.860.780
Thưởng đạt doanh số	654.011.960	307.907.632
Chi phí quảng cáo, tiếp thị	3.939.157.561	-
Các chi phí phải trả ngắn hạn khác	5.935.506.741	4.406.360.320
Cộng	18.280.494.647	11.928.080.357

17. Phải trả khác

17a. Phải trả ngắn hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả bên liên quan	3.849.999.997	23.666.805.544
Tập đoàn Vingroup - Chi phí lãi vay	3.849.999.997	23.666.805.544
Phải trả các tổ chức và cá nhân khác	927.529.136	1.031.894.214
Kinh phí công đoàn	600.456.696	607.558.814
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	327.072.440	424.335.400
Cộng	4.777.529.133	24.698.699.758

17b. Phải trả dài hạn khác

Các khoản nhận ký quỹ dài hạn của khách hàng.

17c. Nợ quá hạn chưa thanh toán

Công ty không có nợ phải trả khác quá hạn chưa thanh toán.

18. Vay ngắn hạn

Khoản vay dài hạn đến hạn trả Tập đoàn Vingroup - Công ty Cổ phần (bên liên quan) để đầu tư vào Công ty TNHH Xalivico – Công ty liên kết với lãi suất 07%/năm, thời hạn vay 03 năm. Khoản vay được đảm bảo bằng việc thế chấp khoản đầu tư vào Công ty liên kết.

Công ty có khả năng trả được các khoản vay ngắn hạn.

19. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Tăng do trích		Chi quỹ trong năm	Số cuối năm
	Số đầu năm	lập từ lợi nhuận		
Quỹ khen thưởng	7.727.875.251	5.244.235.166	(9.367.050.000)	3.605.060.417
Quỹ phúc lợi	8.118.014.364	11.715.632.055	(10.179.349.960)	9.654.296.459
Cộng	15.845.889.615	16.959.867.221	(19.546.399.960)	13.259.356.876

20. Vốn chủ sở hữu

20a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu		Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
	Số đầu năm	Quỹ đầu tư phát triển		
Số dư đầu năm trước	324.000.000.000	172.619.019.551	140.875.244.515	637.494.264.066
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	167.366.172.212	167.366.172.212
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi trong năm trước	-	-	(23.359.837.002)	(23.359.837.002)
Trích lập các quỹ khác trong năm trước	-	80.537.929.506	(80.537.929.506)	-
Chia cổ tức trong năm trước	-	-	(32.400.000.000)	(32.400.000.000)
Số dư cuối năm trước	324.000.000.000	253.156.949.057	171.943.650.219	749.100.599.276
Số dư đầu năm nay	324.000.000.000	253.156.949.057	171.943.650.219	749.100.599.276
Lợi nhuận trong năm nay	-	-	213.199.805.317	213.199.805.317
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi trong năm nay	-	-	(16.959.867.221)	(16.959.867.221)
Trích lập các quỹ khác trong năm nay	-	53.557.175.108	(53.557.175.108)	-
Chia cổ tức trong năm nay	-	-	(97.200.000.000)	(97.200.000.000)
Số dư cuối năm nay	324.000.000.000	306.714.124.165	217.426.413.207	848.140.537.372

20b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Vốn góp của nhà nước	165.240.000.000	165.240.000.000
Vốn góp của cổ đông khác	158.760.000.000	158.760.000.000
Cộng	324.000.000.000	324.000.000.000

Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đang ký phát hành	32.400.000	32.400.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	32.400.000	32.400.000
- Cổ phiếu phổ thông	32.400.000	32.400.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	32.400.000	32.400.000
- Cổ phiếu phổ thông	32.400.000	32.400.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

20c. Phân phối lợi nhuận

Trong năm, Công ty đã phân phối lợi nhuận năm 2021 theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên số 01/2022/NQ-ĐHĐCD ngày 28 tháng 4 năm 2022 như sau:

	Số tiền (VND)
• Chia cổ tức cho các cổ đông	: 97.200.000.000
• Trích Quỹ đầu tư phát triển	: 53.557.175.108
• Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	: 16.736.617.221
• Trích Quỹ thưởng Ban điều hành quản lý	: 223.250.000

Ngoài ra, theo Nghị quyết HĐQT số 23/22/NQ-HDQT ngày 27 tháng 12 năm 2022 về việc chốt danh sách cổ đông để tạm ứng cổ tức năm 2022, tỷ lệ tạm ứng cổ tức là 15% (1.500/1 cổ phiếu), ngày chốt danh sách cổ đông là ngày 11 tháng 01 năm 2023, ngày trả cổ tức là ngày 14 tháng 02 năm 2023.

21. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán tổng hợp

21a. Ngoại tệ các loại

	Số cuối năm	Số đầu năm
Dollar Mỹ (USD)	371.705,13	461.339,72
Euro (EUR)	1.515,98	257,16

21b. Nợ khó đòi đã xử lý

	Số cuối năm	Số đầu năm	Nguyên nhân xóa số
Trụ sở chính	719.357.115	719.357.115	Khách hàng đã rời khỏi địa điểm kinh doanh và không có khả năng thanh toán nợ
Chi nhánh Hà Nội	473.072.580	473.072.580	
Cộng	1.192.429.695	1.192.429.695	

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

1a. Tổng doanh thu

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu tiêu thụ thành phẩm	2.695.423.857.977	2.493.013.116.051
Doanh thu chuyển nhượng bất động sản	5.832.371.869	-
Doanh thu hoạt động khác	156.962.817.949	159.826.608.744
Cộng	2.858.219.047.795	2.652.839.724.795

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Trong năm, Công ty phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam		
Bán thành phẩm	21.025.280	9.180.000
Công ty Cổ phần Hơi Kỹ nghệ Que hàn		
Bán thành phẩm	-	10.603.872
Công ty Cổ phần Xà phòng Hà Nội		
Bán thành phẩm	1.043.522.500	-
Công ty Cổ phần Xuất khẩu và Hóa chất Miền Nam		
Bán thành phẩm	-	2.868.552
Công ty Cổ phần Hóa chất Cơ bản Miền Nam		
Bán thành phẩm	297.726.975	286.040.260
Công ty Cổ phần Supe Phốt phát và Hóa chất Lâm Thao		
Bán thành phẩm	151.040.000	153.512.960
2. Các khoản giảm trừ doanh thu		
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chiết khấu thương mại	39.717.088.707	36.782.798.365
Hàng bán bị trả lại	3.359.927.259	3.053.714.174
Cộng	43.077.015.966	39.836.512.539
3. Giá vốn hàng bán		
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn của thành phẩm đã bán	2.038.284.947.685	1.933.707.630.883
Giá vốn chuyển nhượng bất động sản	2.467.254.578	-
Giá vốn hoạt động khác	134.412.647.846	146.282.039.779
Cộng	2.175.164.850.109	2.079.989.670.662
4. Doanh thu hoạt động tài chính		
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	3.462.013.700	482.410.958
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	37.222.222	38.227.763
Cổ tức, lợi nhuận được chia	23.920.000.000	-
Lãi bán ngoại tệ	1.018.633.000	1.705.489.308
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	5.591.186.695	2.490.794.417
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	132.724.747	-
Doanh thu tài chính khác	1.050.997	725.907
Cộng	34.162.831.361	4.717.648.353

5. Chi phí tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí lãi vay	3.849.999.997	4.122.229.641
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	1.957.837.666	661.356.503
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	-	102.844.929
Chi phí tài chính khác	887.311	92.318.756
Cộng	5.808.724.974	4.978.749.829

6. Chi phí bán hàng

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nhân viên	39.353.458.638	34.309.539.366
Chi phí vật liệu, đồ dùng	12.710.224.503	9.960.594.873
Chi phí khấu hao tài sản cố định	4.455.737.232	4.671.085.253
Chi phí dịch vụ mua ngoài	146.730.282.950	105.113.017.055
Các chi phí khác	84.301.928.095	62.916.272.455
Cộng	287.551.631.418	216.970.509.002

7. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nhân viên quản lý	49.646.464.434	46.179.521.497
Chi phí vật liệu, đồ dùng quản lý	16.066.120.122	13.168.636.485
Chi phí khấu hao tài sản cố định	6.899.402.412	7.484.285.684
Thuế, phí và lệ phí	3.228.043.234	4.794.380.425
Chi phí dịch vụ mua ngoài	13.268.502.507	12.293.373.711
Các chi phí khác	29.285.797.071	21.272.529.179
Cộng	118.394.329.780	105.192.726.981

8. Thu nhập khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	286.000.001	138.200.908
Thu nhập do xử lý công nợ	121.446.066	155.529.318
Thu nhập khác	7.315.360	171.415.547
Cộng	414.761.427	465.145.773

9. Chi phí khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Các khoản nộp về thuế	944.681	7.428.925
Chi phí khác	12.384.347	24.573.598
Cộng	13.329.028	32.002.523

10. Lãi trên cổ phiếu

10a. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	213.199.805.317	167.366.172.212
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	(21.319.980.532)	(16.736.617.221)
Trích thưởng HĐQT, Ban điều hành	(309.000.000)	(309.120.000)
Lợi nhuận tính lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	191.570.824.785	150.320.434.991
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm	32.400.000	32.400.000
Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	5.913	4.640

10b. Thông tin khác

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc năm tài chính đến ngày công bố Báo cáo tài chính tổng hợp này.

11. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.877.409.723.065	1.783.404.094.830
Chi phí nhân công	219.471.878.850	208.362.321.537
Chi phí khấu hao tài sản cố định	51.314.475.147	51.358.381.951
Chi phí dịch vụ mua ngoài	167.703.363.513	124.944.494.828
Chi phí khác	139.071.800.892	106.874.558.680
Cộng	2.454.971.241.467	2.274.943.851.826

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP

Tại ngày kết thúc năm tài chính, số dư công nợ liên quan đến mua sắm tài sản cố định như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả tiền mua sắm tài sản cố định	10.553.868.017	3.230.922.750
Trả trước tiền mua sắm tài sản cố định	876.000.000	1.158.240.000

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan**

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

1a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành (Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cũng như các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

Họ và tên	Chức vụ	Năm nay	Năm trước
Hội đồng quản trị			
Ông Phan Thanh Bình	Chủ tịch	-	28.000.000
Ông Phạm Quốc Đại	Chủ tịch	84.000.000	56.000.000
Ông Cao Thành Tín	Thành viên kiêm Tổng Giám đốc	1.401.056.090	1.518.208.128
Ông Bùi Công Thân	Thành viên kiêm Phó Tổng Giám đốc	1.378.491.988	1.346.204.410
Ông Lê Đình Vỹ	Thành viên kiêm Phó Tổng Giám đốc	1.357.991.988	1.280.541.410
Ông Vũ Hoàng Chương (hết nhiệm kỳ ngày 28 tháng 4 năm 2022)	Thành viên	507.875.616	817.859.462
Bà Đoàn Thị Tám (hết nhiệm kỳ ngày 28 tháng 4 năm 2022)	Thành viên	489.121.076	768.789.895
Ông Hà Phước Dư (bỏ nhiệm kỳ ngày 28 tháng 4 năm 2022)	Thành viên	1.232.152.770	-
Ban kiểm soát			
Bà Trương Thị Trâm	Trưởng Ban	538.859.839	565.965.636
Bà Nguyễn Thị Thúy Vân	Thành viên	733.060.060	662.670.936
Bà Phạm Thị Huyền	Thành viên	24.000.000	16.000.000
Ban điều hành			
Bà Phạm Thị Kim Hồng	Kế toán trưởng	1.163.634.818	1.121.278.898
Cộng		8.910.244.245	8.181.518.775

1b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan khác	Mối quan hệ
Tập đoàn Hóa chất Việt Nam	Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Hóa chất Miền Nam	Công ty trong cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Hóa chất Cơ bản Miền Nam	Công ty trong cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Vật tư và Xuất nhập khẩu Hóa chất	Công ty trong cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Hóa chất Việt Trì	Công ty trong cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Phân bón và Hoá chất Cần Thơ	Công ty trong cùng Tập đoàn
Công ty TNHH MTV Apatit Việt Nam	Công ty trong cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Thiết kế Công nghiệp Hóa chất	Công ty trong cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam	Công ty trong cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Công nghiệp Cao su Miền Nam	Công ty trong cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Thuốc sát trùng Việt Nam	Công ty trong cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Phân bón Miền Nam	Công ty trong cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Cao su Sao Vàng	Công ty trong cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Hơi Kỹ nghệ Que hàn	Công ty trong cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Phân bón Bình Điền	Công ty trong cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Supe Phốt phát và Hóa chất Lâm Thao	Công ty trong cùng Tập đoàn
Công ty TNHH Xalivico	Công ty liên kết
Tập đoàn Vingroup - Công ty Cổ phần	Liên quan với công ty liên kết

Giao dịch với các bên liên quan khác

Ngoài các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan khác đã được trình bày ở thuyết minh số VI.1b, Công ty còn phát sinh các giao dịch khác với các bên liên quan khác như sau:

	Năm nay	Năm trước
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Hóa chất Miền Nam		
Mua nguyên vật liệu	50.823.606.150	39.836.336.000
Công ty Cổ phần Hóa chất Cơ bản Miền Nam		
Mua nguyên vật liệu	41.891.277.000	16.427.756.000
Công ty Cổ phần Vật tư và Xuất nhập khẩu Hóa chất		
Mua nguyên vật liệu	1.635.315.000	1.635.136.200
Công ty Cổ phần Hóa chất Việt Trì		
Mua nguyên vật liệu	4.019.834.161	2.445.906.214
Công ty Cổ phần Thiết kế Công nghiệp Hóa Chất		
Phí tư vấn	300.000.000	250.000.000
Công ty Cổ phần Xà phòng Hà Nội		
Mua vật tư	39.800.000	-
Tập đoàn Vingroup – Công ty Cổ phần		
Lãi vay	3.849.999.997	3.849.999.997

Giá hàng hóa, dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan khác là giá thỏa thuận. Việc mua hàng hóa, dịch vụ từ các bên liên quan khác được thực hiện theo giá thỏa thuận.

Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.2, V.12, V.13, V.17 và V.18.

2. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo khu vực địa lý dựa trên cơ cấu tổ chức, quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính nội bộ của Công ty.

2a. Thông tin về khu vực địa lý

Hoạt động của Công ty được phân bổ chủ yếu ở khu vực xuất khẩu và khu vực nội địa.

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng của Công ty như sau:

	Xuất khẩu	Nội địa	Cộng
Năm nay			
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	404.030.147.750	2.411.111.884.079	2.815.142.031.829
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	404.030.147.750	2.411.111.884.079	2.815.142.031.829
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	91.849.744.121	548.127.437.599	639.977.181.720
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận			(405.945.961.198)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh			234.031.220.522

	Xuất khẩu	Nội địa	Cộng
Doanh thu hoạt động tài chính			34.162.831.361
Chi phí tài chính			(5.808.724.974)
Thu nhập khác			414.761.427
Chi phí khác			(13.329.028)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành			(50.857.436.849)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại			1.270.482.858
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp			213.199.805.317

Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác

Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn

	Xuất khẩu	Nội địa	Cộng
Năm trước			
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	475.260.812.997	2.137.742.399.259	2.613.003.212.256
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	475.260.812.997	2.137.742.399.259	2.613.003.212.256

	Xuất khẩu	Nội địa	Cộng
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	96.946.091.734	436.067.449.860	533.013.541.594
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận			(322.163.235.983)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh			210.850.305.611
Doanh thu hoạt động tài chính			4.717.648.353
Chi phí tài chính			(4.978.749.829)
Thu nhập khác			465.145.773
Chi phí khác			(32.002.523)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành			(43.791.999.340)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại			135.824.167
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp			167.366.172.212

Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác

Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng của Công ty như sau:

	Xuất khẩu	Nội địa	Cộng
Số cuối năm			
Tài sản trực tiếp của bộ phận	178.766.351.617	994.785.599.417	1.173.551.951.034
Tài sản phân bổ cho bộ phận			58.656.098.929
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận			1.232.208.049.963
Tổng tài sản			

	Xuất khẩu	Nội địa	Cộng
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận			
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận	56.484.948.185	314.323.207.530	370.808.155.715
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận			13.259.356.876
Tổng nợ phải trả			384.067.512.591

	Xuất khẩu	Nội địa	Cộng
Số đầu năm			
Tài sản trực tiếp của bộ phận	-	-	-
Tài sản phân bổ cho bộ phận	215.093.441.682	895.164.724.512	1.110.258.166.194
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận			57.385.616.071
Tổng tài sản			1.167.643.782.265

	Xuất khẩu	Nội địa	Cộng
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận			
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận	78.015.680.880	324.681.612.494	402.697.293.374
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận			15.845.889.615
Tổng nợ phải trả			418.543.182.989

2b. Thông tin về lĩnh vực kinh doanh

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực 01: Bán thành phẩm.
- Lĩnh vực 02: Bất động sản
- Lĩnh vực 03: Hoạt động khác.

Chi tiết doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài theo lĩnh vực kinh doanh như sau:

	Năm nay	Năm trước
Lĩnh vực bán thành phẩm	2.652.346.842.011	2.453.176.603.512
Lĩnh vực bất động sản	5.832.371.869	-
Lĩnh vực hoạt động khác	156.962.817.949	159.826.608.744
Cộng	2.815.142.031.829	2.613.003.212.256

Chi tiết về chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và tài sản bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh như sau:

	Chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		Tài sản bộ phận	
	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
Lĩnh vực bán thành phẩm	50.675.812.672	58.198.528.918	1.107.982.810.021	1.042.348.262.103
Lĩnh vực bất động sản	-	-	-	-
Lĩnh vực hoạt động khác	2.998.935.974	3.791.685.237	65.569.141.013	67.909.904.091
Cộng	53.674.748.646	61.990.214.155	1.173.551.951.034	1.110.258.166.194

3. Quản lý rủi ro tài chính

Hoạt động của Công ty phát sinh các rủi ro tài chính sau: rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường. Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm trong việc thiết lập các chính sách và các kiểm soát nhằm giảm thiểu các rủi ro tài chính cũng như giám sát việc thực hiện các chính sách và các kiểm soát đã thiết lập.

3a. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng và tiền gửi ngân hàng.

Phải thu khách hàng

Để quản lý nợ phải thu khách hàng, Ban Tổng Giám đốc đã ban hành quy chế bán hàng với các quy định chặt chẽ về các đối tượng mua hàng, định mức bán hàng, hạn mức nợ và thời hạn nợ một cách cụ thể. Hàng tháng Ban Tổng Giám đốc thực hiện kiểm tra việc tuân thủ quy chế bán hàng này. Ngoài ra, nhân viên phòng kế toán thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi.

Khoản phải thu khách hàng của Công ty liên quan đến nhiều đơn vị hoạt động trong các lĩnh vực và các khu vực địa lý khác nhau nên rủi ro tín dụng tập trung đối với khoản phải thu khách hàng là thấp.

Tiền gửi ngân hàng

Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và không có kỳ hạn của Công ty được gửi tại các ngân hàng trong nước. Ban Tổng Giám đốc không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu nào từ các khoản tiền gửi này.

Mức độ rủi ro tín dụng tối đa đối với các tài sản tài chính là giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính (xem thuyết minh số VIII.4 về giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính).

Tất cả các tài sản tài chính của Công ty đều trong hạn và không bị giảm giá trị.

3b. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua các biện pháp: thường xuyên theo dõi các yêu cầu về thanh toán hiện tại và dự kiến trong tương lai để duy trì một lượng tiền cũng như các khoản vay ở mức phù hợp, giám sát các luồng tiền phát sinh thực tế với dự kiến nhằm giảm thiểu ảnh hưởng do biến động của luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính phi phái sinh (không bao gồm lãi phải trả) dựa trên thời hạn thanh toán theo hợp đồng và chưa được chiết khấu như sau:

	Từ 01 năm trở xuống	Trên 01 năm đến 05 năm	Trên 05 năm	Cộng
Số cuối năm				
Phải trả người bán	205.495.091.345	-	-	205.495.091.345
Vay và nợ	55.000.000.000	-	-	55.000.000.000
Các khoản phải trả khác	22.457.567.084	7.073.317.431	-	29.530.884.515
Cộng	282.952.658.429	7.073.317.431	-	290.025.975.860
Số đầu năm				
Phải trả người bán	208.073.423.421	-	-	208.073.423.421
Vay và nợ	55.000.000.000	-	-	55.000.000.000
Các khoản phải trả khác	36.019.221.301	8.340.442.097	-	44.359.663.398
Cộng	299.092.644.722	8.340.442.097	-	307.433.086.819

Ban Tổng Giám đốc cho rằng mức độ rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn. Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn và các khoản vay đến hạn trong vòng 12 tháng có thể được gia hạn với các bên cho vay hiện tại.

3c. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường.

Rủi ro thị trường liên quan đến hoạt động của Công ty gồm: rủi ro ngoại tệ và rủi ro giá hàng hóa, nguyên vật liệu.

Các phân tích về độ nhạy, các đánh giá dưới đây liên quan đến tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và ngày 31 tháng 12 năm 2021 trên cơ sở giá trị nợ thuần. Mức thay đổi của tỷ giá, lãi suất, giá hàng hóa, nguyên vật liệu sử dụng để phân tích độ nhạy được dựa trên việc đánh giá khả năng có thể xảy ra trong vòng một năm tới với các điều kiện quan sát được của thị trường tại thời điểm hiện tại.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Công ty nhập khẩu nguyên vật liệu và mua máy móc thiết bị với đồng tiền giao dịch chủ yếu là USD do vậy bị ảnh hưởng bởi sự biến động của tỷ giá hối đoái.

Công ty quản lý rủi ro liên quan đến biến động của tỷ giá hối đoái bằng cách tối ưu thời hạn thanh toán các khoản nợ, dự báo tỷ giá ngoại tệ, duy trì hợp lý cơ cấu vay và nợ giữa ngoại tệ và VND, lựa chọn thời điểm mua và thanh toán các khoản ngoại tệ tại thời điểm tỷ giá thấp, sử dụng tối ưu nguồn tiền hiện có để cân bằng giữa rủi ro tỷ giá và rủi ro thanh khoản.

Công ty không sử dụng bất kỳ công cụ tài chính phái sinh để phòng ngừa rủi ro ngoại tệ.

Tài sản/(Nợ phải trả) thuần có gốc ngoại tệ của Công ty như sau:

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	USD	EUR	USD	EUR
Tiền và các khoản tương đương tiền	371.705,13	1.515,98	461.339,72	257,16
Phải thu khách hàng	738.935,10	-	931.872,69	-
Phải trả người bán	(1.527.709,86)	-	(1.942.281,18)	-
Các khoản phải trả khác	(281.228,15)	(3.297,93)	(339.896,24)	(7.335,74)
Tài sản/(Nợ phải trả) thuần có gốc ngoại tệ	(698.297,78)	(1.781,95)	(888.965,01)	(7.078,58)

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức độ ảnh hưởng do biến động của tỷ giá hối đoái đến lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Công ty là không đáng kể.

Rủi ro về giá hàng hóa, nguyên vật liệu

Công ty có rủi ro về sự biến động của giá hàng hóa, nguyên vật liệu. Công ty quản lý rủi ro về giá hàng hóa, nguyên vật liệu bằng cách theo dõi chặt chẽ các thông tin và tình hình có liên quan của thị trường nhằm quản lý thời điểm mua hàng, kế hoạch sản xuất và mức hàng tồn kho một cách hợp lý.

Công ty chưa sử dụng các công cụ phái sinh đảm bảo để phòng ngừa các rủi ro về giá hàng hóa/nguyên vật liệu.

3d. Tài sản đảm bảo

Công ty không có tài sản tài chính thế chấp cho các đơn vị khác cũng như nhận tài sản thế chấp từ các đơn vị khác tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2021.

4. Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính

Tài sản tài chính

	Giá trị ghi sổ				Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm		Số đầu năm		Số cuối năm	Số đầu năm
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng		
Tiền và các khoản tương đương tiền	193.849.654.151	-	140.952.448.994	-	193.849.654.151	140.952.448.994
Phải thu khách hàng	184.971.780.034	-	139.518.743.259	-	184.971.780.034	139.518.743.259
Các khoản phải thu khác	3.441.576.586	-	3.641.239.347	-	3.441.576.586	3.641.239.347
Cộng	382.263.010.771	-	284.112.431.600	-	382.263.010.771	284.112.431.600

Nợ phải trả tài chính

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
	Phải trả người bán	205.495.091.345	208.073.423.421	205.495.091.345
Vay và nợ	55.000.000.000	55.000.000.000	55.000.000.000	55.000.000.000
Các khoản phải trả khác	29.530.884.515	44.359.663.398	29.530.884.515	44.359.663.398
Cộng	290.025.975.860	307.433.086.819	290.025.975.860	307.433.086.819

Phương pháp xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính

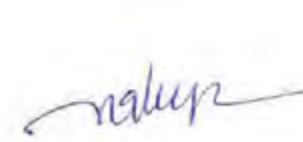
Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

Giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền, phải thu khách hàng, các khoản phải thu khác, vay, phải trả người bán và các khoản phải trả khác tương đương giá trị sổ sách của các khoản mục này.

5. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính tổng hợp.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 13 tháng 02 năm 2023

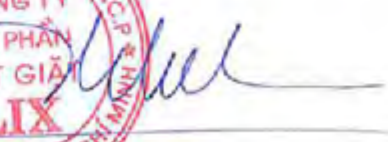


Nguyễn Thị Yến Phương
Người lập



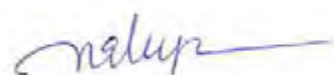
Phạm Thị Kim Hồng
Kế toán trưởng





Cao Thành Tín
Tổng Giám đốc

	Số đầu năm		Số phát sinh trong năm			Số cuối năm	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã nộp	Số thuế được hoàn	Phải nộp	Phải thu
Thuế GTGT hàng bán nội địa	2.015.463.749	-	43.285.766.568	(44.158.721.490)	-	1.142.508.827	-
Thuế giá trị gia tăng nộp ngoại tính	-	-	50.768.369	(50.768.369)	-	-	-
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	-	22.024.833.896	(22.024.833.896)	-	-	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	-	275.671.512	(275.671.512)	-	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	14.911.633.568	-	50.857.436.849	(54.104.238.517)	-	11.664.831.900	-
Thuế thu nhập cá nhân	260.233.383	-	8.941.472.744	(9.114.250.869)	(708.448.036)	87.455.258	708.448.036
Thuế nhà thầu	7.536.773	-	66.386.699	(67.494.527)	-	6.428.945	-
Tiền thuế đất	2.506.605.595	-	5.235.758.333	(7.742.363.928)	-	-	-
Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	-	-	120.744.149	(120.744.149)	-	-	-
Các loại thuế khác	-	-	6.000.000	(6.000.000)	-	-	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	8.165.658	(8.165.658)	-	-	-
Cộng	19.701.473.068	-	130.873.004.777	(137.673.252.915)	(708.448.036)	12.901.224.930	708.448.036



Nguyễn Thị Yến Phương
Người lập



Phạm Thị Kim Hồng
Kế toán trưởng



TP. Hồ Chí Minh, ngày 13 tháng 02 năm 2023

Cao Thành Tín
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2022

CÔNG TY CỔ PHẦN BỘT GIẶT LIX



TP. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 03 năm 2023

XÁC NHẬN CỦA NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT



[Handwritten signature]
CAO THÀNH TÍN



Số 3 Đường Số 2, Phường Linh Trung, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh



(028) 38 964 072



(028) 38 967 522



www.lixco.com

